

CHƯƠNG XV

HAI MƯƠI KỆ

(*VĪSATINIPĀTA*)

§497. CHUYỆN BẠC HIỀN TRÍ MĀTAṄGA (*Mātaṅgajātaka*)¹ (J. IV. 375)

Lão từ đâu đến, đáp y dơ...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Vua Udena.

Vào thời ấy, Tôn giả Piṇḍola Bhāradvāja phi hành từ Kỳ Viên qua không gian, thường đến tránh cơn nóng ban ngày trong vườn ngự uyển của Vua Udena, nước Kosambī. Chuyện kể rằng, Tôn giả này trong một đời trước đã làm vua và một thời gian dài thọ hưởng cảnh vinh hoa phú quý trong chính vườn ngự uyển kia cùng những người hầu cận. Nay nhờ công đức thiện nghiệp ông đã tạo được nên ông thường đến tọa thiền tại đây, tránh cơn nóng ban ngày và hưởng lạc trong [Thánh] quả nhập thiền.

Một hôm, ông vào chỗ đó ngồi dưới một cây sālā đang trổ đầy hoa thì Vua Udena đi vào vườn với một đoàn tùy tùng đông đảo. Suốt bảy ngày trước, vua uống rượu say nên muốn vào ngự viên giải trí. Vua nằm trên vương sàng, trên cánh tay của một nàng cung nữ và được dỗ dành cho mau chóng ngủ thiếp đi. Sau đó, các nữ nhạc công ngồi ca hát quanh vua đặt nhạc khí xuống, vừa đi quanh quần trong vườn ngự uyển vừa nhặt hoa trái. Họ thấy vị Trưởng lão ấy nên bước đến đánh lễ vị ấy và ngồi xuống. Vị Trưởng lão ngồi tại chỗ đó thuyết pháp cho họ nghe. Nàng cung nữ kia đôi cánh tay để đánh thức vua dậy, vua hỏi:

– Các tiện nữ kia đi đâu cả rồi?

Nàng đáp:

– Họ đang ngồi vòng quanh một nhà tu khổ hạnh.

Vua nổi cơn thịnh nộ, đi đến gặp vị Trưởng lão và mạ lỵ, phỉ báng:

– Đi ngay, ta muốn kẻ kia phải bị bày kiến xé xác ra!

Thế là trong cơn thịnh nộ, vua truyền đem một thùng kiến đỏ đến rải tung trên thân thể vị Trưởng lão. Song vị này đã bay lên không gian và thuyết giáo

¹ Xem S. I. 13, 165, *Jaṭṭasutta* (Kinh Triền phục); S. I. 235, *Satthāravandanāsutta* (Kinh Đánh lễ bậc Đạo sư); Cp. 88, *Mātaṅgacariya* (Hạnh của đức Bồ-tát Mātaṅga).

cho vua, sau đó trở về Kỳ Viên hạ xuống trước cổng hương phòng. Đức Như Lai hỏi:

– Ông từ đâu đến?

Trưởng lão ấy kể lại sự việc trên. Ngài bảo:

– Nay Bhāradvāja, đây không phải là lần đầu tiên Vua Udena nổi sân hận và lăng mạ người tu hành mà trước kia cũng đã như thế.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vị Trưởng lão, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Một thời, khi Vua Brahmadatta lên ngôi tại Ba-la-nại, bậc Đại sĩ sinh làm con trai của một người Chiên-đà-la² ở ngoại thành, họ đặt tên ngài là Mātanga (chú voi). Sau đó, ngài thông đạt trí tuệ, danh tiếng lan truyền khắp nơi được gọi là Hiền trí Mātanga.

Lúc bấy giờ, có một nàng tên là Dīṭṭhamaṅgalikā (người thấy các điềm lành), là con gái của một vị thương nhân ở thành Ba-la-nại, cứ một hoặc hai tháng một lần, cô thường vào ngự viên vui đùa cùng đông đảo bạn đồng hành.

Một ngày kia, bậc Đại sĩ đi vào thành liền gặp Dīṭṭhamaṅgalikā, ngài bước sang một bên rồi ước muốn và đứng đó. Từ sau bức màn, Dīṭṭhamaṅgalikā trông thấy ngài và hỏi:

– Ai đó?

– Thưa cô nương, một kẻ Chiên-đà-la.

Nàng đáp:

– Hừ, ta đã thấy nhằm một vật mang điềm xui xẻo.

Rồi nàng rửa mắt bằng nước hoa và quay đi. Những người đi với nàng la lớn:

– Nàng tên bản cùng hèn hạ kia, mày đã làm chúng ta mất phần cơm rượu miễn phí hôm nay.

Trong cơn giận dữ, họ lấy tay chân đá đám đá Hiền trí Mātanga, khiến cho ngài bất tỉnh rồi bỏ đi. Sau một lát, ngài hồi tỉnh và nghĩ thầm: “Đám người đi theo Dīṭṭhamaṅgalikā đã vô cớ đánh đập ta, một kẻ vô tội. Ta quyết sẽ cố gắng cho đến khi ta chiếm được nàng, chẳng để mất nàng.”

Với quyết định này, ngài bước đi đến trước cửa nhà cha nàng và nằm xuống. Khi đám gia nhân hỏi tại sao ngài nằm đó, ngài đáp:

– Ta chỉ muốn được nàng Dīṭṭhamaṅgalikā mà thôi.

Một ngày trôi qua, rồi hai, ba, bốn, năm, sáu, quyết định của chư Bô-tát thường thường không sao lay chuyển được, vì thế vào ngày thứ bảy, họ phải đem cô gái ra trao cho ngài. Sau đó, nàng bảo:

– Nào đứng lên chàng ơi, ta cùng đi về nhà chàng đi!

² Chiên-đà-la (P. Caṇḍāla, S. Caṇḍāla, 旃陀羅), thuộc giai cấp hạ đẳng, tiện dân.

Song ngài đáp:

– Cô nương ôi, ta vừa bị bọn người nhà nàng đánh đập cả người, giờ ta yếu lắm, nàng hãy cõng ta trên lưng và mang đi!

Nàng làm theo lời ấy ngay trước mặt mọi người dân trong thành và nàng cứ tiến dần từ thành đô đi đến vùng tiện dân Chiên-đà-la cư trú.

Ở đó trong vài ngày, bậc Đại sĩ giữ nàng lại mà không chút nào xâm phạm các luật lệ của giai cấp. Rồi ngài suy nghĩ: “Chỉ bằng cách từ bỏ thế tục, chứ không còn cách nào khác để ta mới có thể cho cô nương này thấy cảnh vinh hiển tột bậc và làm cho nàng hưởng những lễ vật cao sang nhất.” Vì thế, ngài bảo nàng:

– Nay nương tử, nếu ta không vào rừng kiếm ăn thì chúng ta không thể sống được. Vậy ta muốn vào rừng, nàng hãy đợi cho đến khi ta về, đừng có lo âu gì cả!

Ngài ra lệnh cho gia nhân không được xao nhãng đối với nàng, rồi đi vào rừng, sống cuộc đời của người tu hành, rất nhiệt tâm tinh tấn. Vì vậy, trong bảy ngày, ngài tu tập và thành tựu tám thiền chứng và năm thắng trí. Sau đó, ngài suy nghĩ: “Nay ta đã có thể bảo vệ Dīṭṭhamaṅgalikā được rồi.”

Nhờ thần thông lực, ngài trở về và hạ xuống công làng Chiên-đà-la, từ đó đi đến nhà Dīṭṭhamaṅgalikā. Khi nghe tin ngài trở về, nàng bước ra và òa lên khóc:

– Tại sao chàng bỏ thiếp và đi tu khổ hạnh?

Ngài đáp:

– Nay nương tử, đừng lo gì cả. Nay ta có thể làm cho nàng vinh quang hơn trước kia nữa. Vậy nàng có chịu nói lên giữa mọi người đúng lời này: “Phu quân ta không phải là Hiền trí Mātanga mà là một đấng Đại Phạm thiên chăng?”

– Thừa phu quân được, thiếp sẽ nói điều ấy.

– Tốt lành thay! Khi dân chúng hỏi: “Chồng nàng đâu?” Nàng trả lời: “Chàng đã đi lên Phạm thiên giới.” Nếu họ lại hỏi: “Thế khi nào chàng về?” Nàng phải đáp: “Trong bảy ngày nữa chàng sẽ về, xuyên qua mặt trăng tròn đầy của đêm rằm.”

Nói xong những lời này, ngài đi vào vùng Tuyết Sơn. Lúc bấy giờ, Dīṭṭhamaṅgalikā nói những điều nàng đã được căn dặn tại khắp nơi ở Ba-la-nại, giữa quần chúng đông đảo. Dân chúng tin ngay lời ấy, bảo nhau:

– Ngài là đấng Đại Phạm thiên nên đã không đến thăm viếng Dīṭṭhamaṅgalikā, nhưng mọi việc sẽ như vậy, như vậy.

Vào đêm trăng rằm, trong lúc vàng trăng đang lên giữa bầu trời, Bồ-tát hóa thành một vị Phạm thiên ở giữa luồng ánh sáng tràn ngập vương quốc Kāśi và kinh thành Ba-la-nại đến mười hai do-tuần, băng ngang qua mặt trăng và giáng trần. Ngài đi vòng quanh kinh thành Ba-la-nại ba lần, được rất nhiều dân chúng tỏ lòng sùng bái bằng các vòng hoa thơm và hương liệu khác rồi quay mặt về hướng ngôi làng Chiên-đà-la.

Những người ngưỡng mộ Phạm thiên tụ tập cùng nhau đi về phía làng Chiên-đà-la ấy. Họ bao phủ căn nhà của Diṭṭhamaṅgalikā bằng màu vải trắng tinh, lau sàn nhà bằng bốn loại hương thơm, rải hoa khắp nơi, đốt trầm hương, trưng một tấm vải làm mái che, đặt một bảo tòa rực rỡ, thắp đèn dầu thơm, rắc lớp cát mịn như phiến bạc rồi treo đèn, kết hoa và cờ xí rợp trời.

Trước gian nhà được trang hoàng long lẫy thế kia, bậc Đại sĩ bước vào và ngồi một lát trên bảo tòa. Lúc ấy, Diṭṭhamaṅgalikā đang kỳ kinh nguyệt. Ngài lấy ngón tay trở rờ vào rốn nàng và nàng thụ thai. Sau đó, bậc Đại sĩ bảo nàng:

– Nay hiền thê, nàng đã thụ thai, nàng sẽ sinh ra một con trai. Nàng và con trai nàng sẽ được phú quý tốt bậc. Nước rửa chân nàng sẽ được vua chúa dùng làm lễ Quán đánh phong vương ở cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ). Nước nàng tắm sẽ là thứ tiên được trường sinh bất tử, người nào rảy nước đó lên đầu sẽ thoát khỏi mọi thứ bệnh tật và không gặp điềm xui xẻo. Những người nào được đặt đầu dưới chân nàng và kính lễ nàng sẽ dâng lên một ngàn đồng tiền vàng. Những người nào được đứng gần đủ để có thể nghe nàng nói và kính lễ nàng sẽ dâng lên một trăm đồng. Những người nào được đứng để trông thấy nàng và kính lễ nàng sẽ dâng một đồng kahāpaṇa.³ Vậy nàng hãy tỉnh giác giữ mình cẩn thận!

Cùng với lời khuyên giáo này, trước mặt một đám đông, ngài đứng dậy và lại đi vào mặt trăng. Những người sùng bái Phạm thiên tụ tập nhau lại và đứng đó suốt đêm. Sáng hôm sau, họ mời nàng lên chiếc kiệu bằng vàng và đội nàng lên đầu, rước nàng vào kinh đô. Một đám đông dân chúng chạy đến phía nàng kêu lớn:

– Kia, hoàng hậu của đảng Phạm thiên!

Rồi họ cúng bái nàng với các thứ hoa thơm và nhiều thứ nữa, những người nào được phép đặt đầu dưới chân nàng và kính lễ đều dâng lên túi tiền một ngàn đồng. Người nào đứng gần nàng và kính lễ thì dâng một trăm. Người nào đứng đủ nhìn thấy được nàng và kính lễ thì dâng một đồng kahāpaṇa. Cứ vậy, họ tiến dần khắp thành Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần và thu được tổng số một trăm tám chục triệu đồng.

Sau khi đi xung quanh thành như vậy, họ rước nàng vào nội thành, dựng lên một ngôi đình lớn vây màn chung quanh, mời nàng yên nghỉ tại đó giữa cảnh huy hoàng vinh quang như thế. Tới ngôi đình, họ bắt đầu xây bảy thành lũy và dựng một lâu đài bảy tầng, họ đã tạo được nhiều công đức.

Cũng trong ngôi đình ấy, Diṭṭhamaṅgalikā sinh hạ con trai. Vào ngày đặt tên hài nhi, các Bà-la-môn tụ họp nhau và đặt tên nó là Maṇḍavya (Trung Đình), vì nó được sinh ra tại đó. Độ mười tháng, lâu đài kia đã được xây xong, từ đó nàng vào ở trong lâu đài vô cùng vinh hiển và Vương tử Maṇḍavya lớn lên giữa cảnh huy hoàng tột bậc.

³ Đồng tiền Ấn Độ trị giá khoảng 5 đồng shilling của Anh.

Khi hài nhi được bảy tuổi, những bậc thầy danh tiếng nhất khắp toàn cõi Diêm-phù-đề tập hợp lại và dạy cậu ba tập Vệ-đà. Từ lúc mười sáu tuổi, cậu đã cúng dường thực phẩm cho các vị Bà-la-môn và thường xuyên có mười sáu ngàn Bà-la-môn thọ thực; các vị Bà-la-môn được cúng dường phẩm vật tại thành lũy thứ tư.

Bấy giờ vào một ngày hội lớn, dân chúng chuẩn bị một lượng lớn cháo sữa, rồi mười sáu ngàn Bà-la-môn ngồi tại thành lũy thứ tư dùng món cháo ấy cùng với món bơ tươi màu vàng óng ánh, nước đường pha mật ong đặc. Và chính vị vương tử trang điểm ngọc châu sáng rực rỡ, mang đôi hài vàng dưới chân, cầm chiếc gậy vàng rồng trong tay, vừa đi quanh vừa chỉ dẫn:

– Này bơ đây, mật ong đây!

Vào lúc ấy, Hiền trí Mātanga đang ngồi trong thảo am ở vùng Tuyết Sơn, và hướng tâm tứ vào việc xem xét những gì xảy ra cho con trai của nàng Ditṭhamāṅgalikā. Khi nhận thấy cậu con trai đang đi lạc vào tà đạo, ngài suy nghĩ: “Hôm nay ta sẽ đi giáo hóa cho cậu bé kia và dạy cho nó biết cúng dường như thế nào để lễ vật bố thí ấy sẽ mang lại kết quả lớn.”

Ngài liền bay qua không gian đến hồ Anotatta, rửa mặt và súc miệng. Rồi khi đứng tại Manosilātala (thuộc vùng Tuyết Sơn), ngài khoác đôi tấm y được nhuộm vào, quần thắt lưng quanh người rồi đắp phần tảo y (áo may bằng vải cũ dơ lượm ở bãi rác hoặc mộ địa) ra ngoài, cầm bình bát đất, phi hành qua không gian đến thành lũy thứ tư ấy, tại nơi đó ngài hạ xuống ngay cạnh bố thí đường và đứng một bên. Đang lúc Maṇḍavya nhìn quanh quần, chợt thấy ngài liền kêu to:

– Lão từ đâu đến đây, hỡi kẻ khô hạnh kia, lão giống một thứ yêu quý rác rưởi, xấu xí như vậy?

Rồi cậu ngâm vần kệ đầu:

1. Lão từ đâu đến, đắp y dơ,
Người ngọm tôi tàn tạ quý ma,
Giẻ rách làm y quàng trước ngực,
Lão là ai, chẳng xứng phần quà?

Bậc Đại sĩ lắng nghe, rồi với lòng từ mẫn, ngài đáp lời cậu qua vần kệ thứ hai:

2. Vương tử, thức ăn đã sẵn bày,
Mọi người ăn uống hưởng no say,
Bọn ta, ngài biết thương sinh sống,
Bằng thứ tìm ra bởi gặp may,
Xin hãy ban cho người hạ tiện,
Hưởng phần thực phẩm còn thừa đây!

Tiếp theo Maṇḍavya ngâm vần kệ thứ ba:

3. Phần các La-môn hưởng phước ân,
Này đây thực phẩm chính tay dâng,
Bán thân lợi ích, thí thành kính,
Lão đứng chi đây? Hãy cút nhanh!
Chẳng có phần cho người hạ tiện,
Kẻ hèn kia hãy bước đi luôn!

Vì nghe thế, bậc Đại sĩ ngâm vần kệ:

4. Mọi nơi cao thấp họ gieo trồng,
Mong gặt quả trên đám ruộng đồng,
Chánh đạo này đây, xin bố thí,
Sau ngài xứng đáng hưởng phần công.

Sau đó, Maṇḍavya đáp kệ:

5. Ta biết đất ta muốn cấy trồng,
Những vùng xứng đáng hạt đầm bông,
La-môn quý tộc, thông kinh thánh,
Là đất lành phong phú ruộng đồng.

Rồi bậc Đại sĩ lại ngâm hai vần kệ:

6. Ngạo mạn giống dòng quá tự kiêu,
Tham sân si, uống rượu say nhiều,
Người tâm chứa đủ sai lầm ấy,
Là đất hoang cần để hạt gieo.
7. Ngạo mạn giống dòng quá tự kiêu,
Tham sân si, uống rượu say nhiều,
Người tâm không chứa sai lầm ấy,
Là đất tốt mềm để hạt gieo.

Bậc Đại sĩ cứ ngâm đi ngâm lại những lời kệ ấy mãi nên cậu trai nổi giận và kêu lớn:

– Lão này nói quàng xiên quá nhiều rồi, những người gác cổng đi đâu cả mà không tổng cổ lão ra?

Rồi cậu ngâm kệ:

8. Này Bhaṇḍakucchi,⁴ hỡi Upajjhāya!
Ta bảo, đâu rồi Upajotiya,
Trùng phạt lão này bằng gậy gộc,
Tên hèn hạ, tổng cổ ngay ra!

Bọn gia nhân nghe tiếng cậu gọi liền chạy đến ngay, kính lễ cậu rồi hỏi:

- Tâu chúa công, chúng tiểu nô phải làm gì đây?
– Thế các người không thấy tên hạ liệt tồi tàn này sao?

⁴ Bản CST viết Gaṇḍakucchi.

– Tàu chúa công, không, chúng tiểu nô không biết lão đã tới đây lúc nào, chắc chắn lão là tên lừa bịp xảo trá rồi!

– Vậy sao các ngươi còn đứng đó?

– Tàu chúa công, vậy chúng tiểu nô phải làm gì đây?

– Phải vả vào mồm, bẻ hàm lão ra, lấy roi gậy đánh cho nát lưng, trừng phạt lão đi. Tóm lấy tên khốn kiếp này, quăng lão xuống, tống ra khỏi đây ngay!

Song trước khi bọn chúng đến gần ngài, bậc Đại sĩ đã bay lên không, vừa đứng vững ở đó vừa ngâm kệ:

9. Phi báng Hiền nhân lợi ích bằng,
Vớ khi nuốt ngọn lửa đang hồng,
Hay là sắt cứng đưa răng cắn,
Đào núi mà dùng móng vuốt không.

Sau khi nói xong những lời này, bậc Đại sĩ vụt lên cao trong khi cậu trai và các Bà-la-môn ngơ ngác nhìn theo.

Bậc Đạo sư ngâm kệ để giải thích việc này:

10. Nói vậy, Mātanga Trí nhân,
Ăn tu, nỗ lực đạt thuần chân,
Rồi ngài bay bổng trên không khí,
Trước mắt Bà-la-môn dõi theo.

Ngài quay mặt về hướng Đông, hạ xuống một đường phố với ý định làm cho dấu chân ngài được nhìn thấy nên ngài khát thực gần Đông môn. Lúc ấy, sau khi đã nhận được một số thực phẩm đủ loại, ngài ngồi xuống một sảnh đường và bắt đầu ăn.

Song các thần linh trong kinh thành chợt đến, thấy rằng người này đã nói năng như vậy làm phiền nhiễu vị Hiền nhân của họ là điều không thể dung thứ được nên vị thần cao niên nhất chụp lấy cổ Maṇḍavya và vặn téo, các quý kia lại chụp lấy cổ các Bà-la-môn ấy và vặn luôn. Song vì thương cảm Bồ-tát, các vị ấy không giết Maṇḍavya, các vị bảo:

– Đó là con trai của ngài.

Và các vị chỉ hành hạ cậu ta thôi. Đầu của Maṇḍavya bị vặn téo ra đằng sau vai, tay chân cậu cứng đờ, mắt trợn trừng như thể chết rồi, cậu nằm rũ liệt tại đó. Các Bà-la-môn kia quay cuồng vật vã, mồm chảy nước miếng tràn ra. Dân chúng đến báo tin cho Dīṭhamaṅgalikā:

– Thừa phu nhân, có chuyện chẳng lành xảy ra cho vương tử!

Bà vội chạy đến thấy cậu con trai liền kêu lớn:

– Ôi, sao lại thế này?

Rồi bà ngâm kệ:

11. Vặn tréo đầu con khỏi bả vai,
Kìa sao con duỗi cánh tay dài,
Bơ vơ mắt trắng đường như chết,
Kẻ hại con mình đó chính ai?

Khi ấy, những người đứng ngoài xem liền ngâm kệ nói cho bà biết chuyện kia:

12. Ăn sĩ đây khoác áo dơ,
Tồi tàn người ngợm tợ yêu ma,
Y bằng giẻ rách quàng ngang ngực,
Chính kẻ hành hung quý tử bà.

Nghe vậy, bà suy nghĩ: “Chắc chắn đó là Hiền trí Mātanga, không ai khác có thần lực như vậy. Song một người thủy chung và đầy thiện ý đối với mọi loài, chẳng bao giờ lại bỏ đi để cho những người này phải chịu sự hành hạ thế kia, nay không biết ngài đã đi hướng nào?” Bà hỏi câu này qua vần kệ sau:

13. Về hướng đi nào, bậc Trí nhân?
Trả lời ta, hỡi các vương tôn!
Chúng ta đi chuộc cho lầm lỗi,
Để giúp con ta được tỉnh hồn.

Các chàng trai kia đáp lời bà theo cách này:

14. Bậc Hiền vụt hiện giữa không gian,
Như thể vàng trắng giữa tối rằm,
Đẹp mặt thay, ngài sùng chánh đạo,
Phương Đông theo hướng ấy lên đàng.

Khi họ đáp như thế, bà liền bảo:

– Ta quyết sẽ đi tìm phu quân ta.

Bà ra lệnh đem theo nhiều bình vàng và chén vàng, rồi được một nhóm tỳ nữ vây quanh, bà ra đi, tìm thấy nơi có dấu chân của ngài đã in xuống đất, bà cứ theo dấu chân này cho đến khi gặp ngài đang ngồi trên một chỗ kia và ăn cơm. Đi đến gần ngài, bà đánh lễ rồi đứng im. Khi thấy bà, ngài đặt miếng cơm vào bát. *Dīṭṭhamāṅgalikā* rót nước lên tay ngài từ chiếc bình vàng, ngài lập tức rửa tay và súc miệng. Sau đó bà hỏi:

– Ai đã làm việc tàn ác này cho con trai của thiếp?

Và bà ngâm kệ:

15. Vặn tréo đầu con khỏi bả vai,
Kìa sao con duỗi cánh tay dài,
Bơ vơ mắt trắng đường như chết,
Kẻ hại con mình đó chính ai?

Các vần kệ sau đây là lời đối đáp xen kẽ nhau giữa hai vị:

[Hiền trí Mātanga:]

16. Dạ-xoa có đại lực uy thần,
Theo ần sĩ nào hạnh tốt lành,
Chúng thấy con nàng sân, ác ý,
Khiến cho như vậy đối con nàng.

[Ditṭhamaṅgalikā:]

17. Chính các dạ-xoa tạo việc này,
Xin ngài đừng giận thiếp nơi đây,
Thiếp đây sầu khổ vì con trẻ,
Theo đến, quy y dưới gót ngài.

[Hiền trí Mātanga:]

18. Tâm ta, hãy biết, chẳng tiềm tàng,
Từ trước đến giờ, ý hận sân,
Con trẻ không thông ba Thánh điển,
Vì đây vọng tưởng, ngập kiêu căng.

[Ditṭhamaṅgalikā:]

19. Con người có thể, hỡi Hiền nhân,
Bồng chốc trí khôn hóa tối tăm,
Tha lỗi thiếp này, thưa Trí giả,
Bậc Hiền không để khởi hờn căm.

Bậc Đại sĩ được bà xoa dịu bằng lời lẽ như vậy liền đáp:

– Được, ta sẽ cho nàng thứ tiên dược trường sinh bắt từ để đuổi bọn quỷ ma ấy đi xa.

Rồi ngài ngâm kệ:

20. Chút của thừa này, hãy lấy mang,
Cho Maṇḍa khôn khổ phần ăn,
Con nàng sẽ mạnh, mau bình phục,
Bọn quỷ tha mỗi, được thoát thân.

Khi bà nghe những lời này của bậc Đại sĩ liền đưa chiếc bình bát vàng ra và nói:

– Xin phu quân hãy cho thiếp thuốc tiên bắt từ ấy!

Bậc Đại sĩ đổ vào đó một ít cháo còn lại và bảo:

– Hãy đổ một nửa cháo này vào miệng con nàng, còn lại thì trộn với nước rồi đổ vào miệng các Bà-la-môn kia, chúng sẽ được bình phục!

Rồi ngài đứng lên đi về phía Tuyết Sơn. Bà mang bình ấy trên đầu và kêu:

– Ta đã được thuốc tiên bắt từ rồi.

Khi về đến nhà, trước hết bà đổ một ít cháo vào miệng con trai bà. Dạ-xoa liền chạy trốn.

Maṇḍavya đứng dậy, phúi bụi bặm rồi hỏi:

– Cái gì đây mẹ?

– Con sẽ hiểu rõ những việc con đã làm. Này con, hãy lại đây xem tình cảnh của những người đáng cúng dường của con kìa!

Khi cậu nhìn thấy họ, lòng cậu đầy ân hận. Rồi mẹ cậu bảo:

– Này Maṇḍavya yêu quý, con thực là kẻ ngu si, không biết bố thí cách nào để của bố thí ấy mang lại kết quả tốt. Bọn này không xứng đáng với lòng hào phóng của con đâu, chỉ những vị nào như bậc Hiền trí Mātanga mới xứng đáng thôi. Từ nay về sau, đừng đem cho những người kém giới như bọn này mà chỉ nên bố thí cúng dường những người đức hạnh.

Rồi bà ngâm kệ:

21. Maṇḍavya, tiểu trí ngu đần,
Chẳng hiểu rõ gì là phước điền,
Con cúng dường bao người trọng tội,
Lũ người ô nhiễm, không điều thân.
22. Xiêm áo da dê, bện tóc dày,
Miệng như giếng cũ, để râu dài,
Hãy nhìn tư cách không lành thiện,
Đừng cúng kẻ ngu, trang phục vậy.
23. Vị nào dứt ái dục, si, sân,
Thành bậc A-la-hán, lậu dưng,
Nếu cúng Hiền nhân thanh tịnh ấy,
Người này hưởng quả lớn riêng phần.

Vậy từ nay về sau, con đừng bố thí cho hạng người thiếu giới hạnh như thế này mà chỉ nên bố thí cúng dường những người nào ở trên đời này đạt tám thiên chứng, là những nhà tu khổ hạnh, các Sa-môn, Bà-la-môn chân chính đã chứng năm thắng trí, các vị Độc Giác Phật. Này con, để mẹ đưa loại thuốc tiên bất tử này cho bọn gia nhân của ta đây và làm chúng bình phục.

Nói vậy xong, bà lấy miếng cháo thừa ấy đổ vào một bình nước và rải lên miệng mười sáu ngàn Bà-la-môn kia. Mọi người đều đứng dậy và phúi hết bụi bặm.

Sau đó, vì các Bà-la-môn này đã phải nếm thức ăn thừa của một kẻ Chiên-đà-la nên bị các Bà-la-môn khác tổng xuất ra khỏi giai cấp ấy. Đây ô nhục, họ rời thành Ba-la-nại và đi về vương quốc Mejjha, tại đây họ ở chung với vua xứ đó. Còn Maṇḍavya vẫn ở chốn cũ.

Vào thời đó, có một Bà-la-môn tên là Jātīmanta, là một người tu hành ở gần kinh thành Vettavatī trên bờ sông có cùng tên ấy, ông là kẻ rất kiêu mạn về dòng dõi của mình. Bậc Đại sĩ liền đến đó, quyết đập tan lòng kiêu mạn của ông ta. Ngài dựng am trú ngụ gần đó, sống ở phía thượng nguồn con sông.

Một hôm, sau khi xia răng xong, ngài thả cây tắm xuống dòng nước, cố ý để cho nó vướng vào búi tóc của Jātīmanta. Vì vậy, trong khi ông ấy đang tắm trong dòng nước sông, cây tắm ấy vướng vào búi tóc ông. “Đồ súc sinh!” Ông nói trong khi thấy cây tắm: “Nó từ đâu đến đây, cái đồ phá hoại này. Ta phải tìm hiểu xem.”

Ông liền đi ngược dòng, khi thấy bậc Đại sĩ liền hỏi:

– Ông thuộc giai cấp nào?

– Ta là một Chiên-đà-la.

– Có phải ông đã thả cây tắm xuống dòng sông chẳng?

– Chính phải.

– Đồ súc sinh, quân tôi tàn hạ đẳng! Đồ mắc dịch, ngươi không được ở đây mà phải đi xuống chỗ hạ lưu kia!

Song khi ngài xuống ở vùng hạ lưu, cây tắm ngài thả trôi ngược dòng nước vẫn vướng vào tóc Jātīmanta. Ông ta mắng:

– Quân đáng nguyên rủa! Nếu ngươi ở đây trong bảy ngày nữa, đầu ngươi sẽ tan thành bảy mảnh.

Bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Nếu ta buông mình theo cơn thịnh nộ với người này thì ta không giữ được công đức, song ta sẽ tìm cách phá tan lòng kiêu mạn của ông ta.”

Vào ngày thứ bảy, ngài ngăn cản mặt trời mọc, cả trần gian đều tối tăm nên dân chúng kéo đến vị tu khổ hạnh Jātīmanta và hỏi:

– Thưa Tôn giả, có phải chính ngài ngăn cản mặt trời mọc chẳng?

Ông ta đáp:

– Việc đó không phải do ta làm mà có một lão Chiên-đà-la sống gần bờ sông, chắc lão ấy làm đấy.

Sau đó, dân chúng đến gặp bậc Đại sĩ và hỏi lại:

– Thưa Tôn giả, có phải chính Tôn giả ngăn cản mặt trời mọc chẳng?

Ngài đáp:

– Này các Hiền hữu, chính phải!

Họ hỏi:

– Tại sao thế?

– Vị tu khổ hạnh được các Hiền hữu quý mến đã phỉ báng ta, một người vô tội, vậy khi nào vị đó đến quỳ dưới chân ta để xin thương xót thì ta mới để cho mặt trời mọc lên.

Dân chúng đi kéo lê ông ta rồi thả ông xuống trước chân bậc Đại sĩ và vừa cố sức vỗ về ngài vừa nói:

– Thưa Tôn giả, xin cho mặt trời mọc.

Song ngài đáp:

– Ta không thể để mặt trời mọc được, vì nếu ta làm như thế, đầu kẻ này sẽ vỡ thành bảy mảnh.

Họ hỏi:

– Thưa Tôn giả, vậy chúng tôi phải làm gì?

– Hãy đem cho ta một cục đất!

Họ đem lại một cục đất.

– Nào, hãy đặt cục đất lên đầu người khổ hạnh này, rồi kéo ông ta xuống nước!

Sau khi sắp đặt việc này xong, ngài để cho mặt trời mọc lên. Vừa khi mặt trời được di chuyển tự do, cục đất nứt thành bảy mảnh, còn người tu khổ hạnh nhảy tùm xuống nước.

Sau khi đã hàng phục ông ta như vậy, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Mười sáu ngàn Bà-la-môn kia hiện ở đâu?” Ngài nhận ra họ đang ở với vua xứ Mejjha và quyết định đi hàng phục họ nên dùng thần lực, ngài hạ xuống vùng ngoại thành, cầm bình bát trong tay đi khát thực. Khi các Bà-la-môn thấy ngài, họ bảo nhau:

– Chỉ để lão ở đây hai ngày thôi là lão sẽ làm ta mất nơi nương tựa!

Họ vội vàng chạy đến yết kiến vua và kêu to:

– Tâu Đại vương, có một lão khoác lác đại bịp đến đây, xin hãy bỏ tù lão!

Vua rất sẵn sàng. Còn bậc Đại sĩ với bát thức ăn đủ loại đang ngồi ăn bên cạnh bức thành trên một chiếc ghế dài. Tại đó, trong khi ngài đang ăn, đám thị vệ của vua tìm đến, lấy kiếm đánh ngài rồi giết đi. Sau khi mạng chung, ngài tái sanh lên cõi Phạm thiên.

Chuyện kể rằng, trong kiếp này Bồ-tát là một người chuyên điều phục những kẻ thô ác và ngài phải chịu chết vì công việc này. Các vị thần nổi giận liền trút xuống toàn vương quốc Mejjha một trận lửa tro nóng rực, phá hủy toàn bộ nước ấy.

Vì thế có lời lưu truyền:

Người ta kể chuyện cả non sông,
Của xứ Mejjha phải diệt vong,
Nước kia bị xóa tan bờ cõi,
Vì giết Mātanga, bậc lấy lòng.

Khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này. Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên Vua Udena phỉ báng các vị tu khổ hạnh mà xưa kia cũng thế.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Vua Udena là Maṇḍavya và Ta chính là Hiền trí Mātanga.

§498. CHUYỆN ĐÔI BẠN CITTA VÀ SAMBHŪTA

(*Citta-Sambhūta-jātaka*)⁵ (J. IV. 390)

Các nghiệp người làm, quả sẽ mang...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về hai người bạn đồng tu của Tôn giả Mahākassapa (Đại Ca-diếp) sống rất hòa hợp với nhau.

Chuyện kể rằng đôi bạn này vô cùng thân thiết, phân chia mọi thứ cùng nhau hết sức công bằng, ngay cả khi đi khát thực, hai vị cũng cùng đi và cùng trở về với nhau, hai vị không hề rời nhau.

Trong pháp đường, Tăng chúng đang ngồi tán thán về tình bằng hữu ấy thì bậc Đạo sư bước vào, hỏi các vị đang bàn luận chuyện gì khi ngồi tại đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài đáp:

– Này các Tỷ-kheo, tình bạn này chỉ trong một đời sống chẳng có gì kỳ lạ cả, vì các bậc Trí nhân ngày xưa đã giữ được tình bằng hữu vững bền suốt cả ba, bốn đời.

Nói vậy xong, Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, trong quốc độ Avanti, tại kinh thành Ujjenī, Đại vương Avanti đang trị vì dân chúng. Lúc ấy, Bô-tát ra đời tại một làng Caṇḍāla (Chiên-đà-la) ở ngoại thành Ujjenī. Một người khác được sinh làm con trai bà dì của ngài. Một cậu bé tên là Citta, cậu kia tên là Sambhūta. Khi hai cậu trưởng thành thì đã học được nghề gọi là quét bằng chổi của dòng họ Chiên-đà-la. Một ngày nọ, hai cậu nghĩ rằng mình sẽ đi trình diễn nghề này tại cổng thành Ujjenī, thế là một cậu biểu diễn tại Bắc môn, một cậu tại Đông môn.

Bấy giờ, trong kinh thành này có hai cô gái giỏi nghề xem tướng, một cô là con gái của một thương nhân và cô kia là con của một vị tế sư. Hai cô gái ấy đi vui trong công viên, sau khi bảo gia nhân đem theo thực phẩm đủ loại cứng, loại mềm, vòng hoa hương liệu, ngẫu nhiên một cô đi ra cổng phía Bắc và một cô ra cổng phía Đông. Khi thấy hai thanh niên Chiên-đà-la đang biểu diễn tài nghệ, hai cô hỏi:

– Chúng là ai đây?

Rồi hai cô được cho biết đó là hai kẻ Chiên-đà-la. Hai cô bảo:

– Thấy điếm này xui xẻo lắm!

Và sau khi rửa mắt bằng nước hương thơm, cả hai đều đi về. Sau đó, dân chúng la lớn:

– Này bọn hạ đẳng tồi tàn kia, chúng bây đã làm chúng ta mất phần cơm rượu đáng lẽ được hưởng miễn phí đấy!

⁵ Xem J. IV. 476, *Hatthipālajātaka* (Chuyện Hiền giả Hatthipāla), số §509; D. II. 220, *Mahāgovindasutta* (Kinh Đại Diễn Tôn), số 19; S. I. 2, *Upanīyasutta* (Kinh Đưa đến đoạn tận); S. I. 54, *Uttarasutta* (Kinh Uttara); A. I. 155, *Paṭhamadvebrāhmaṇasutta* (Kinh thứ nhất về hai Bà-la-môn).

Chúng đánh đập hai anh em cùng họ ấy một trận nhừ tử, làm cả hai đau đớn ê chề. Khi hai người tỉnh dậy liền đi tìm nhau và kể cho nhau nghe tai họa đã đến cho mình, rồi lại kêu gào và cố nghĩ cách xem phải làm gì đây. Cả hai suy nghĩ: “Tất cả những sự đau khổ này đã giáng xuống chúng ta chỉ vì dòng giống ta sinh ra. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ làm kẻ Chiên-đà-la nữa mà chúng ta phải giấu tung tích dòng họ để rồi đi tới Takkasilā, giả dạng các nam tử Bà-la-môn và học tập tại đó.”

Sau khi đã quyết định như vậy, cả hai cùng đến đó học tập với một vị giáo sư danh tiếng lẫy lừng. Thiên hạ đồn vang khắp cõi Diêm-phù-đề (Ấn Độ) rằng có hai nam tử Chiên-đà-la đang làm thư sinh và giấu giếm tung tích gia tộc mình. Trí giả Citta học tập thành công, song chàng Sambhūta thì không được như vậy.

Một ngày kia, có người dân làng mời vị giáo sư ấy với ý định cúng dường thực phẩm cho các Bà-la-môn. Bấy giờ, do ngẫu nhiên, mưa suốt đêm ấy làm ngập lụt mọi hang động trên đường đi. Sáng sớm hôm sau, vị giáo sư gọi Trí giả Citta vào và bảo:

– Này con, hôm nay thầy không đi được, vậy con đi cùng các nam tử kia, rồi làm lễ chúc phước lành và khi con ăn thực phẩm của mình xong, hãy mang về những món để dành cho thầy!

Do đó, chàng đem các thanh niên Bà-la-môn khác cùng lên đường. Trong khi các thanh niên tắm rửa và súc miệng, dân chúng dọn món cháo gạo đã chuẩn bị sẵn để mời khách quý và bảo:

– Để cho nó nguội đi.

Trước khi cháo nguội, các thanh niên đã đến ngồi xuống. Dân chúng dâng nước cúng dường, rồi đặt các bát cháo trước mặt họ. Trí óc Sambhūta có hơi trì độn nên tưởng cháo đã nguội liền múc một hớp bỏ vào miệng, song nó như viên sắt rực đỏ làm phỏng miệng chàng. Trong lúc hoảng sợ, chàng quên mất vai trò của mình liền liếc qua Trí giả Citta và nói bằng ngôn ngữ của dân Chiên-đà-la:

– Phỏng rồi, phỏng rồi!

Chàng kia quên mất bản thân mình nên đáp lại theo ngôn ngữ của họ:

– Nhỏ ra, nhỏ ra mau!

Nghe thế, các thanh niên nhìn nhau bảo:

– Loại ngôn ngữ gì thế này?

Lúc ấy, Trí giả Citta nói lời chúc lành cho tất cả. Khi các chàng trai kia về nhà, họ tụ tập thành tùm năm, tùm ba và ngồi bàn luận về những từ ngữ đã được dùng kia. Khi nhận ra đó là ngôn ngữ của bọn Chiên-đà-la, họ kêu to:

– Quân hạ đẳng tồi tàn kia! Chúng bây đã lừa dối cả bọn ta, lâu nay cứ giả dạng làm Bà-la-môn!

Rồi họ đánh đập hai vị ấy. Có một người tốt bụng xua đuổi hai vị ra và nói:

– Đi ngay, vết nhục nằm trong huyết thống kia! Phải đi ngay, đến đâu đó mà làm ần sĩ khổ hạnh!

Rồi các thanh niên Bà-la-môn trình với vị giáo sư rằng đây là hai kẻ Chiên-đà-la giả dạng. Hai chàng đi vào rừng, sống đời sống khổ hạnh tại đó, sau một thời gian chết đi, họ tái sanh làm hai chú nai con bên bờ sông Nerañjarā (Ni-liên-thiên). Từ lúc sinh ra, chúng luôn luôn ở bên nhau. Một ngày kia, sau khi chúng ăn xong, một người thợ săn chợt thấy chúng dưới một gốc cây đang ngồi nhai lại [thức ăn], âu yếm vuốt ve nhau rất hạnh phúc, đầu sát đầu, mõm kề mõm, sừng bên sừng. Gã liền phóng lao tới, giết trọn luôn cả hai bằng nhát lao ấy.

Sau đó, chúng tái sanh làm con của chim ưng biển trên bờ Nerubudda (Niết-bút). Cũng tại đó, chúng lớn lên, sau khi ăn xong lại ôm ấp, đầu sát đầu, mỏ kề mỏ. Một kẻ bẫy chim trông thấy, bắt cả hai và giết đi.

Sau đó, Trí giả Citta tái sanh tại Kosambī, làm con vị tế sư, còn Trí giả Sambhūta tái sanh làm vương tử của Vua Uttarapañcāla. Ngay từ ngày được đặt tên, hai hài nhi ấy đã có khả năng nhớ lại các đời trước của mình. Song Trí giả Sambhūta không thể nào nhớ hết tất cả mà không bị gián đoạn, cậu chỉ nhớ đời thứ tư hoặc đời Chiên-đà-la thôi, còn Trí giả Citta lại nhớ đủ cả bốn đời theo thứ tự.

Khi Citta được mười sáu tuổi, chàng xuất gia làm ần sĩ khổ hạnh ở vùng Tuyết Sơn, tu tập làm phát khởi thắng trí do thiên định và an trú trong hỷ lạc thiên định. Còn Trí giả Sambhūta, sau khi phụ vương băng hà liền được phong chiếc lọng trắng trên đầu. Vào ngày lễ phong vương, giữa quần thần đông đảo, ngài làm một bài ca tức vị rồi rung cảm ngâm lên hai đoạn.

Khi quần thần nghe xong, các cung phi và nhạc công đều ca hát, bảo nhau:

– Đây là khúc đăng quang của đức vua chúng ta!

Dần dà với thời gian, dân chúng đều ca khúc hát ấy vì đó là đạo ca được vua yêu thích. Trí giả Citta đang an trú ở vùng Tuyết Sơn, tự hỏi không biết hiện đệ Sambhūta của ngài đã được giương chiếc lọng trắng ấy chưa. Khi nhận thấy việc đã xong, ngài suy nghĩ: “Ta không đủ sức giáo hóa một vị tân vương còn trẻ, song khi nào em ta già rồi, ta sẽ đến thăm và khuyên nhủ em ta đi làm ần sĩ khổ hạnh.”

Suốt năm mươi năm ngài không hề đi thăm viếng, và trong thời gian ấy, vua có đông con cái lên dần. Về sau nhờ thần lực của mình, Trí giả Citta phi hành đến vườn ngự uyển, đáp xuống ngồi trên bảo tòa, oai nghi như một bức tượng bằng vàng.

Vừa lúc ấy, một chàng trai kiếm củi vừa làm việc vừa hát khúc đạo ca ấy. Trí giả Citta gọi chàng trai lại gần, chàng tiến đến cung kính đánh lễ rồi đứng chờ. Trí giả Citta bảo chàng:

– Từ sáng đến giờ, cậu chỉ hát khúc đạo ca ấy, thế cậu không biết khúc nào nữa chẳng?

– Thưa Tôn giả, có chứ, con biết nhiều khúc ca lắm, song đây là những lời ca được đức vua yêu chuộng, vì thế con không hát khúc nào khác.

– Thế không có ai biết hát một điệp khúc đáp lại khúc ca của đức vua chẳng?

– Thưa Tôn giả, con biết hát nếu con được dạy khúc ca ấy.

– Thế thì được, hễ khi nào đức vua hát hai khúc trên thì cậu hát khúc này làm khúc thứ ba đấy.

Rồi ngài ngâm một khúc và bảo:

– Bây giờ cậu hãy đi hát khúc này trước mặt đức vua, ngài sẽ hài lòng và quý trọng cậu lắm!

Chàng trai vội vàng chạy về tìm mẹ, bảo mẹ mặc cho chàng y phục thật tề chỉnh rồi đến cửa cung vua, nhờ người tâu lên rằng có một chàng trai xin được yết kiến để hát một khúc ca đáp lại lời đức vua. Vua bảo:

– Cho nó vào.

Khi chàng trai tiến lên, đánh lễ xong, vua phán:

– Họ tâu rằng cậu muốn hát một khúc đáp lại lời trẫm có phải chẳng?

Chàng trai đáp:

– Tâu Chúa thượng, đúng vậy, xin ngài triệu tập quần thần để cùng nghe!

Ngay khi quần thần tụ họp xong, chàng tâu:

– Tâu Chúa thượng, xin ca khúc hát của ngài trước, rồi thần sẽ xin hát lời đối lại.

Vua liền ngâm đôi vần kệ:

24. Các nghiệp người làm, quả sẽ mang,
Và còn tích tập qua thời gian,
Nghiệp nào mà lại không sinh quả,
Thấy Sambhūta đại lực tràn,
Điều ấy đạt thành do quả phước,
Sinh từ các nghiệp bản thân mình.

25. Các nghiệp người làm, quả sẽ mang,
Và còn tích tập qua thời gian,
Nghiệp nào mà lại không sinh quả,
Citta cũng y vậy phải chẳng?
Tâm ý người này được thỏa mãn,
Giống như tâm ý trẫm từng thành?

Khúc đạo ca trên vừa chấm dứt, chàng trai liền đáp vần thứ ba:

26. Thiện nghiệp chóng chầy đều đạt quả,
Nghiệp nào mà chẳng quả lai sinh,

Không gì vô ích tâu Hoàng thượng,
Xin ngắm Citta tại cổng thành,
Chẳng khác quân vương, tâm vị ấy,
Đã đem hỷ lạc đến cho mình.

Nghe lời này, vua lại ngâm vãn kệ thứ tư:

27. Vậy có phải chẳng chính Citta,
Hay chàng nghe được chuyện ngày xưa,
Từ ngài, hay một người nào khác?
Ôi ngọt ngào thay khúc thánh ca!
Ta chẳng sợ gì, ta sẽ thưởng,
Ngôi làng hay tặng vật làm quà.

Tiếp theo, chàng trai ngâm vãn kệ thứ năm:

28. Hạ thần nào có phải Citta,
Song chuyện ấy thần được biết qua,
Chính một Hiền nhân vừa dạy bảo:
“Đi ngâm lời hát đối dâng vua,
Rồi chàng sẽ được ngài ban thưởng,
Tay của ngài ân nghĩa đậm đà.”

Nghe lời này, vua suy nghĩ: “Chắc hẳn đó là hiền huynh Citta của ta rồi, ta muốn đi tìm ngài ngay.” Thế là vua ra lệnh cho quần thần qua hai vãn kệ sau:

29. Các vương xa hãy thẳng yên cương,
Chạm trở tinh vi, đẹp tuyệt trần,
Đem buộc cân đai vào bảo tượng,
Điểm trang vòng cổ sáng huy hoàng.
30. Quần thần hãy đánh trống liên hoan,
Bảo thổi tù và, ốc dậy vang,
Chuẩn bị vương xa nhanh bậc nhất,
Bởi vì trăm muôn sớm lên đường,
Hôm nay tìm thảo am cô tịch,
Yết kiến Hiền nhân trước tọa sàng.

Vua nói vậy xong liền ngự lên vương xa lộng lẫy và vội vàng đến ngay cổng ngự viên. Tại đó, ngài dừng xa giá và đến gần Trí giả Citta, đánh lễ rất cung kính rồi ngồi xuống một bên, lòng tràn ngập hân hoan, ngài ngâm vãn kệ thứ tám:

31. Thật quý thay là thánh khúc xưa,
Trầm từng ca hát thật say sưa,
Trong khi dân chúng đông dồn dập,
Quần tụ chung quanh chật cả nhà,
Nay đến đây xin chào thánh giả,
Hân hoan, hạnh phúc ngập tâm ta.

Từ lúc tái ngộ Trí giả Citta, vua hoan hỷ ra lệnh làm mọi sự cần thiết và truyền chuẩn bị bảo tòa dành cho vị hiền huynh, rồi ngài ngâm vãn kệ thứ chín:

32. Đứng pháp là đem lễ cúng dâng,
Sàng tọa, nước mát, dầu xoa chân,
Và thêm thực phẩm cùng nhiều món,
Ngài thọ nhận cho, trăm ân cần!

Sau lời mời ngọt ngào này, vua ngâm vãn kệ khác để tặng bạn hiền một nửa giang san của mình:

33. Hãy để họ làm chỗ trú thân,
Cho ngài trú thoải mái nhiều hơn,
Hãy cho phép nữ tỳ hầu hạ,
Cơ hội này ngài hãy đỡ nâng,
Và cả hai ta cùng góp sức,
Hầu cai trị nước, giúp muôn dân.

Khi nghe những lời này, Trí giả Citta thuyết giáo cho vua qua sáu vãn kệ:

34. Hỡi Đại vương, nhìn quả ác hành,
Thấy bao lợi lạc thiện hành sinh,
Ta mong điều ngự thân tu tập,
Con, của, không lồi cuốn trí mình.
35. Trăm năm tròn cuộc sống người đời,
Năm tháng theo nhau kế tiếp trôi,
Khi đến hạn kỳ, người héo úa,
Tựa hồ lau sậy nát tan thôi.
36. Thế nghĩa gì hoan lạc, ái ân,
Nghĩa gì săn đuổi cảnh giàu sang?
Nhiều con, nghĩa lý gì nên biết,
Hỡi Đại vương, ta thoát buộc ràng.
37. Ta biết vì đây chính thật chân,
Ta không qua khỏi tử ma thân,
Nghĩa gì vàng bạc và ân ái,
Khi bạn đến thời phải mạng vong?
38. Dòng giống hạ đẳng bước hai chân,
Hạ liệt Chiên-đà nhất thế nhân,
Do chính nghiệp mình tạo xấu ác,
Nhập thai hạ tiện, đó tiền thân.
39. Tại Avantī, bạn trẻ Chiên-đà,
Là cặp nai vàng bên nước xưa,
Đôi chú chim ưng bờ Niết-bút,
Giờ đây giáo sĩ đó làm vua.

Sau khi đã nói rõ các tiền thân hạ liệt của mình trong quá khứ như vậy, tại đây trong đời hiện tại này, ngài tuyên thuyết tính vô thường của mọi pháp hữu vi và ngâm bốn vần kệ làm phát khởi tinh tấn lực:

40. Đòi người ngắn ngủi, chết cùng đường,
Già cả không nơi chốn nấu nướng,
Này hỡi Pañcāla thực hiện,
Những gì ta khuyến nhủ Quân vương,
Tránh xa tất cả hành vi ác,
Đưa đẩy vào đau khổ đoạn trường.
41. Đòi người ngắn ngủi, chết sau cùng,
Già cả không nơi chốn trú thân,
Này hỡi Pañcāla, thực hiện,
Những gì ta khuyến nhủ Quân vương,
Tránh xa tất cả hành vi ác,
Mang đến khổ đau, quả chẳng lường.
42. Nhân thể ngắn sao, chết cuối cùng,
Người già không chốn để nương thân,
Pañcāla hỡi, xin thành tựu,
Những việc ta khuyên nhủ Đại vương,
Xin hãy xa lìa bao vọng nghiệp,
Nhiễm ô, toàn ác dục tham sân.
43. Đòi người ngắn ngủi, chết vong thân,
Bệnh, lão làm suy thể lực dân,
Ta chẳng làm sao ra thoát được,
Pañcāla xin thực hiện lời răn,
Tránh xa tất cả hành không thiện,
Đưa đẩy vào trong quả khổ đau.

Vua rất hoan hỷ khi nghe bậc Đại sĩ khuyến giáo liền đáp lời qua ba vần kệ:

44. Lời kia Tôn giả, quả toàn chân,
Ngài dạy lời như bậc Thánh nhân,
Song dục tham ta đều khó bỏ,
Vớ người như trầm, chúng vô cùng.
45. Như voi chìm xuống vũng bùn nhơ,
Không thể bò lên đầu thấy bờ,
Trầm cũng lún sâu bùn dục lạc,
Nên không theo nổi đạo Tỷ-kheo!
46. Như mẹ như cha dạy bảo con,
Thành người sống hạnh phúc, hiền lương,
Dạy ta hạnh phúc làm sao đạt,
Xin chỉ cho ta bước đúng đường.

Sau đó, bậc Đại sĩ bảo nhà vua:

47. Ngài không thể bỏ, hỡi Quân vương,
Các dục tham đây cũng thể thường,
Vậy chớ bắt dân nhiều thuế nặng,
Trị sao dân chúng thấy công bằng.
48. Gửi sứ thần đi khắp bốn phương,
Mời Sa-môn với Bà-la-môn,
Cúng dường thức uống ăn đầy đủ,
Y áo và nơi nghỉ ngơi an.
49. Đem thức uống ăn để đãi đàng,
Các Sa-môn với Bà-la-môn,
Tâm đầy thành tín khi dâng cúng,
Ban phát, hưởng phần theo khả năng.
Người ấy sẽ không gây làm lỗi,
Sau này lên đến cõi thiên đàng.
50. Song nếu vây quanh bởi má hồng,
Dục tham ngài thấy quá say nồng,
Trong tâm hãy nhớ vắn thi kệ,
Và hát hò lên giữa đám đông.
51. “Dưới trời không mái để che thân,
Bầy chó xura cùng nó ngủ lẫn,
Mẹ nó cho ăn lúc bước vội,
Mà nay làm một vị vương quân.”

Đó là lời khuyên giáo của bậc Đại sĩ, rồi ngài lại bảo:

– Ta đã khuyên nhủ Đại vương rồi. Bây giờ Đại vương có muốn làm người tu khổ hạnh hay không là tùy ý Đại vương, song ta sẽ tiếp tục theo đúng nghiệp quả của chính ta làm.

Sau đó, ngài bay vụt lên không đi về vùng Tuyết Sơn, bụi bặm trên đôi chân ngài rơi rớt trên đầu vua. Còn phần vua trông thấy cảnh này, lòng vô cùng xúc động liền giao quốc độ cho thái tử, triệu tập quân sĩ thẳng tiến về vùng Tuyết Sơn. Khi bậc Đại sĩ nghe vua đến liền bước ra cùng những Hiền nhân đồ đệ của ngài đón tiếp vua và truyền giới cho vua sống đời Phạm hạnh, rồi dạy vua phương tiện biến xứ⁶ (*kasīṇa*) làm phát khởi thiền định. Vua tu tập chứng đắc thân thông do thiền định, vì vậy cả hai vị đều cùng được sinh lên cõi Phạm thiên khi mạng chung.

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

⁶ P. *kasīṇa*, S. *kṛtsna*, 一切 (nhất thiết), 遍 (biến), 遍處 (biến xứ): Đề mục thiền quán. Tham khảo: D. 33; M. 77; Vism. IV-V; Asl. I. 248.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các bậc Trí nhân ngày xưa giữ vững tình bằng hữu lâu dài qua ba, bốn đời.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là Trí giả Sambhūta và Ta chính là Trí giả Citta.

§499. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG SIVI (*Sivijātaka*)⁷ (J. IV. 401)

Chẳng có mắt nên chính lão già...

Chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về lễ vật cúng dường tối thượng. Trường hợp này đã được kể đầy đủ trong chuyện tiền thân của Sivi, thuộc chương VIII, *Chuyện các căn*.⁸ Song tại đây vào ngày thứ bảy, vua dâng đủ tất cả các vật cúng dường và thỉnh cầu lời tùy hỷ; tuy nhiên, bậc Đạo sư ra đi mà không tán thán công đức của vua. Sau buổi điếm tâm, vua đi đến tịnh xá và hỏi:

– Bạch Thế Tôn, vì có gì Thế Tôn không đáp lời tùy hỷ hôm ấy?

Bậc Đạo sư nói:

– Thưa Đại vương, hội chúng kia không thanh tịnh.

Ngài lại tiếp tục thuyết pháp, ngâm vắn kệ bắt đầu bằng câu: “Người hạ tiện sẽ không lên thiên giới.”⁹ Vua đầy hoan hỷ, bày tỏ lòng tôn kính đối với đức Như Lai bằng cách dâng cúng chiếc thượng y của xứ Sivi trị giá một ngàn đồng tiền, sau đó vua trở về thành.

Ngày hôm sau trong pháp đường, Tăng chúng nói về chuyện ấy:

– Này các Hiền giả, vua xứ Kosala đã cúng dường lễ vật tối thượng và chưa hài lòng với việc ấy nên sau khi lắng Thập Lực thuyết giáo cho vua, vua liền dâng cúng chiếc y của xứ Sivi trị giá một ngàn đồng tiền. Quả thật vua không hề thỏa mãn với việc cúng dường.

Bậc Đạo sư bước vào và hỏi các vị đang bàn việc gì khi ngồi đó. Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, bổ thí ngoại tài quả thật là điều có thể thực hiện tốt, song các bậc Trí nhân ngày xưa đã bổ thí cho đến khắp cả Diêm-phù-đề, mỗi ngày bổ thí cả sáu trăm ngàn đồng tiền mà vẫn chưa thỏa mãn với việc bổ thí ngoại tài và họ nghĩ: “Khi cho đi cái gì yêu quý thì sẽ nhận được sự yêu quý”, cho nên các vị ấy đã móc đôi mắt mình ra tặng những ai đòi xin chúng.

Cùng với những lời này, Ngài kể một chuyện quá khứ.

⁷ Xem Vv. 123, *Maṭṭhakunḍalīvimānavatthu* (Chuyện lâu đài của vị thiên tử đeo vòng tai sáng chói); Pv. 24, *Maṭṭhakunḍalīpetavatthu* (Chuyện ngọc quý *Maṭṭhakunḍalī*); Ap. I. 108, *Pañcadīpakattheraapadāna* (Kỷ sự về Trưởng lão *Pañcadīpaka*); Ap. II. 373, *Ekadīpiyattheraapadāna* (Kỷ sự về Trưởng lão *Ekadīpiya*); Cp. 77, *Sivirājacariya* (Hạnh của đức Vua Sivi).

⁸ Xem J. III. 461, *Indriyajātaka* (Chuyện các căn), số §423.

⁹ Xem Dh. v. 177.

Một thuở nọ, khi Đại đế Sivi cai trị tại kinh thành Aritthapura trong quốc độ Sivi, bậc Đại sĩ sinh ra làm vương tử, triều thần đặt tên ngài là Vương tử Sivi. Khi ngài lớn lên, ngài đi đến Takkasilā học tập tại đó xong, trở về chứng tỏ tài năng, kiến thức của ngài trước vua cha nên được phong làm phó vương.

Lúc phụ vương băng hà, ngài lên ngôi vua và từ bỏ các ác đạo, ngài hành trì thập vương pháp và trị dân rất chân chánh. Ngài truyền xây sáu bố thí đường tại bốn cổng thành, giữa kinh thành và ngay cửa cung của ngài. Ngài bố thí rất hào phóng, mỗi ngày sáu trăm ngàn đồng tiền. Vào các ngày mùng tám, mười bốn và ngày rằm, ngài chẳng hề quên thăm viếng các bố thí đường để xem xét việc bố thí được thực hành ra sao.

Vào một ngày trăng tròn kia, chiếc lọng hoàng gia đã được giương lên từ sáng sớm và ngài ngự trên ngai vàng, suy ngẫm về các thí vật ngài đã ban phát. Ngài tự nghĩ: “Trong tất cả các thí vật bên ngoài, chẳng có món gì ta không đem cho hết, song cách bố thí này chưa làm ta hài lòng. Ta muốn bố thí vật gì thuộc về bản thân ta. Được rồi, hôm nay ta sẽ đến bố thí đường phát nguyện rằng, nếu có người nào không xin một vật gì đó ngoài thân ta, lại nói rõ tên một phần thân thể ta. Nếu người ấy muốn nói đến chính quả tim ta, ta sẽ quyết lấy dao xẻ phẳng lòng ngực ta và chẳng khác nào ta nhổ lên một cọng sen từ hồ nước phẳng lặng, ta sẽ móc lấy quả tim ta đang chảy máu từng cục đem cho người ấy. Nếu người ấy muốn xin thịt ta, ta sẽ xẻ thịt ra từ thân thể và cho nó như thể ta dùng cái dao mà khắc chạm tẩm thân này. Người đó có nói đến máu của ta, ta sẽ lấy máu ta nhỏ từng giọt vào miệng người đó, hoặc đổ đầy một chén rồi đem cho. Hoặc nữa, giả sử có ai bảo: ‘Hạ thân không làm nổi việc nhà, xin hãy đến làm gia nô tại nhà hạ thần’, ta nhận mình là nô lệ và ta sẽ làm hết các việc nô dịch. Hoặc giả có ai đó xin đôi mắt ta, ta sẽ móc mắt ra cho như người ta lấy lõi của cây dừa nước.” Ngài nghĩ thầm như vậy.

Nếu thí tài gì thuộc thể nhân,
Dẫu là đôi mắt chẳng hề ban,
Giờ đây ta sẽ đem ban bố,
Lòng chẳng hải kinh, thật vững vàng.

Thế rồi, ngài tắm mình với mười sáu bình nước hoa thơm, trang sức cực kỳ lộng lẫy và sau một buổi cơm đầy cao lương mỹ vị, ngài ngự lên một con voi được tô điểm cân đai rất rực rỡ đưa ngài đến bố thí đường.

Khi Thiên chủ Đế-thích nhận thấy quyết tâm của ngài liền suy nghĩ: “Vua Sivi đã cương quyết đem đôi mắt của ngài bố thí cho kẻ nào ngẫu nhiên đến xin ngài. Thế nhưng ngài có đủ hùng lực để thực hiện việc đó hay chăng?”

Thiên chủ quyết định đi thử thách ngài nên giả dạng một Bà-la-môn già mù mắt. Thiên chủ đứng trên một chỗ cao, khi đức vua bước vào bố thí đường, Thiên chủ đưa tay ra, kêu lớn:

– Vạn tuế Đại vương!

Lúc ấy, vua hướng vương tượng về phía Thiên chủ và bảo:

– Này Bà-la-môn, ông nói gì vậy?

Thiên chủ đáp:

– Tâu Đại vương, trên cõi thế gian này không nơi nào không vang dậy phương danh về từ tâm hào phóng bố thí của Đại vương. Nay lão đã mù lòa, còn Đại vương có đủ hai mắt.

Rồi Thiên chủ ngâm vần kệ đầu để xin một con mắt:

52. Chẳng có mắt nên chính lão già,
Đến xin con mắt, tự phương xa,
Lão cầu Chúa thượng ban con mắt,
Một mắt cùng nhau mỗi chúng ta.

Khi bậc Đại sĩ nghe lời này, ngài suy nghĩ: “Chính đó là chuyện mà ta suy nghĩ ở hậu cung trước khi ta đến đây! Ô, cơ duyên đến mới tuyệt diệu làm sao! Tâm nguyện của ta hôm nay sẽ được thành tựu, ta sẽ bố thí một tài vật mà chưa một người thế tục nào từng ban phát”, và ngài ngâm vần kệ thứ hai:

53. Ai đã dạy ông bước đến đây
Để xin một mắt, lão ăn mày?
Đây phân thân thể người cao trọng,
Chúng bảo xa lìa khó lắm thay!

Các vần kệ sau là do hai vị ngâm để đối đáp với nhau.

[Lão Bà-la-môn:]

54. Sujampati phu tướng, chính nơi đây,
Người gọi Maghavā cũng hiệu này,
Ngài dạy lão về đây yết kiến,
Van nài cho được một mắt ngay.

55. Thí tài tôi trọng đại, mong cầu,
Chúa thượng ban già một bảo châu,
Xin chớ chôi từ già một mắt,
Thí tài tôi trọng đứng hàng đầu,
Như lời thế tục thường hay nói:
“Thật khó cho người dứt bỏ sao!”

[Vua Sivi:]

56. Ước nguyện làm ông đến tận đây,
Trong lòng ông khởi ước như vậy,
Cầu mong nguyện ước kia thành tựu,
Đạo sĩ cầm đôi mắt trẫm này!

57. Ông chỉ xin ta một mắt thôi,
Nhìn xem, ta bố thí tròn đôi,
Hãy đi với nhãn quang hoàn hảo,

Trước mắt nhìn theo của mọi người,
Vậy ước nguyện ông mong thực hiện,
Giờ đây hẳn đã đạt thành rồi!

Đức vua đã nói nhiều như thế. Song nghĩ rằng nếu ngài tự móc mắt của mình ra mà tặng ngay tại đó vào lúc ấy thì không thích hợp nên ngài đem vị Bà-la-môn cùng vào nội cung với ngài. Và khi ngự lên ngai vàng, ngài truyền lệnh triệu một vị phẩu thuật sư tên là Sīvaka vào châu rồi ngài phán:

– Khanh hãy lấy mắt trẫm ra!

Lúc bấy giờ, cả kinh thành vang dậy nguồn tin rằng đức vua muốn lấy đôi mắt ngài ra để bố thí cho một lão Bà-la-môn. Sau đó, vị đại tướng quân cùng với các viên quan khác và những người thân thuộc của vua từ trong kinh thành lẫn hậu cung đều tề tựu cùng nhau và ngâm ba vản kệ để xin vua từ bỏ ý định trên:

58. Xin đừng cho mất, tâu Minh quân!
Chúa thượng ôi, đừng bỏ chúng thần!
Bồ thí san hô, tiền, bảo ngọc,
Và nhiều vật khác quý vô ngần.
59. Cho bày tuần mã đủ yên cương,
Bảo kéo đoàn xa giá xuống đường,
Chúa thượng truyền xua đoàn bảo tượng,
Cân đai tuyệt mỹ rất toàn vàng.
60. Các vật này xin Chúa thượng ban,
Chúng thần mong hộ Chúa bình an,
Toàn dân trung tín cùng xa pháp,
Tề tựu quanh vương vị xếp hàng.

Vua lập tức đáp lời, ngâm ba vản kệ:

61. Tâm kẻ muốn ban bố, phát nguyện,
Về sau lại thấy chẳng trung kiên,
Cổ mình tự đặt vào thòng lọng,
Che giấu nằm sâu dưới đất liền.
62. Tâm nào đã thệ nguyện thi ân,
Sau lại thấy lòng chẳng thủy chung,
Thật lỗi lầm hơn là tội ác,
Phải đầy đọa ngục Dạ-ma cung.
63. Đừng cho gì nếu chẳng ai xin,
Cũng chớ cho ai thứ chẳng thèm,
Vậy vật này đây hành khát muốn,
Cầu xin, trẫm bố thí ngay liền.

Lúc ấy, triều thần hỏi: “VẬY Chúa thượng ước nguyện điều gì khi bỏ thí cặp mắt của Chúa thượng?”

Họ ngâm vần kệ:

- 64.** Thọ mạng, sắc, quyền lực, lạc hoan,
Đâu là phần thưởng, tấu Minh quân?
Lực nào thúc giục ngài hành động,
Chúa thượng Sivi của quốc dân,
Sao lợi gì cho đời kẻ vậy,
Ngài đành bỏ cặp mắt mình vàng?

Vua đáp lại hội chúng qua vần kệ:

- 65.** Như vậy trong khi muốn cúng dường,
Đích ta chẳng nhắm đạt vinh quang,
Nhiều con, nhiều cửa, nhiều vương quốc,
Để nắm quyền cai trị thế gian,
Đây chính là con đường thánh thiện,
Từ xưa của các bậc Hiền nhân,
Tâm ta nồng nhiệt hằng mong ước,
Đem mọi thí tài để phát ban.

Trước lời lẽ của bậc Đại sĩ, quần thần không đáp được nữa, vì thế bậc Đại sĩ ngâm kệ bảo Sīvaka, vị phẩu thuật sư:

- 66.** Bạn hiền chí thiết Sīvaka,
Xin hãy làm theo lệnh của ta,
Bạn có đầy tài năng kỹ xảo,
Xin đem liền cặp mắt ta ra,
Vì đây là chính điều tâm nguyện,
Và tặng vào tay khát sĩ già.

Song Sīvaka đáp:

– Tâu Chúa thượng, xin Chúa thượng suy nghĩ lại, đem cho cặp mắt không phải là chuyện tầm thường đâu.

– Nay Sīvaka, trầm đã suy xét kỹ rồi. Xin đừng trì hoãn hay nói chuyện gì nhiều trước mặt trẫm nữa.

Lúc ấy, Sīvaka suy nghĩ: “Một phẩu thuật sư như ta lại lấy lưỡi dao đâm thủng cặp mắt một bậc quân vương thật không hợp lý chút nào.” Vì vậy, vị ấy giã một ít cây thuốc, chà xát một đóa sen xanh với thứ bột ấy rồi thoa khắp lên mắt phải của vua, con mắt liền đảo lộn tròn, hết sức đau đớn.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ kỹ, hạ thần có thể làm cho mắt bình phục được ngay!

– Nay hiền hữu, cứ làm tiếp đi, xin đừng trì hoãn nữa!

Vị ấy lại xát thứ bột kia vào mắt và xoa bóp cho thuốc thấm. Con mắt bật ra khỏi lỗ, nổi đau đớn lại càng khốc liệt hơn trước nữa.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lại, hạ thần vẫn có khả năng phục hồi con mắt ngài như cũ!

– Khanh hãy làm việc nhanh lên!

Lần thứ ba, vị phẫu thuật sư thoa một thứ bột mạnh hơn nữa và xát vào, nhờ công hiệu của thuốc này, con mắt đảo lộn và lặn ra ngoài lỗ mắt, dính lủng lẳng ở đầu sợi dây gân.

– Tâu Đại vương, xin ngài hãy suy nghĩ lần nữa, nay hạ thần vẫn có thể phục hồi con mắt lại như trước.

– Thôi nhanh lên!

Nổi đau đớn đến tột độ, máu chảy từng giọt, hoàng bào của vua vấy toàn máu đỏ. Các cung tần cùng triều thần quỳ xuống kêu van:

– Tâu Chúa thượng, xin đừng hy sinh đôi mắt của Chúa thượng!

Mọi người kêu gào thảm thiết. Vua cố chịu đựng đau đớn và bảo:

– Này hiền hữu, hãy nhanh lên!

– Xin vâng, tâu Chúa thượng.

Phẫu thuật sư đáp, tay trái cầm lấy tròng mắt, tay phải cầm dao cắt đứt sợi gân và đặt con mắt vào bàn tay của bậc Đại sĩ.

Ngài nhìn con mắt phải ấy bằng mắt trái vừa cố chịu đau vừa phán:

– Này Bà-la-môn, hãy đến đây!

Khi vị Bà-la-môn đến gần, ngài nói tiếp:

– Nhãn quan Chánh giác còn thân thiết hơn nhãn quan này cả trăm lần, à không, cả ngàn lần kia. Đây, các người đã hiểu lý do trầm hành động như vậy.

Rồi ngài trao mắt cho vị Bà-la-môn. Lão liền đưa tay ra đón lấy mắt, đặt ngay vào chỗ mắt mình. Nhờ thần lực của vị ấy, con mắt dính chặt vào đó chẳng khác nào đóa sen xanh nở ra.

Khi bậc Đại sĩ dùng mắt trái nhìn thấy con mắt kia trên mặt của vị Bà-la-môn, ngài kêu lớn:

– Ôi, tốt lành thay là việc bố thí con mắt này của ta!

Rồi nổi hân hoan sinh khởi trong tâm ngài làm rung động toàn thân, ngay giây phút ấy ngài lại bố thí luôn con mắt kia. Thiên chủ Đế-thích cũng đặt con mắt này vào lỗ mắt của mình, và từ cung vua, Thiên chủ ra đi, sau đó rời khỏi kinh thành trước ánh mắt kinh ngạc của mọi người nhìn theo rồi trở về thiên giới.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm một vần kệ rưới:

67. Vua Sivi giục Sīvaka,
Hoàn tất mong cầu của đức vua,
Trao tặng Bà-la-môn thí vật,
Y sư lấy cặp mắt ngài ra,
Bà-la-môn có liền đôi mắt,
Chúa thượng giờ đây phải tới lò.

Chẳng bao lâu, đôi mắt vua bắt đầu mọc lại, trong lúc chúng xuất hiện từ từ và trước khi lên đến đỉnh cao của hai lỗ mắt, một cục thịt lớn dần bên trong lỗ như thể trái cầu bằng lông thú, tựa hồ đôi mắt trên hình đĩa trẻ nhồi bông, song nổi đau đớn đã chấm dứt. Bậc Đại sĩ an nghỉ trong cung thất ít ngày. Sau đó, ngài suy nghĩ: “Một kẻ mù lòa còn dính líu gì đến việc trị nước nữa. Ta muốn giao quốc độ cho các triều thần rồi vào ngự viên, thành kẻ khổ hạnh sống đời thanh tịnh.”

Ngài liền triệu tập quần thần, nói cho hội chúng nghe những việc ngài dự định làm. Ngài phán:

– Một người sẽ ở bên ta để rửa mặt, chăm sóc ta, làm những gì cần thiết và phải buộc một sợi dây để dắt ta đi về nơi ẩn dật.

Sau đó, ngài truyền gọi viên quan đánh xe của ngài đến và ra lệnh cho người ấy chuẩn bị vương xa. Song triều thần không muốn ngài ra đi bằng xe ngựa, họ đưa ngài lên đường trong chiếc kiệu bằng vàng và đặt ngài xuống bên cạnh bờ hồ, đứng vây quanh ngài, canh phòng cẩn thận xong lại ra về. Còn vua ngồi trong kiệu suy nghĩ đến việc bố thí của mình.

Lúc ấy, chiếc ngai của Thiên chủ Đế-thích nóng rực lên. Thiên chủ xem xét và nhận thấy lý do kia: “Ta sẽ ban thưởng cho vua một điều ước”, ngài suy nghĩ và làm đôi mắt của vua bình phục trở lại. Vì thế, Thiên chủ đến chỗ ấy. Khi không còn cách xa bậc Đại sĩ mấy, Thiên chủ cất bước đi đi lại lại quanh đó.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm các vần kệ sau:

68. Vài ngày qua cặp mắt vừa lành,
Bình phục dần nên lại hiện hình,
Đại đế Sivi nuôi quốc độ,
Triệu quan điều ngự của riêng mình.
69. “Ngự quan, chuẩn bị chiếc vương xa,
Rời đến đây trình báo với ta,
Ta muốn vào khu rừng thượng uyển,
Đầy hồ sen, súng mọc chen hoa.”
70. Quan dắt vua vào chiếc kiệu hoa,
Và đây, dừng kiệu ở bên bờ,

Suja phu tướng, ngài Thiên chủ,
Xuất hiện chính là đại Sakka.

Bậc Đại sĩ kêu lên khi ngài nghe tiếng bước chân kia:

– Ai đó?

Thiên chủ Đế-thích liền ngâm vần kệ:

71. Chính ta là Thiên chủ Sakka,
Ta đến đây tham kiến nhà vua,
Hãy chọn hồng ân, này thánh chúa,
Điều gì ngài ước, nói cùng ta!

Vua đáp lời qua vần kệ khác:

72. Sinh lực, kho vô tận bảo châu,
Ta đều bỏ lại hết đằng sau,
Thiên hoàng, ta chẳng mong gì nữa,
Trừ chết, vì ta có mắt đâu!

Sau đó, Thiên chủ hỏi:

– Này Đại vương Sivi, ngài cầu mong cái chết vì ngài muốn chết hay vì ngài mù lòa?

– Tâu Thiên chủ, vì ta mù lòa.

– Này Đại vương, tài vật bố thí tự nó không phải là hoàn toàn đầy đủ ý nghĩa mà nó phải được bố thí với một cái nhìn hướng về đời sau. Tuy thế, vẫn còn có duyên cơ liên quan đến cuộc đời hiện tại này. Trước đây, người kia xin ngài chỉ một mắt, ngài lại cho cả hai, vậy ngài hãy phát nguyện nói lời chân thật về việc đó!

Rồi Thiên chủ ngâm kệ:

73. Chúa tể của loài lưỡng túc nhân,
Hãy nguyện nói đúng lẽ toàn chân,
Nếu ngài tuyên bố lời chân thật,
Đôi mắt ngài nay sẽ phục hoàn.

Nghe lời này, bậc Đại sĩ đáp:

– Tâu Thiên chủ, nếu ngài muốn ban cho trăm con mắt thì xin đừng cố tìm phương tiện gì khác nữa mà hãy làm cho mắt trăm phục hồi như là kết quả hạnh bố thí của trăm thôi!

Thiên chủ bảo:

– Này Đại vương, dù ta được chúng gọi là Đế-thích, chúa tể chư thiên, ta cũng không thể đem con mắt cho ai được cả. Tuy thế, nhờ thiện quả từ hạnh bố thí của Đại vương, chứ chẳng phải do việc gì khác mà mắt của Đại vương sẽ được phục hồi đó thôi.

Tiếp theo, vua ngâm kệ xác nhận việc bố thí của mình đã được thực hiện tốt đẹp chân chánh:

74. Loài nào bất kê, muôn cầu ân,
 Hễ có ai nài nỉ lại gần,
 Ai đến bất kỳ xin bố thí,
 Lòng ta cũng thấy thật thương thân,
 Nếu lời đại nguyện này chân thật,
 Cầu mắt ta nay sẽ hiện dần!

Ngay khi ngài vừa thốt những lời này, một con mắt của ngài xuất hiện ra trong lỗ mắt. Sau đó, ngài ngâm đôi vần kệ để xin phục hồi con mắt kia:

75. Một đạo sĩ kia đến viếng ta,
 Chỉ cần xin một mắt thôi mà,
 Ta đã đem trọn đôi con mắt,
 Bố thí La-môn khát sĩ già.
76. Hoan hỷ càng nhiều, lạc thọ tăng,
 Chính hành động ấy đã ban phần,
 Nếu lời nguyện ước này chân thật,
 Mong được mắt kia cũng phục hoàn!

Lập tức con mắt thứ hai xuất hiện, song đôi mắt này không phải là tự nhiên hay của thần linh nào. Con mắt do Thiên chủ Đế-thích giả dạng Bà-la-môn ban cho không thể là con mắt tự nhiên mà có được. Còn về phương diện khác thì một con mắt thần linh không thể hóa hiện ra bất cứ sinh vật nào đã bị thương tật, nhưng thật sự cặp mắt này được gọi là nhãn quan toàn chân và tối thắng.

Vào lúc chúng xuất hiện, toàn thể triệu thần tề tựu lại nhờ thần lực của Thiên chủ Đế-thích, và Thiên chủ Đế-thích đứng giữa hội chúng cảm hứng ngâm đôi vần kệ tán thán đức vua:

77. Đại đế Sivi bảo dưỡng dân,
 Bài ca thánh thiện của Minh quân,
 Cho ngài được hưởng phần ân huệ,
 Vô giá này đây cặp mắt thần.
78. Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,
 Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
 Đôi mắt ngài đây đều thấy suốt,
 Khoảng chừng trăm dặm ở mười phương.

Khi ngâm kệ xong, ngài vụt đứng trên không trước hội chúng này cùng với lời khuyên giáo bậc Đại sĩ phải tỉnh giác tu tập, rồi Thiên chủ trở về thiên giới.

Còn bậc Đại sĩ được các tùy tùng vây quanh, ngự xa giá về kinh thành

trong cảnh uy nghi trọng thể và ngài bước vào cung điện mệnh danh Candaka¹⁰ (Khổng Tước nhĩ, con mắt chim công).

Nguồn tin đức vua đã được phục hồi cặp mắt vang dậy khắp vương quốc Sivi. Toàn dân tập hợp lại để yết kiến ngài cùng với các cống vật trong tay. Bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Giờ đây hội chúng này đã tụ họp đông đủ, ta sẽ tán thán việc bố thí vừa rồi đã làm.” Ngài truyền lệnh dựng lên một ngôi đình ngay cổng thành, nơi đó ngài ngự trên một vương tòa với chiếc lọng trắng hoàng gia che trên đầu ngài, triệu tập các hội đoàn, dân chúng, quân sĩ lại, rồi ngài phán:

– Nay dân chúng Sivi, nay các người đã nhìn thấy cặp thiên nhãn này thì đừng bao giờ ăn thứ gì mà không đem bố thí đi một ít!

Rồi ngài ngâm bốn vần kệ tuyên thuyết pháp lành:

79. Nếu mình được gọi ý thi ân,
Nào ai có từ chối được chẳng,
Dù đó là phần cao quý nhất,
Của mình bảo vật giá vô ngần.
Dân chúng Sivi hội họp đoàn,
Đến đây nhìn cặp mắt trời ban!
80. Xuyên qua tường, núi, đá, đồng bằng,
Bất cứ vật gì đứng cản ngăn,
Đôi mắt ta đều trông thấy suốt,
Một trăm dặm trải khắp mười phương.
81. Từ bỏ thân mình giữa thế nhân,
Là điều cao quý nhất trên trần,
Ta đem bố thí mất phạm tục,
Nên được trời cho cặp mắt thần.
82. Dân chúng này xem, hãy phát ban,
Nhường phần cho kẻ khác khi ăn,
Nếu làm việc ấy đầy tâm thiện,
Người sẽ sinh thiên, chẳng lỗi lầm!

Đức vua thuyết pháp qua bốn vần kệ này, về sau cứ mỗi nửa tháng vào ngày trai giới và mỗi ngày rằm, ngài lại thuyết pháp qua các vần kệ trên liên tục trước dân chúng quây quần đông đảo. Nghe lời ấy, dân chúng bố thí và làm nhiều thiện sự, cho nên đã đi lên gia nhập hội chúng cõi trời thật đông đúc.

Sau khi bậc Đạo sư chấm dứt pháp thoại này, Ngài bảo:

¹⁰ Bản CST viết Sucandaka.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các bậc Trí nhân ngày xưa không thỏa mãn việc bố thí ngoại tài nên đã bố thí cho bất cứ người nào ngẫu nhiên đến xin cả đôi mắt của chính mình lấy từ đầu ra nữa.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ānanda là phẩu thuật sư Sīvaka, Anuruddha (A-na-luật-đà) là Thiên chủ Đế-thích, hội chúng của Như Lai là toàn dân và Ta chính là Vua Sivi.

§500. CHUYỆN THẦN NỮ CÁT TƯỜNG (*Sirimandajātaka*) (J. IV. 412)

Chuyện thần nữ Cát Tường này sẽ được kể đầy đủ trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.¹¹

§501. CHUYỆN LỘC VƯƠNG ROHANTA

(*Rohantamigajātaka*) (J. IV. 413)

Hải kinh thần chết, hồi Citta...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm (Veḷuvana) về Tôn giả Ānanda (A-nan) đã hy sinh tính mạng mình. Sự hy sinh này được miêu tả trong chương XXI, *Chuyện tiểu thiên nga*,¹² chuyện điều phục con voi Dhanapāla (Tài Hộ).

Sau khi Tôn giả đã hy sinh tính mạng mình vì bậc Đạo sư, Tăng chúng bàn tán việc ấy trong pháp đường:

– Này các Hiền giả, Tôn giả Ānanda, sau khi đạt tri kiến đầy đủ về con đường tu tập giáo pháp, đã hy sinh tính mạng mình vì đấng Thập Lực (Dasabala).

Bậc Đạo sư bước vào, hỏi Tăng chúng nói chuyện gì trong khi ngồi tại đó. Tăng chúng trình bày với Ngài. Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên vị ấy hy sinh tánh mạng vì Ta mà trước kia cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể cho hội chúng nghe một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, chánh hậu của vua tên là Khemā (Thái Hòa). Thời ấy, Bồ-tát được sinh làm con hươu ở vùng Tuyết Sơn, có màu da vàng óng ả tuyệt đẹp, em trai của ngài là Cittamiga và em gái ngài là Sutanā cũng có màu da như thế. Bấy giờ, Bồ-tát có tên Rohanta (Lỗ-hân), làm chúa tể đàn hươu lớn. Ngài băng ngang qua hai ngọn núi lớn nhất dãy Tuyết

¹¹ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (*Chuyện đường hầm vĩ đại*). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

¹² Xem J. V. 333, *Cullahamsajātaka* (*Chuyện tiểu thiên nga*), số §533.

Son, đến giữa ngọn núi thứ ba ngài quyết định sống bên hồ Rohanta và được cả bảy hươu nai tám mươi ngàn con vây quanh hầu hạ. Thời ấy, ngài phụng dưỡng song thân già cả, mù lòa.

Bấy giờ, một người thợ săn ở trong một làng thợ săn gần Ba-la-nại đi đến vùng Tuyết Sơn và chợt thấy Bồ-tát. Lão trở về làng mình và vào lúc lâm chung, lão dặn con trai:

– Này con, ở một nơi nọ trong vùng đất cha săn bắn có một con hươu màu vàng óng, nếu khi nào đức vua hỏi thì con hãy tâu trình với ngài về chuyện đó!

Một ngày kia, Hoàng hậu Khemā trong một giấc mộng về sáng, nằm mơ thấy cảnh như vậy: Một con hươu màu vàng óng ngồi trên một chiếc kim đòn thuyết pháp cho hoàng hậu nghe bằng giọng nói ngọt ngào như mật, chẳng khác gì tiếng chuông ngân vang. Song trước khi bài giảng chấm dứt, con hươu đứng lên và chạy mất, bà giật mình tỉnh dậy và kêu to:

– Bắt lấy con hươu!

Các nữ tỳ nghe tiếng bà kêu, bật cười giòn già:

– Đây là cung thất đóng kín mọi cửa lớn lẫn cửa sổ, ngay cả một mảy gió cũng không lọt vào được, giữa lúc này mà Lệnh bà gọi lớn bảo bắt con hươu kia.

Đến khi ấy bà mới biết đó chỉ là giấc mộng. Song bà tự nhủ: “Nếu ta bảo đó là giấc mộng thì đức vua sẽ không để ý. Nhưng nếu ta bảo đó là nỗi ước ao của một thai phụ thì ngài sẽ quan tâm lo lắng ngay. Vậy ta quyết phải nghe cho được lời thuyết pháp của chính con hươu màu hoàng kim ấy!”

Sau đó, bà liền nằm xuống giả vờ ngã bệnh. Vua bước vào, ngài hỏi:

– Này Ái khanh, có việc gì thế?

– Ôi tâu Chúa thượng, đó chỉ là nỗi ao ước tự nhiên của thần thiếp.

– Thế Ái khanh muốn điều gì?

– Thần thiếp ước ao được nghe lời thuyết pháp của một con hươu màu hoàng kim chân chánh.

– Kia Ái khanh, điều Ái khanh ao ước không hề có, chẳng bao giờ có con vật nào là loài hươu hoàng kim cả.

Bà đáp:

– Nếu thần thiếp không được như ý, thần thiếp sẽ phải chết ngay lập tức.

Bà liền quay lưng lại về phía vua và nằm im. Vua bảo:

– Nếu có một con vật như thế trên đời này thì nó sẽ được bắt về ngay.

Sau đó, vua hỏi triều thần và các Bà-la-môn như trong *Chuyện con công*,¹³ để xem thử có loài vật nào là hươu hoàng kim chẳng. Khi được biết là hiện có, ngài triệu tập các thợ săn vào và hỏi:

¹³ Xem J. II. 33, *Morajātaka* (*Chuyện con công*), số §159.

– Trong các người, ai đã từng thấy hoặc nghe nói về một con vật như thế chẳng?

Con trai của lão thợ săn mà ta đã nói trên đây liền kể lại câu chuyện gã nghe được. Vua phán:

– Này người, khi nào người đem về cho trăm con hươu kia thì trăm sẽ ban thưởng cho người rất trọng hậu, vậy người hãy đi tìm kiếm nó và đem về đây!

Ngài bảo đưa tiền lộ phí cho gã và bảo gã lui ra. Người thợ săn tâu:

– Xin Chúa thượng đừng lo, nếu như tiểu thần không đem được con hươu ấy về thì tiểu thần cũng đem được bộ da nó về, nếu không đem được da thì cũng đem được lông nó về đây.

Sau đó, người ấy trở lại nhà, đưa số tiền vua ban cho gia đình mình rồi ra đi vào rừng và trông thấy lộc vương. Gã suy nghĩ: “Ta phải đặt bẫy ở đâu để bắt hươu đây?” Gã thấy ngay cơ hội tốt ở chỗ hươu nai uống nước. Gã kết một sợi dây bằng da thật chặt và đặt sợi dây vào một cái sào ở nơi mà Bò-tát thường xuống để uống nước.

Hôm sau, Bò-tát cùng với tám mươi ngàn con hươu trong lúc tìm kiếm thức ăn, đi đến đó để uống nước tại bên sông thường lệ. Ngài vừa đặt chân xuống liền bị kẹt ngay vào dây thòng lọng. Ngài suy nghĩ: “Nếu ta rống lên tiếng kêu bị nạn thì cả đàn hươu sẽ kinh hoàng chạy trốn mà không được ăn uống gì cả.” Vì thế, mặc dầu ngài bị siết chặt ở đầu cây sào, ngài vẫn đứng giả vờ uống nước như thể đang còn được tự do.

Khi tám mươi ngàn con hươu đã uống xong và bấy giờ chúng đã bước ra khỏi nước, ngài liền lắc mạnh cái thòng lọng ấy ba lần cố làm nó đứt ra. Lần đầu ngài làm rách da, lần thứ hai nó đâm sâu vào thịt và lần thứ ba làm giãn gân ra, vì thế cái thòng lọng siết tới tận xương tủy. Sau đó, vẫn không thể nào phá đứt thòng lọng, ngài rống lên tiếng kêu bị nạn. Cả bầy hươu kinh hoàng chạy thoát thân thành ba đàn lớn.

Cittamiga không tìm được Bò-tát trong ba đàn ấy liền suy nghĩ: “Mỗi hiểm họa này vừa xảy ra cho bọn ta đã gieo xuống đại huynh của ta.” Khi quay lại, chú hươu em thấy ngài đã bị mắc bẫy thật chặt. Bò-tát chợt thấy em mình liền kêu lên:

– Này hiền đệ, đừng đứng đây nữa, ở đây nguy hiểm lắm!

Rồi ngài ngâm kệ, thúc giục em chạy trốn:

104. Hài kinh thần chết, hỡi Citta,
Cả đám hươu kia chạy thoát xa,
Hiền đệ hãy đi, vì bọn chúng
Cùng em sẽ sống, chớ chần chờ.

Ba vần kệ sau do hai anh em đối đáp nhau.

[Citta:]

105. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng lìa anh tại nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tám thân.

[Rohanta:]

106. Chẳng ai bảo dưỡng lại mù lòa,
Phải chết song thân, mẹ lẫn cha,
Em hãy về ngay cùng phụ mẫu,
Hỡi em đừng nán ná gần ta.

[Citta:]

107. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng rời anh ở nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tám thân.

Rồi Citta đứng vững làm chỗ dựa cho Bồ-tát ở bên phải và cố làm vui vẻ để ngài phấn khởi tinh thần.

Còn Sutanā là bé hươu còn non tơ, cứ chạy quanh quần giữa bầy hươu, song không tìm thấy hai anh đâu cả, cô bé hươu non suy nghĩ: “Chắc tai họa đã xảy ra cho hai anh của ta rồi.” Bé hươu quay lại, đến chỗ hai anh. Và khi Bồ-tát thấy em gái tới liền ngâm vần kệ thứ năm:

108. Hươu nhút nhát, mau chạy trốn xa,
Bạo tàn thông lọng siết chân ta,
Hãy đi theo chúng đừng lưu luyến,
Em phải sống cùng với mẹ cha!

Ba vần kệ sau lại được hai anh em đối đáp như trên.

[Sutanā:]

109. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,
Chẳng rời anh ở nơi này nữa,
Em sẵn sàng từ bỏ tám thân.

[Rohanta:]

110. Chẳng ai bảo dưỡng lại mù lòa,
Phải chết song thân, mẹ lẫn cha,
Em hãy về ngay cùng phụ mẫu,
Hỡi em đừng nán ná gần ta!

[Sutanā:]

111. Em chẳng đi đâu, Rohanta,
Tim em đã kéo bước em gần,

Em liều mất mạng, song không thể,
Bỏ mặc anh sa bẫy buộc chân.

Như vậy, nàng hươu non cũng không chịu nghe lời ngài nên cứ đứng bên cạnh ngài mà an ủi vỗ về.

Bấy giờ, người thợ săn thấy bầy hươu đã chạy trốn mất và nghe tiếng kêu của con vật mắc nạn. “Ắt hẳn là hươu chúa đã bị lọt bẫy rồi!” Gã nói xong, nài nịt dây đai thật kỹ và chạy vội đi.

Bồ-tát thấy gã đến liền ngâm vãn kệ thứ chín:

112. Thợ săn hung dữ, giáo trong tay,
Nhìn gã kia đang bước đến đây,
Rồi với mũi tên hay ngọn giáo,
Chúng mình, gã giết nội ngày nay.

Cittamiga không chạy trốn, dù chú hươu này cũng trông thấy gã thợ săn. Còn bé Sutanā không đủ mạnh dạn để đứng yên, cứ vẫn chạy loanh quanh vì sợ chết. Rồi nàng hươu bé bỏng kia suy nghĩ: “Ta sẽ chạy thoát đi đâu nếu ta bỏ mặc các anh của ta?” Thế là cô nàng quay lại, đành chịu hy sinh tánh mạng, mặc cho tử thần ghi dấu trên đôi mày và đứng yên phía bên trái anh mình.

Bậc Đạo sư ngâm vãn kệ thứ mười để giải thích việc này:

113. Hươu non mềm yếu quá kinh hoàng,
Sợ hãi chạy quanh cố kiếm đường,
Rồi có hành vi đầy quyết liệt,
Vì nàng đành chịu phận đau thương.

Khi người thợ săn đến nơi, gã thấy cả ba sinh vật này đứng bên nhau. Một ý tưởng từ mẫn thương xót nổi lên trong lòng, vì gã đoán chúng là anh em cùng một mẹ. Gã suy nghĩ: “Chỉ một mình hươu chúa đàn bị mắc bẫy, còn hai hươu kia thì bị ràng buộc bởi những mối liên hệ thương yêu tôn trọng mà thôi. Thế chúng có họ hàng gì với hươu chúa chăng?” Gã hỏi câu ấy như vậy:

114. Đôi lộc dù không bị buộc chân,
Là ai, châu chực cạnh tù nhân?
Không đành bỏ mặc chàng hươu chúa,
Và chạy trốn đi để thoát thân.

Bồ-tát liền đáp:

115. Em gái, em trai ấy thật là,
Cùng chung một mẹ đã sinh ra,
Không đành phận được riêng mình sống,
Bỏ mặc ta tro bụi đầy mà.

Những lời này lại làm cho tim gã mềm dịu, xúc cảm tội độ. Lộc vương đệ Citta nhận thấy lòng gã thợ săn đã trở thành thân ái nhu hòa liền nói:

– Nay hiền hữu thợ săn, hiền hữu đừng tưởng rằng đây là một con hươu tầm thường không có gì khác, ngài đây chính là lộc vương của tám mươi ngàn con hươu. Ngài đã sống đời đạo hạnh, có từ tâm đối với muôn loài và trí tuệ cao minh, ngài đã phụng dưỡng song thân nay đã già cả, mù lòa. Nếu hiền hữu giết một bậc chân chánh như vậy tức là giết chết song thân ta, em gái ta và ta nữa, luôn năm mạng tất cả. Còn nếu hiền hữu tha mạng ngài là hiền hữu đem cuộc sống lại cho cả năm mạng chúng ta đó.

Rồi hươu này ngâm kệ:

116. Chẳng ai chăm sóc lại mù lòa,
Đành phải chết luôn cả mẹ cha,
Thiện hữu hãy tha năm mạng ấy,
Và xin thiện hữu thả anh ta!

Khi người thợ săn nghe lời thuyết giáo đầy hiếu thảo này, lòng gã vô cùng hoan hỷ, gã đáp:

– Xin chúa hươu đừng sợ!

Rồi gã ngâm tiếp kệ đáp lời:

117. Thôi được, nay xem ta thả ra,
Chúa hươu hiếu dưỡng mẹ cùng cha,
Khi nhìn con bảo toàn thân mạng,
Cha mẹ vui mừng sẽ múa ca.

Trong khi nói thế, gã suy nghĩ: “Nay ta còn thiết gì đến đức vua cùng các danh vọng ngài ban cho nữa? Nếu ta làm hại hươu chúa này thì hoặc là mặt đất sẽ há miệng ra nuốt chửng ta, hoặc là thiên lôi sẽ giáng xuống đánh tan xác ta. Vậy ta quyết thả hươu này thôi.” Vì thế, gã đến gần Bò-tát, hạ cây sào xuống và cắt sợi dây da. Sau đó, gã ôm lấy hươu chúa vào lòng, đặt hươu xuống gần mặt nước, nhẹ nhàng từ tốn tháo gỡ nút dây thông lọng ra khỏi chân hươu, nối các đầu dây gân lại với nhau, làm kín vết thương trên da thịt cùng các mép da bị xây xát, lấy nước rửa sạch máu, rồi cứ thoa bóp khắp mình mấy hươu một cách đầy thương xót.

Nhờ uy lực của lòng nhân ái kia cùng với công hạnh viên mãn của Bò-tát (thập hạnh Ba-la-mật) nên toàn thân ngài bình phục như trước, đủ gân, da, thịt, lông tơ và da non bao phủ căng chân nên không ai đoán biết được chỗ nào hươu đã bị trọng thương. Bò-tát đứng tại đó và tràn ngập hạnh phúc trong lòng. Cittamiga nhìn ngài vô cùng hoan hỷ nên ngỏ lời cảm tạ người thợ săn qua vần kệ này:

118. Chú thợ, cầu mong phước lộc tràn,
Ước ao hạnh phúc cả thân bằng,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm,
Đại lộc vương nay được thoát nàn.

Lúc ấy, Bồ-tát suy nghĩ: “Phải chăng vì tự ý mà người thợ săn đánh bắt ta, hay do lệnh của một ai khác?” Và ngài hỏi nguyên nhân bắt hươu này. Người thợ săn đáp:

– Thưa chúa hươu, kẻ hèn này không có liên can gì đến chúa hươu cả, chính Vương hậu Khemā của đức vua ước mong nghe ngài thuyết giảng Chánh pháp, cho nên kẻ hèn này đã đánh bắt ngài theo lệnh vua truyền.

– Hiền hữu, bạn đã dám cả gan thả ta ra ư? Mau lên, đưa ta vào yết kiến đức vua, rồi ta sẽ thuyết giáo trước mặt hoàng hậu.

– Quả thật, tâu chúa hươu, các vua chúa thường ác độc lắm. Làm sao ai biết được chuyện gì sẽ xảy ra? Kẻ hèn này chẳng màng thứ công danh gì mà đức vua có thể ban cho mình đâu. Vậy ngài hãy ra đi nơi nào như ý!

Nhưng Bồ-tát lại suy nghĩ rằng gã thả ngài ra là một việc quá liều lĩnh nên ngài phải tìm cơ hội cho gã đạt vinh quang, danh vọng đã được vua hứa hẹn trước ấy. Vì thế, ngài bảo:

– Này hiền hữu, hãy lấy tay xát mạnh vào lưng ta!

Gã làm y lời, bàn tay gã liền dính đầy lông tơ vàng óng.

– Thưa chúa hươu, kẻ hèn này sẽ làm gì với đám lông tơ này đây?

– Này hiền hữu, hãy đem chúng về trình lên đức vua cùng hoàng hậu, tâu các ngài rằng đây là đám lông tơ của hoàng kim lộc vương kia, rồi hãy thay mặt ta thuyết giáo cho hai vị ấy nghe các lời kệ mà ta sắp ngâm đây! Khi hoàng hậu nghe lời hiền hữu như thế là cũng đủ làm thỏa mãn niềm khát khao của hoàng hậu rồi.

– Lộc vương, xin ngài hãy thuyết pháp!

Người thợ săn nói và hươu chúa dạy cho gã mười vần kệ về đời sống Thánh hạnh, trình bày ngũ giới và bảo gã ra đi với lời dặn dò, khuyên nhủ gã phải tỉnh giác hộ phòng.

Người thợ săn cư xử với Bồ-tát như cách người ta tôn trọng một bậc thầy vậy. Gã đi nhiều quanh ngài ba lần hướng về phía hữu, đánh lễ bốn lần rất cung kính và gói ghém đám lông tơ vàng ấy trong ngọn lá sen rồi ra đi. Ba anh em chúa hươu tiễn đưa gã đi một đoạn đường. Sau khi ăn uống xong, ba vị liền trở về với cha mẹ. Song thân vội hỏi ngài:

– Này con yêu Rohanta, cha mẹ đã nghe con bị bắt, làm sao con trở về được tự do đây?

Hai vị hỏi qua vần kệ:

119. Làm thế nào con được tự do,
 Khi đời con suýt đứt đường tơ,
 Sao người săn nọ cho con thoát,
 Chiếc bẫy giăng kia đã phình lừa?

Bồ-tát ngâm ba vần kệ đáp lời:

120. Citta đã giải thoát cho con,
Bằng những lời rung động tâm hồn,
Mê mẩn đôi tai, xuyên thấu dạ,
Lời đưa trong sáng thật du dương.

121. Sutanā đã giải thoát cho con,
Bằng những lời rung động tâm hồn,
Mê mẩn đôi tai, xuyên thấu dạ,
Lời đưa trong sáng thật du dương.

122. Chú thợ kia đã giải thoát con,
Khi nghe lời nói thật mê hồn,
Thấm sâu tâm trí, xuyên vào dạ,
Lời lẽ thanh tao dịu ngọt tuôn.

Song thân của ngài bày tỏ lòng cảm ơn bằng một vần kệ:

123. Ta chúc người, gia quyến, vợ con,
Cầu mong các vị phước duyên tròn,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm,
Nay Rohanta được thoát nàn.

Bấy giờ, người thợ sẵn ra khỏi rừng đi về yết kiến vua, gã đánh lễ ngài và đứng châu một bên. Khi vua trông thấy gã liền bảo:

124. Lạp hộ, mau lên nói trầm hay,
Nhà ngươi có phải muốn thừa vầy,
“Tâu Hoàng thượng, tẩm da hươu chúa,
Nay tiểu thần dâng ngự lãm ngay.”
Hoặc giả da hươu ngươi chẳng có,
Đề dâng, vì có sự gì đây?

[Thợ sẵn:]

125. Chúa hươu đã đến tận tay rồi,
Vào bấy nằm sâu kín của tôi.
Bị bắt liền, song đôi lộc khác,
Thong dong châu chực một bên ngài.

126. Xót thương, thần rợn cả làn da,
Từ mẩn lạ thường mới khởi ra:
“Nếu giết hươu này [thần nghĩ ngợi],
Đòi thần ắt cũng hóa ra ma!”

[Nhà vua:]

127. Lạp hộ, bày hươu ấy thế nào,
Phong tư, cốt cách chúng ra sao,
Màu lông, đặc tính gì trong chúng,
Xứng đáng lời kia tán tụng cao?

Vua cứ hỏi đi hỏi lại câu này mãi như thể một người trần đầy kinh ngạc. Gã thợ săn đáp lời qua vắn kệ:

128. Đôi sừng như bạc, dáng cao sang,
Với bộ lông, da sáng rỡ ràng,
Chân đỏ, mắt ngời sao chói lợi,
Toàn thân tuyệt mỹ giữa trần gian.

Trong lúc vừa ngâm kệ, gã vừa đem đặt vào lòng bàn tay vua một nắm lông tơ vàng ánh của Bò-tát, và qua một vắn kệ khác, gã trình bày sơ lược đặc tính của các hươu này:

129. Phong tư, cốt cách chúng như vậy,
Tâu Chúa công, là đám lộc này,
Chúng vẫn tìm môi nuôi phụ mẫu,
Thần không đem được chúng về đây.

Qua những lời này, gã miêu tả các đức tính của Bò-tát, chú hươu em Citta và cô bé hươu non Sutanā, rồi nói thêm điều này:

– Tâu Đại vương, hươu chúa cho tiểu thần một nắm lông, lại bảo thần thay thế địa vị ngài ấy mà thuyết pháp trước hoàng hậu qua mười vắn kệ về cách thực hành bốn phạm chân chánh của nhà vua.

Nghe xong, vua sai người tắm gội, thay đồ mới cho gã, rồi đặt gã thợ săn lên chiếc vương tòa được chạm cẩn với bảy loại châu báu, còn chính vua cùng hoàng hậu ngồi trên một bảo tòa thấp hơn đặt ở một bên, cung kính chấp tay, thỉnh cầu gã thuyết giảng. Người thợ săn thuyết giảng như vậy:

Tâu Hoàng thượng, đối với song thân,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Với đàn thê tử, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Đại vương với thân hữu, quần thần,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.

Trong bước lãng du hoặc chiến trường,
Thực hành đường lối sống thuần lương,
Vì nhờ sống cuộc đời chân chánh,
Thiên giới sẽ về, tấu Đại vương.

Trong làng, thị trấn, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
Mọi miền quốc độ, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
Với các Sa môn, Bà-la-môn,
Thực hành đường lối sống Hiền nhân,
Vì nhờ sống cuộc đời chân chánh,
Thiên giới sẽ về, tấu Đại vương.
Với loài cầm thú, tấu Quân vương,
Xin thực hành đường lối chánh chân,
Nhờ vậy sống theo đời đức hạnh,
Đại vương sẽ đến cõi thiên đường.
Xin thực hành chân chánh, Đại vương,
Từ đây nguồn hạnh phúc tuôn tràn,
Nhờ đi theo cuộc đời chân chánh,
Chúa thượng sẽ lên cõi ngọc đường.
Hộ phòng tinh giác, tấu Quân vương,
Tiến bước trên đường lối thiện lương,
Thiên chủ, chư thiên cùng giáo sĩ,
Từ lâu đã đạt cõi thiên đường.
Ngàn xưa đây chính các phương ngôn,
Đi đúng theo đường lối Trí nhân,
Thiên nữ được tràn đầy hạnh phúc,
Tự mình thăng tiến cõi thiên đường.

Người thợ săn đã thuyết pháp như trên theo cách Bồ-tát đã giảng bày cho gã với tài năng của một bậc Giác ngộ, chẳng khác nào người đem từ bầu trời xuống trần thế cả dải thiên hà kia. Hội chúng gồm đủ ngàn giọng nói đồng reo hò tán thán. Lòng khát khao của hoàng hậu đã được thỏa mãn lúc bà nghe lời thuyết pháp ấy. Vua đầy hoan hỷ liền ngâm các vần kệ này khi ngài ban thưởng người thợ săn đại vinh hoa phú quý:

130. Nạm ngọc vòng tai, trăm muôn ban,
Tặng khanh cùng với sáu cân vàng,
Xinh tươi bảo tòa như hoa tẩm,
Với nệm, nằm chen cả bốn hàng.

131. Hai vợ cùng giai cấp xứng đôi,
Trâu bò thường đứng một trăm rôi,
Trăm nguyên sẽ trị dân công chính,
Mãi mãi, ân nhân của trăm ôi!
132. Cho vay, cày ruộng hoặc kinh doanh,
Hễ đó là nghề nghiệp của khanh,
Trăm thấy khanh không làm việc ác,
Song nhờ đó cấp dưỡng gia đình.

Khi nghe vua nói những lời này, người ấy đáp:

– Tiểu thần không có nhà cửa hay gia đình gì nữa, xin Chúa thượng cho phép tiểu thần được làm ẩn sĩ khổ hạnh.

Sau khi được vua chấp thuận, người ấy đem mọi vật vua ban thưởng trọng hậu ấy về cho vợ con, gia đình xong rồi lại ra đi lên vùng Tuyết Sơn. Nơi đây, người ấy sống theo đời khổ hạnh, tu tập tám thiền chứng và được sinh lên cõi Phạm thiên. Còn vua vẫn tuân hành lời giáo huấn của Bồ-tát nên về sau lên cộng trú với hội chúng chư thiên dục giới. Lời giáo huấn ấy tồn tại cả ngàn năm sau nữa.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, xưa kia cũng như bây giờ, Ānanda hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Lúc bấy giờ, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vua, một Tỷ-kheo-ni là Hoàng hậu Khemā, hai người trong hoàng tộc là mẹ cha của hươu chúa, Uppalavaṇṇā (Liên Hoa Sắc) là Sutanā, Ānanda (A-nan) là Citta, dòng họ Sākya (Thích-ca) này là đàn hươu tám mươi ngàn con và Ta chính là lộc vương Rohanta.

§502. CHUYỆN THIÊN NGÀ CHÚA (*Haṃsajātaka*)¹⁴ (J. IV. 423)

Kìa đám thiên nga cất cánh bay...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Trúc Lâm về việc Tôn giả Ānanda hy sinh tính mạng.

Lúc ấy, Tăng chúng đang bàn luận trong pháp đường về các đức tính của Tôn giả này thì bậc Đạo sư bước vào hỏi Tăng chúng đang nói chuyện gì tại đó. Rồi Ngài bảo:

¹⁴ Xem J. V. 359, *Mahāhaṃsajātaka* (Chuyện đại thiên nga), số §534.

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Ānanda từ bỏ tính mạng vì Ta mà xưa kia cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, có một vị vua ngự trị tại thành Ba-la-nại mệnh danh là Bahuputtaka (thân phụ của nhiều vương tử) và chánh cung hoàng hậu của ngài là Khemā (Thái Hòa).

Thuở ấy, Bồ-tát sống trên đỉnh Cittakūṭa, ngài là chúa tể của chín mươi ngàn con thiên nga sau khi được sinh làm chim thiên nga với màu lông vàng ánh.

Thuở ấy, như đã thuật trước đây, chánh hậu nằm mộng và tâu vua rằng bà đã mang nỗi khát khao của một thai phụ muốn nghe chim kim nga thuyết pháp. Khi vua hỏi xem có loài vật nào như chim kim nga chẳng, và ngài được báo tin là hiện có loài ấy trên đỉnh Cittakūṭa. Sau đó, ngài bảo xây cái hồ đặt tên là Khemā, lại truyền lệnh trồng đủ loại ngũ cốc làm thực phẩm, hằng ngày rao truyền khắp tứ phương, ban bố lệnh bảo vệ hồ ấy, rồi phái một thợ săn đến bắt thiên nga.

Người này được phái đi cách nào, người ấy canh chừng chim muông ra sao, tin tức được tâu trình vua khi bầy thiên nga xuất hiện như thế nào, cái bầy được giăng theo kiểu gì và Bồ-tát bị mắc vào bầy, rồi đại tướng thiên nga Sumukha (Sư-mục-kha) không thấy ngài trong ba đàn chim kia liền trở về tìm ngài ra sao, tất cả những chi tiết này sẽ xuất hiện trong *Chuyện đại thiên nga*,¹⁵ trong đó thiên nga chúa có tên Dhataratṭha.

Bấy giờ, ngay lúc Bồ-tát bị bắt vào thòng lọng và cây sào, dù cho ngài đang treo lủng lẳng trong chiếc thòng lọng ở đầu cây sào, ngài cũng cố vươn cổ ra nhìn theo hướng bầy chim đã bay trốn và chợt thấy tướng Sumukha quay trở lại, ngài suy nghĩ: “Khi chim tướng đến đây, ta sẽ thử lòng chim tướng ấy xem sao.” Vì thế, khi chim kia đến, Bồ-tát ngâm ba vắn kệ:

133. Kìa đám thiên nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hải kinh đây,
Đi ngay, Sư-mục lông vàng óng,
Khanh muốn gì chẳng ở chốn này.

134. Họ hàng ta đã bỏ rơi ta,
Bọn chúng đều cao chạy vút xa,
Đào tẩu ngay, không hề nghĩ lại,
Sao khanh đơn độc ở đây mà?

135. Thiên nga cao thượng hãy bay về,
Tù tội, thân không có bạn bè,

¹⁵ Như trên.

Lúc được tự do, Sư-mục hồi,
Bay đi, đừng bỏ dịp may kè.

Nghe vậy, tướng quân Sumukha đáp lời lúc đang đậu trên vũng bùn:

136. Không, thần sẽ chẳng bỏ nga vương,
Khi đến gần tai họa thảm thương,
Song ở lại đây, thần đã quyết,
Bên ngài dù sống chết không màng.

Như thế, Sumukha đã cất giọng sư tử hồng và chim chúa Dhatarattha đáp kè này:

137. Những lời khanh nói thật anh hùng,
Đại tướng ôi, cao cả tấm lòng,
Vì muốn thử lòng hiền hữu đó,
Trăm đà bảo bạn hãy phi thân!

Trong lúc hai vị đang trò chuyện với nhau như vậy, người thợ săn vừa tới nơi, cầm gậy trong tay, gã chạy như bay hết tốc lực. Sumukha khuyến khích chim chúa Dhatarattha cho phấn khởi tinh thần, rồi bay ra đón người thợ săn, kính cẩn đề cao đức hạnh của chim chúa đàn. Lập tức, tâm hồn người thợ săn trở nên nhu hòa. Sumukha nhận thấy ngay điều này liền quay lại đứng cạnh thiên nga chúa để khích lệ ngài phấn khởi tinh thần. Còn người thợ săn tiến đến gần chim chúa và ngâm vần kè thứ sáu:

138. Bọn chúng đều co căng vút bay,
Bầy chim tung cánh giữa trời mây,
Thiên nga vương giả, sao chim chẳng,
Trông thấy từ xa chiếc bẫy này?

Bồ-tát đáp lại:

139. Khi đời sắp sửa phút lâm chung,
Giờ tử thần đang tiến lại gần,
Dù bạn đứng kè bên chiếc bẫy,
Cũng không thấy bẫy đặt dây giăng.

Người thợ săn hài lòng với lời nhận xét của chim chúa liền ngâm thêm ba vần kè hỏi Sumukha:

140. Kia đàn thiên nga cất cánh bay,
Cả bầy hốt hoảng hải kinh thay,
Còn thiên nga có sắc vàng óng,
Bị bỏ rơi còn nán đợi đây.

141. Cả đàn thiên nga đã uống ăn,
Rồi bay về hết, chẳng quan tâm,
Qua không gian chúng lao vùn vụt,
Và bỏ mặc chim chỉ một thân.

142. Có gì quan hệ với chim này,
Khi cả đàn ruồng rẫy vụt bay,
Dù được tự do, chim ở lại,
Một mình kết bạn kẻ tù đầy?

Sumukha đáp lời:

143. Chim chúa là đây, bạn chí tình,
Thiệt thân như chính cuộc đời mình,
Bỏ ngài ư, chẳng bao giờ có,
Dù lúc tử thần gọi đích danh!

Nghe thế, người thợ săn vô cùng hoan hỷ và nghĩ thầm: “Ví thử ta làm hại các sinh vật đức hạnh như thế này, chắc chắn mặt đất sẽ há miệng ra và nuốt chửng ta đi mất. Ta còn thiết gì đến ân thưởng vua ban nữa. Ta quyết thả chúng ra thôi.” Rồi gã ngâm kệ:

144. Thấy rằng vì trọng nghĩa thân bằng,
Chim sẵn sàng từ bỏ tấm thân,
Ta thả chúa chim đồng mệnh ấy,
Để cùng nhau khắp chốn đẳng vân.

Vừa nói lời này xong, gã kéo nga vương Dhatarattha xuống khỏi cây sào, nới lỏng dây thòng lọng ra và đem thiên nga tới bờ hồ, rửa sạch máu trên thân chim với lòng đầy xót thương, rồi thoa bóp các bắp thịt cùng gân cốt bị trặc khớp lại cho đúng chỗ. Nhờ tâm từ ái của người thợ săn cùng uy lực các công hạnh viên mãn của Bồ-tát nên lập tức chân ngài lành mạnh như trước, không còn một dấu vết nào chứng tỏ ngài đã bị mắc bẫy cả. Tướng quân Sumukha chiêm ngưỡng Bồ-tát với lòng hân hoan và cảm tạ qua những lời này:

145. Lạ hộ cùng thân hữu, họ hàng,
Cầu mong các vị phước ân tràn,
Như ta hạnh phúc khi nhìn ngắm,
Chim chúa giờ đây thoát buộc ràng.

Khi người thợ săn nghe lời này, gã nói:

– Nay Hiền hữu, ngài có thể bay đi rồi đấy.

Lúc ấy, Bồ-tát bảo gã:

– Thưa Hiền giả, thế ngài đã bắt ta theo ý riêng của ngài hay do lệnh một người khác?

Gã liền kể cho ngài nghe mọi sự. Chim chúa tự hỏi nên trở về đỉnh Cittakūta hay đi vào kinh thành kia. Ngài suy nghĩ: “Nếu ta vào thành thì người thợ săn sẽ được vua ban thưởng, nỗi khao khát của hoàng hậu sẽ được thỏa mãn, tình bằng hữu của Sumukha sẽ được mọi người biết rõ, rồi cũng nhờ công đức trí tuệ của ta, ta sẽ được vua ban thưởng hồ Khemā như một đặc ân. Vậy ta vào thành thì hơn.” Quyết định xong ngài nói:

– Này thợ săn, bạn hãy mang chúng ta trên đòn gánh của bạn, đưa vào yết kiến đức vua và nếu ngài muốn, ngài sẽ thả ta ra!

– Này chúa chim ơi! Tính vua chúa bạo tàn lắm, vậy các ngài cứ đi đường của các ngài cho yên thân.

– Sao thế? Ta đã làm mềm lòng một thợ săn như bạn mà ta lại không chiêm được ân sủng của vua chúa kia ư? Cứ để việc ấy cho ta lo liệu, này bạn hữu, phần của bạn là mang chúng ta đến yết kiến đức vua.

Người ấy đành tuân lời. Khi vua nhìn thấy đôi thiên nga, ngài rất đẹp ý. Ngài đặt đôi chim lên một cành đậu bằng vàng, bảo đem mật ong và hạt mễ cốc rang chín cùng nước đường lên mời đôi chim, sau đó ngài đưa đôi tay lên thỉnh cầu đôi chim thuyết pháp. Nga vương thấy vua tha thiết nghe pháp như thế nên trước tiên ngài nói với vua bằng những lời lẽ nhu hòa êm ái.

Sau đây là các vần kệ trình bày câu chuyện giữa vua và thiên nga chúa:

[Thiên nga:]

146. Đại vương, ngọc thể có khang an,
Quý quốc giờ đây có hưởng tràn,
Hạnh phúc, giàu sang cùng thịnh vượng,
Và ngài trị nước thật công bằng?

[Đức vua:]

147. Thiên nga, đây trăm được khang an,
Và bốn quốc đây được vẹn toàn,
Hạnh phúc, giàu sang cùng thịnh vượng,
Vớì nền cai trị thật công bằng.

[Thiên nga:]

148. Triều đình ngài chẳng phạm sai lầm,
Và đám quốc thù vẫn biệt tăm,
Bọn chúng chẳng bao giờ xuất hiện,
Khác nào bóng tối hướng Nam chẳng?

[Đức vua:]

149. Triều thần trăm chẳng thấy sai lầm,
Và đám quốc thù vẫn biệt tăm,
Bọn chúng chẳng bao giờ xuất hiện,
Khác nào bóng tối ở phương Nam.

[Thiên nga:]

150. Phải chăng chánh hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tùng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi thánh ý chờ mong?

[Đức vua:]

151. Thừa vâng, chánh hậu cũng chung dòng,
Lời lẽ ôn nhu, biết phục tùng,
Diễm lệ, nhiều con, danh tiếng tốt,
Vâng chiều mọi ý trăm hằng mong.

[Thiên nga:]

152. Đại đế nuôi dân, ngài có đông,
Hoàng nam được dưỡng dục oai phong,
Thông minh ứng đối, người nhu thuận,
Bất cứ việc gì cũng gắng công?

[Đức vua:]

153. Nga vương, trăm có đủ hoàng nam,
Nổi tiếng một trăm lẻ một chàng,
Dạy bảo chúng làm tròn phận sự,
Chúng không bỏ dở các lời vàng.

Nghe điều này, Bồ-tát khuyên giáo hội chúng qua năm vắn kệ:

154. Kẻ hoãn trì cho quá muộn màng,
Thiện hành mà chẳng gắng công làm,
Dù nhiều đức tính, dòng cao quý,
Cũng vẫn chìm sâu xuống dưới dòng.

155. Người kia trì kiến cứ tàn dần,
Tồn hại lớn lao, nó lãnh phần,
Như kẻ quáng gà vì bóng tối,
Khi nhìn mọi vật hóa phòng căng,
Gấp đôi tầm cỡ thường nơi chúng,
Vì có nhãn quan chẳng vẹn toàn.

156. Ai nhìn hư vọng thấy toàn chân,
Chẳng đạt chút nào trí tuệ thông,
Như thể trên đường đèo lởm chởm,
Bầy hươu nai vẫn té nhào lăn.

157. Nếu người nào dũng cảm can cường,
Đức hạnh mến yêu, giữ đúng đường,
Dù chỉ là người dòng hạ liệt,
Cũng bừng lên tựa lửa đêm trường.

158. Cứ dùng ngay ví dụ trên này,
Chân lý Hiền nhân, hãy giải bày,
Dưỡng dục hoàng nam thành bậc Trí,
Như mầm non gặp lúc mưa đầy.

Bồ-tát đã thuyết giáo như vậy cho vua suốt đêm ròng, lòng khao khát của hoàng hậu đã được thỏa mãn. Trước buổi bình minh, ngài an trú vua vào thập vương pháp và khuyên nhủ vua tỉnh cần tỉnh giác. Sau đó, ngài cùng tướng quân Sumukha bay ra khỏi khung cửa sổ hướng Bắc về đỉnh Cittakūṭa.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, trước kia người này cũng đã hy sinh tính mạng vì Ta.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Channa (Xa-nặc) là người thợ săn, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là vua, một Tỷ-kheo-ni là Hoàng hậu Khemā, bộ tộc Thích-ca (Sākya) là đàn thiên nga, Ānanda là Sumukha và Ta chính là thiên nga vương.

§503. CHUYỆN ANH VŨ SATTIGUMBA (*Sattigumbajātaka*)¹⁶ (J. IV. 430)

Vua xừ Pañcā với đạo quân...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại vườn nai Maddakucchi về Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Khi Đề-bà-đạt-đa xô tảng đá lớn và một mảnh dăm vào chân của đức Thế Tôn khiến chân Ngài nhức nhối, nhiều nhóm Tăng chúng họp lại đến viếng đức Như Lai.

Bấy giờ, lúc đức Thế Tôn thấy quần chúng tụ họp đầy đủ, Ngài bảo:

– Này các Tỷ-kheo, nơi đây đông đảo lắm, dân chúng sẽ tụ tập nhiều nữa. Vị nào hãy dùng cái cang khiêng ta đến Maddakucchi.

Các Tỷ-kheo liền làm theo đúng như vậy. Còn Tôn giả Jīvaka chữa cho chân đức Như Lai bình phục. Khi ngồi trước bậc Đạo sư, Tăng chúng nói về chuyện này:

– Đề-bà-đạt-đa là một kẻ ác và toàn thể hội chúng của ông ta đều là bọn người ác, kẻ gây ác nghiệp thường thân cận với lũ ác nhân.

Bậc Đạo sư hỏi:

– Này các Tỷ-kheo, các ông nói chuyện gì vậy?

Tăng chúng trình với Ngài. Ngài bảo:

– Đây không phải là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa thân cận với bọn ác mà xưa kia cũng vậy.

Sau đó, Ngài kể một chuyện quá khứ.

¹⁶ Xem J. V. 317, *Sona-Nanda-jātaka* (Chuyện hai Hiền giả Sona và Nanda), số §532; J. VI. 77, *Sāmajātaka* (Chuyện hiếu tử Sāma), số §540; J. VI. 481, *Vessantarajātaka* (Chuyện Đại vương Vessantara), số §547; J. VI. 221, *Mahānārāḍakassapajātaka* (Chuyện bậc Đại tri Nārada Kassapa), chuyện này trong bản Tích Lan và PTS là số 544, trong bản CST là số 545.

Một thuở nọ, có một vị vua mệnh danh là Pañcāla ngự trị trong kinh thành Uttarapañcāla. Bồ-tát được sinh làm vương tử của anh vũ vương trong khóm cây bông vải mọc trên cao nguyên giữa lòng một khu rừng rậm, có tất cả hai anh em trai. Ngược chiều gió với vùng đồi núi này là một làng trộm cướp có năm trăm tên cướp trú ngụ. Thuận chiều gió núi rừng lại là một vùng ẩn am với năm trăm vị Hiền nhân.

Vào thời kỳ loài chim anh vũ thay lông, một con lóc cuốn đi mất một chim anh vũ và rớt vào làng trộm cướp kia, nằm giữa đồng vũ khí của bọn cướp và do chim rớt vào đó nên bọn chúng gọi nó là Sattigumba (gươm giáo tua tủa). Còn con chim kia rơi vào am ẩn sĩ, giữa đám hoa mọc trên chỗ đất cát, vì lý do đó nên nó được đặt tên là Pupphaka (hoa điều). Thế là chim Sattigumba lớn lên giữa bọn cướp, còn Pupphaka sống với các vị Hiền nhân.

Một ngày kia, vua phục sức oai nghi sang trọng, dẫn đầu một đoàn tùy tùng đông đảo, ngự trên vương xa lộng lẫy để đi săn hươu nai. Không xa kinh thành mấy, vua vào rừng cây xanh tươi tràn đầy hoa quả. Vua phán:

– Nếu kẻ nào để cho một con nai thoát đi do lỗi mình thì phải lãnh trách nhiệm ấy!

Sau đó, vua xuống xa giá tìm nơi ẩn mình, đứng yên với cung trong tay, dưới túp lều dành cho ngài. Bọn người xua đã thú, đập vào các bụi rậm để đuổi con mồi. Một con hươu liền vùng dậy tìm đường thoát thân, nó thấy một kẻ hờ ở cạnh vua liền chui lọt qua đó biến mất. Mọi người hỏi nhau:

– Ai đã để con hươu chạy thoát? Chính là đức vua rồi!

Nghe vậy cả bọn cười nhạo vua, và vì lòng tự kiêu, ngài không chịu được trò đùa này:

– Nay ta phải bắt cho được con hươu!

Vua kêu lớn và nhảy lên xe.

– Nhanh lên!

Ngài bảo người quản xa và ngài vụt biến mất theo con hươu. Vua đi nhanh quá khiến bọn kia không theo kịp ngài, chỉ có vua và viên quản xa, hai người này cứ tiến lên đến giữa trưa, song chẳng gặp hươu đâu cả. Sau đó, vua trở lại và khi thấy cạnh làng bọn cướp có một thung lũng đẹp mắt, ngài đi xuống tắm rửa, uống nước rồi đi lên khỏi con suối.

Sau đó, người quản xa lấy tấm thảm từ trong vương xa ra trải dưới bóng cây, vua nằm trên đó, người quản xa ngồi dưới chân vua xoa bóp, vua cứ thức ngủ chập chờn. Dân chúng trong làng bọn cướp và cả bọn cướp nữa đều đã vào rừng để châu vua vì thế trong làng không còn ai ngoài Sattigumba và người đầu bếp tên là Patikolamba.

Vào lúc ấy, Sattigumba bước ra khỏi làng và khi thấy vua, nó liền suy nghĩ:

“Giá ta giết chết người kia đang nằm ngủ và lấy hết đồ trang sức ấy nhỉ?” Vì thế, nó trở lại gọi Patikolamba và kể cho gã nghe mọi sự việc.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm năm vản kệ:

- 159.** Vua xứ Pañcā với đạo quân,
Lên đường săn bắn lũ nai rừng,
Trong rừng sâu thẳm vua đi lạc,
Chẳng có một ai ở kế gần.
- 160.** Kìa, ngài trông thấy ở trong rừng,
Bọn cướp đã làm chôn ản thân,
Anh vũ, một chim đang tiến bước,
Tức thì lời ác nó kêu vang.
- 161.** “Ngồi trên xe nọ, một nam trang,
Châu báu nhiều sao, lăm ngọc vàng,
Vương miện trên đầu vàng óng ánh,
Chiếu hồng như thể ánh trời quang.
- 162.** Ngự quan cùng chúa ngủ say sưa,
Năm đó lúc trời nắng giữa trưa,
Ta hãy cướp ngay đồ báu vật,
Nhanh lên, cất giấu hết bây giờ!
- 163.** Cảnh lặng yên như lúc nửa đêm,
Ngự quan cùng chúa ngủ nằm yên,
Bạc vàng châu báu, nào ta lấy,
Giết họ rồi ta chắt cùi lên!”

Nghe nói vậy, người kia bước ra khỏi nhà, khi nhìn thấy đó chính là vua, gã kinh hãi và ngâm kệ này:

- 164.** Này Satti, có phát điên khùng?
Lời lẽ nào nghe mới nói chẳng?
Vua chúa giống như vàng lửa cháy,
Vô cùng nguy hiểm, nếu ta gần.

Chim đáp lại qua kệ khác:

- 165.** Ngu đại Pati nói chuyện này,
Và ông điên, chẳng phải ta đây,
Mẹ ta trần trụi, sao khinh bỉ,
Nghề nghiệp nhà ta sống thuở rày?

Bấy giờ vua thức dậy và khi nghe chúng nói chuyện với nhau bằng tiếng người, nhận thấy nguy hiểm, ngài ngâm kệ sau để đánh thức người lái xe:

166. Dậy mau hiền hữu quán xa này,
Vào cỗ xe, nào thắng ngựa ngay,
Chỗ khác, ta tìm nơi ẩn náu,
Vì ta chẳng thích chú chim đây.

Gã liền vùng dậy, thắng đôi ngựa vào xe rồi ngâm kệ nữa:

167. Xa mã thắng rồi, tâu Đại vương,
Sẵn sàng đã buộc đủ dây cương,
Đại vương, xin ngự vào xa giá,
Nơi khác ta tìm để nấu nướng.

Vua vừa ngự vào trong xe thì đôi tuần mã thuần chủng đã lao vút nhanh như gió. Khi chim Sattigumba thấy xe vua đi xa rồi, lòng dao động nôn nao, nó liền ngâm hai vần kệ:

168. Này đi đâu cả đám râu mày,
Họ vẫn thường lai vãng chôn đây?
Vua nước Pañcā vừa chạy mất,
Chúng không thấy nữa, hãy đi ngay!
169. Vua ấy thoát thân có được chăng?
Hãy cầm lao, giáo với tên, cung,
Kìa Pañcā chúa vừa bay mất,
Này chớ cho vua ấy thoát thân!

Con chim nói huyền thuyên như thế, đập cánh xào xạc bay lui bay tới đây về bốn chồn. Trong lúc ấy, vua vừa kịp thì giờ đến am ẩn sĩ của các Hiền nhân. Vào lúc này, các vị ấy đã ra đi kiếm củ quả rừng, chỉ còn một mình chim anh vũ Pupphaka ở trong am. Khi chim thấy vua liền ra chào đón ngài và nói chuyện với ngài rất cung kính tào nhã.

Lúc ấy, bậc Đạo sư ngâm bốn vần kệ:

170. Chim anh vũ với mỏ tươi hồng,
Cung cách ân cần đã nói năng:
“Vạn tuế Đại vương, duyên hạnh ngộ,
Đưa đường ngài ngự đến đây chăng?
Vinh quang Đại đế đây uy lực,
Chúa thượng cần gì phải giáng lâm?”
171. Tĩṇḍuka, piyāla, các lá cây,
Cùng kāsūmārī quả ngọt ngào thay,
Dù còn ít ỏi, tâu Hoàng thượng,
Chọn thức tối ưu, đó sẵn bày.
172. Nước mát từ hang núi thật sâu,
Ẩn mình bên dưới ngọn đồi cao,

Oai hùng Đại đế, râu ngài ngự,
 Âm thực tùy nghi thỏa khát khao.

173. Mọi người đang lượm trái trong rừng,
 Các vị nơi này vẫn trú thân,
 Xin Chúa đích thân cảm ngự thiện,
 Tay thân chẳng có để cúng dâng.”

Vua rất đẹp ý khi nghe lời nói tao nhã lịch thiệp này liền đáp lời qua đôi vần kệ:

174. Chưa có chim nào ưu tú hơn,
 Trên đời, anh vũ quả thuần chơn,
 Còn chim anh vũ đằng kia ấy,
 Đã nói bao điều thật ác ngôn.
175. “Đừng để nhà vua chạy thoát thân,
 Đến mau! Trói giết!” nó kêu vang,
 Trăm đi tìm đến am tu sĩ,
 Và thấy nơi này chốn vạn an.

Khi được vua bảo như thế, Pupphaka ngâm đôi vần kệ:

176. Đại đế, chúng thần chính đệ huynh,
 Cùng chung một mẹ đã khai sinh,
 Cưu mang đôi trẻ trên cây nọ,
 Song chốn khác nhau đã trưởng thành.
177. Vì Satti đến bọn cường gian,
 Còn tiểu thần đi đến Trí nhân,
 Ác nọ, thiện đây, từ chỗ đó,
 Phát sinh lẽ thói chẳng cùng đàng.

Sau đó, anh vũ giải thích đầy đủ chi tiết những sự khác nhau bằng cách ngâm vần kệ:

178. Đâm chém, xích xiềng, kể bất lương,
 Những hành vi bịp bợm, tồi tàn,
 Bao nhiêu bạo động và xung kích,
 Chính đó là môn nó sở trường.
179. Còn đây tiết độ, tự điều thân,
 Nhân ái, công bằng với chánh chân,
 Lữ khách uống ăn cùng trú ẩn,
 Quay quần thần lớn giữa Hiền nhân.

Tiếp theo, chim lại thuyết pháp cho vua qua các vần kệ sau:

180. Đối với ác nhân hoặc thiện nhân,
 Mà người ta kính trọng tôn sùng,

- Cho dù ác độc hay hiền đức,
Cũng khiến kẻ kia phải phục tùng.
181. Khi ta ngưỡng mộ bạn tâm đồng,
Như một người tri kỷ, bạn lòng,
Người ấy sẽ đồng hành, kẻ cận,
Bên mình ta đến phút sau cùng.
182. Tình bạn kết giao thâm nhiễm dần,
Chuyện này ngài thấy quả là chân,
Cứ ngâm thuốc độc vào tên bắn,
Vỏ bọc cũng thành nhiễm độc luôn.
183. Người trí tránh bầu bạn ác nhân,
Vì e ô nhiễm chạm vào thân,
Cá uơn cứ gói trong chùm cỏ,
Sẽ thấy cỏ kia cũng thối nồng,
Những kẻ kết giao phường trí độn,
Chính mình cũng sẽ hóa ngu đần.
184. Lá kia đem gói gỗ trầm hương,
Ngọn lá liền thơm ngát dịu dàng,
Cũng vậy nhiều người thành có trí,
Khi ngồi châu các bậc Hiền nhân.
185. Nhờ ví dụ này bậc Trí nhân,
Phải am tường lợi lạc riêng phần,
Tránh xa bầu bạn phường gian ác,
Và sánh vai cùng bậc chánh chân,
Thiên giới đợi chờ người chánh hạnh,
Đọa vào ngục tối bọn tà gian.

Vua rất hoan hỷ với bài thuyết giảng này. Kế đó, các bậc Trí giả từ rừng trở về. Vua đánh lễ các vị và nói:

– Cầu mong các Tôn giả tỏ lòng từ bi hạ cố đến an trú trong ngự viên của trẫm.

Và ngài đã thuyết phục được các vị nhận lời mời. Khi hồi cung, vua liền ban bố lệnh thả hết mọi chim anh vũ. Còn các bậc Trí nhân vẫn đến yết kiến vua. Ngài tặng các vị khu vườn thượng uyển để trú ngụ và chăm nom các vị rất chu đáo trong thời gian ngài còn tại thế. Sau khi mạng chung, ngài lên cộng trú với hội chúng chư thiên, hoàng thái tử của ngài được quần thần giương chiếc lọng hoàng gia lên đầu làm lễ phong vương. Vị tân vương này cũng chăm sóc các Hiền nhân, và cứ thế cha truyền con nối suốt bảy đời vua đều bố thí cúng dường rất rộng rãi. Còn Bồ-tát an trú trong rừng cho đến khi mạng chung liền đi theo nghiệp của mình.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, các ông thấy xưa kia Devadatta cũng đã thân cận bạn ác như bây giờ.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là Sattigumba, đoàn tùy tùng của kẻ ấy là bọn cướp, Ānanda là vua, hội chúng của Như Lai là các Trí giả và Ta là anh vũ Pupphaka.

§504. CHUYỆN ĐẠI VƯƠNG BHALLĀṬIYA

(*Bhallāṭiyajātaka*)¹⁷ (J. IV. 437)

Ngày xưa Đại đế Bhallāṭiya...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về Hoàng hậu Mallikā (Mặt-lợi) [tức Nương tử Vũ Quý Hoa].

Một buổi kia, chuyện kể rằng có việc xích mích giữa hoàng hậu và vua về quyền lợi trong đời sống nội cung, vua nổi giận và không muốn nhìn mặt bà. Bà suy nghĩ: “Ta chắc đức Như Lai không biết đức vua đang giận hờn ta.”

Khi bậc Đạo sư biết chuyện ấy, ngày hôm sau, Ngài đi vào khất thực tại Ba-la-nại có Tăng chúng theo hầu, rồi đến tận cung môn. Vua bước ra đón Ngài và cầm lấy bình bát của Ngài, rước Ngài lên thượng lầu, mời Tăng chúng ngồi theo thứ tự thích hợp, rồi dâng nước chào mừng cùng với thực phẩm thượng vị. Sau buổi cơm, vua ngồi xuống một bên. Bậc Đạo sư hỏi:

– Tại sao Hoàng hậu Mallikā không đến?

Vua đáp:

– [Bạch đức Thế Tôn], chỉ vì lòng kiêu mạn ngu si về cảnh vinh quang của bà ta đây.

Bậc Đạo sư bảo:

– Này Đại vương, xưa kia đã lâu lắm rồi, khi Đại vương còn là một tiên nam, Đại vương rời xa bạn đời của mình chỉ một đêm thôi mà về sau cứ mãi thương tiếc cả bảy trăm năm đó.

Rồi theo lời thỉnh cầu của vua, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, có một vị vua tên là Bhallāṭiya trị vì Ba-la-nại. Do nổi say mê món thịt nai rừng bóc khói trên hỏa lò lôi cuốn, ngài giao phó vương quốc cho các đại thần, rồi trang bị đủ năm thứ vũ khí cùng một bầy chó săn thông minh tinh luyện, ngài lên xa giá rời kinh tiến về vùng Tuyết Sơn. Ngài cứ du hành dọc theo sông Hằng mãi đến tận nơi không còn lên cao được nữa liền đi theo một

¹⁷ Xem Miln. 406, *Sappanāpapaṇha* (Câu hỏi về tính chất của loài rắn).

phụ lưu thêm vài đoạn đường, vừa giết nai, lợn rừng vừa thưởng thức món thịt nướng kia cho đến khi ngài trèo lên tận một đỉnh cao.

Nơi đó có một con suối đầy thi vị chảy xuống khắp vùng, nước cao lên tận ngực, song vào các mùa khô ráo chỉ gần đến đầu gối. Lúc ấy, các đàn cá, rùa, đủ loại tung tăng; dải cát dưới nước sáng loáng như bạc; cây cối hai bên bờ rủ xuống nặng trĩu hoa trái; chim chóc, ong bướm say sưa hút nước trái chín và mật ong, bay lượn dưới bóng cây râm mát. Nơi đây từng đàn hươu nai đủ loại vẫn lai vãng luôn. Bấy giờ, trên bờ suối xinh đẹp này có đôi tiên đang ôm chặt nhau, âu yếm vuốt ve nhau rồi bỗng khóc than rên rĩ vô cùng thảm thiết.

Trong lúc vua trèo lên đỉnh Gandhamādana (Hương Sơn) men theo dòng suối này, ngài chợt nhận thấy đôi tiên kia. “Tại sao họ cứ khóc than rên rĩ như thế này?” Ngài suy nghĩ: “Ta muốn hỏi xem sao.” Ngài chỉ cần liếc bầy chó săn và búng ngón tay, bầy chó thuần chủng thấy dấu hiệu này là hiểu ngay phần việc của chúng, liền bò vào dưới bụi rậm và nằm sát đất. Vừa khi ngài thấy chúng đã khuất dạng, ngài đặt cung tên cùng các vũ khí kia cạnh gốc cây gần đó và rón rén đi nhẹ nhàng đến gần đôi tiên để khỏi ai nghe lọt bước chân rồi ngài cất tiếng hỏi:

– Tại sao các người than khóc?

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm ba vắn kệ:

186. Ngày xưa Đại đế Bhallāṭiya,
Ngài vẫn đi săn bắn thật xa,
Trèo tận Hương Sơn và chợt thấy,
Đầy hoa nở rộ với yêu ma.
187. Ngài truyền bầy chó thả nằm yên,
Đặt các cung tên xuống đất liền,
Tiến bước để đưa lời ước hỏi,
Chốn kia vừa thấy cặp thần tiên.
188. “Đông đã qua, sao lại trở về,
Hàn huyên tâm sự cạnh sơn khê,
Các người sao giống phạm nhân quá,
Người gọi loài gì, nói trẫm nghe?”

Nghe vua hỏi, vị tiên nam không nói gì nhưng tiên nữ đáp lại như sau:

189. Tam đỉnh, Hoàng giang, núi Malla,
Dạo quanh, sông nước mát băng qua,
Chúng thần là thú nhưng nhân dạng,
Những thợ săn kêu “nhân điều” kia.

Kể đó, vua ngâm ba vắn kệ:

190. Các người âu yếm tựa tình nhân,
Song lại khóc than thật nảo nùng,
Tiên chúng giống như người thể tục,
Cớ sao than khóc, hãy phân trần?
191. Các người môn trốn tựa uyên ương,
Song khóc đây ai oán thảm thương,
Đôi lứa khác nào người thể tục,
Sao sầu đau thế, nói cho tường?
192. Như các tình nhân cứ vuốt ve,
Song lời than khóc thật lê thê,
Các người trông giống người trần tục,
Sao quá bi ai, nói trầm nghe?

Các vần kệ sau là do đôi bên đối đáp nhau:

[Tiên nữ:]

193. Chàng, thiếp một đêm cách biệt nhau,
Không tình ân ái, nặng u sầu,
Tương tư, song chẳng bao giờ có,
Đêm ấy trở về được nữa đâu.

[Quân vương:]

194. Sao năm đêm ấy quá cô đơn,
Đã khiến người rên rỉ tiếc thương?
Đôi trẻ giống như người thể tục,
Mất tiên, hay lão phụ từ trần?

[Tiên nữ:]

195. Đẳng kia, bóng mát, suối tuôn ra,
Giữa đá, rồi cơn bão thổi qua,
Vì quá lo âu tìm kiếm thiếp,
Nên tình quân đã lộn qua bờ.
196. Trong lúc đôi chân thiếp rộn ràng,
Thiếp đi tìm cỏ nội hoa ngàn,
Làm vòng đeo tặng chàng yêu dấu,
Và thiếp vừa khi gặp lại chàng.
197. Kết bó chuông vàng, đồng thảo xanh,
Thủy tiên trắng mát đượm sương lành,
Cho chàng yêu cả vòng hoa cỏ,
Cùng thiếp vừa khi gặp bạn tình.
198. Rồi sau thiếp hái bó hoa hồng,
Là thứ hoa xinh đẹp nhất vùng,

- Để kết liên cho chàng với thiếp,
Vòng hoa đeo cổ lúc tương phùng.
199. Ké hoa là lá, thiếp đi tìm,
Về trái đầy trên mặt đất mềm,
Nơi suốt đêm trường chung gối mộng,
Uyên ương thiêm thiếp giấc nồng êm.
200. Gỗ quế, trầm hương kể tiếp liên,
Đặt trên hòn đá, thiếp đắm nghiền,
Làm hương tẩm khắp chàng yêu dấu,
Và thiếp, mùi hương cực diệu huyền.
201. Đứng bên bờ suối chảy tuôn dòng,
Thiếp hái hoa sen mãi đến cùng,
Chiều xuống, suối kia tràn khắp chốn,
Muốn sang bờ nọ, hết chờ mong.
202. Đành đứng cả hai ở mỗi bờ,
Nhìn nhau tha thiết, ngóng ngang qua,
Ôi, bao tiếng khóc cười đôi ngả,
Đêm ấy cùng đau đớn xót xa.
203. Sáng lại, vùng đông đã mọc cao,
Khi nhìn con suối cạn khô mau,
Thiếp, chàng vội bước ôm nhau chặt,
Lập tức cùng cười, khóc với nhau.
204. Gần bảy trăm năm chỉ thiếu ba,
Từ khi chàng, thiếp phải chia xa,
Tim yêu tan nát sầu ly biệt,
Dằng dặc tưởng chừng trọn kiếp qua.

[Quân vương:]

205. Đòi người kỳ hạn đến bao giờ?
Nếu chuyện này truyền lại thuở xưa,
Hoặc giả theo lời nhiều Trưởng lão,
Thì đừng sợ hãi, nói cùng ta.

[Tiên nữ:]

206. Một ngàn mùa hạ thắm, an khương,
Chẳng chịu nhiều đau khổ đoạn trường,
Ít gặp ưu sầu, đầy cực lạc,
Suốt đời ngập hạnh phúc yêu đương.

Khi vua nghe vậy, ngài suy nghĩ: “Các sinh vật này thấp kém còn hơn loài người, thế mà vẫn khóc than mãi suốt bảy trăm năm ròng chỉ vì một đêm xa

cách nhau, hưởng hồ ta đây, chúa tể cả một quốc độ rộng ba trăm do-tuần, lại đành bỏ hết cả vinh quang huy hoàng ấy đằng sau để phiêu bạt trong chốn núi rừng hoang dã. Thật là một sai lầm nghiêm trọng.”

Ngài liền quay về lập tức. Khi đến thành Ba-la-nại, triều thần hỏi ngài có thấy việc gì hy hữu ở vùng Tuyết Sơn chăng, ngài kể cho hội chúng nghe toàn thể câu chuyện kỳ dị kia, rồi từ đó về sau ngài thực hành bố thí và an hưởng cảnh vinh hoa của mình.

Để giải thích việc này bậc Đạo sư ngâm vắn kệ sau:

207. Nhờ được đôi tiên khuyến bảo vậy,
Đại vương trở lại bước đường ngay,
Bỏ sản, cấp dưỡng người nghèo túng,
An hưởng tháng ngày lướt nhẹ bay.

Và Ngài ngâm thêm hai vắn kệ nữa:

208. Rút ra bài học của tiên kia,
Đừng cãi nhau mà sửa thói lè,
Kéo các ngài sầu như bọn chúng,
Suốt đời, vì chính bởi lầm mê.

209. Lấy ngay bài học tự đôi tiên,
Đừng khẩu tranh mà sửa thói quen,
Kéo chịu đau buồn như bọn chúng,
Suốt đời, vì chính lỗi lầm riêng.

Bảy giờ, Hoàng hậu Mallikā đứng dậy từ bảo tòa khi bà nghe đức Như Lai thuyết giáo, rồi bà chấp hai tay đánh lễ Ngài rất cung kính, trong lúc bà ngâm vắn kệ cuối cùng:

210. Giờ đây kính bạch Thánh Nhân,
Với lòng nhu thuận phục tuân sẵn sàng,
Con nghe được các lời vàng,
Tràn đầy thiện ý, chứa chan nhân từ,
Muôn vắn phước đức Tôn sư,
Ngài vừa khuyến nhủ, ưu tư trút liền!

Từ đó về sau, vua xứ Kosala chung sống sắc cảm hòa hợp với hoàng hậu mãi mãi.

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, vua xứ Kosala là vị tiên nam, Hoàng hậu Mallikā là tiên nữ và Ta chính là Vua Bhallāṭiya.

§505. CHUYỆN VƯƠNG TỬ SOMANASSA**(Somanassajātaka)¹⁸ (J. IV. 444)***Kìa ai phá hoại hoặc khinh chê...*

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về cách Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) dự định sát hại Ngài. Sau đó, bậc Đạo sư bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Đề-bà-đạt-đa tìm cách sát hại Ta mà trước kia cũng đã làm như vậy.

Rồi Ngài kể cho Tăng chúng nghe một câu chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, trong quốc độ Kuru (Cầu-lâu), tại kinh thành Uttarapañcāla có vị vua ngự trị với danh hiệu Reṇu. Lúc ấy, có một ẩn sĩ khổ hạnh tên là Mahārakkhita sống ở vùng Tuyết Sơn cùng hội chúng năm trăm vị tu khổ hạnh khác. Trong lúc xuống vùng đồng bằng để xin muối và gia vị, vị tu khổ hạnh ấy đến thành Uttarapañcāla và cư trú trong ngự viên.

Cùng với hội chúng của mình đi khất thực, vị ấy đến tận cung môn, và khi vua chiêm ngưỡng các Hiền nhân, ngài rất đẹp lòng về cung cách của các vị nên mời ngồi trên bảo tòa lộng lẫy, rồi cúng dường cao lương mỹ vị để các vị dùng. Vua lại mời các vị an cư trong ngự viên suốt mùa mưa. Ngài rước các vị vào trong vườn ngự, cung cấp đủ nơi chốn để an trú cùng các vật cần dùng cho đời sống tu hành xong rồi từ giả. Sau đó, các vị đều ăn uống trong cung vua. Bấy giờ, vua không có con và đang ước mong sinh được hoàng nam, song chẳng có vương tử nào ra đời cho ngài cả.

Khi mùa mưa qua rồi, vị ẩn sĩ Mahārakkhita nói:

– Nay vùng Tuyết Sơn xinh tươi dễ chịu lắm, ta hãy trở về đó!

Rồi vị ấy tạ từ vua, ngài liền tỏ bày đủ mọi cách tôn vinh trọng vọng rất hào phóng đối với các Hiền nhân, xong hội chúng ra đi. Trên bước du hành, vào đúng ngọ, vị ấy rời đường cái cùng hội chúng của mình ngồi xuống trên thảm cỏ êm ái dưới bóng cây râm mát. Các vị khổ hạnh kia bắt đầu đàm đạo, họ nói:

– Nay không có hoàng nam trong cung để nối nghiệp hoàng gia. Nếu vua có được một vương tử thì thật là điều vạn phúc để kế tục vương nghiệp.

Mahārakkhita nghe lời hội chúng nói liền suy nghĩ: “Vua này có sinh được hoàng nam hay chẳng?” Rồi vị này nhận xét thấy rằng vua sẽ có một hoàng nam liền bảo:

– Nay các Hiền giả, các bạn đừng lo lắng gì, đêm nay lúc rạng đông, một đấng thiên tử sẽ giáng trần và sẽ nhập mẫu thai của chánh hậu.

¹⁸ Xem Cp. 92, Somanassacariya (Hạnh của đức Bồ-tát Somanassa).

Một vị tu khổ hạnh giả danh nghe được chuyện ấy, nghĩ thầm: “Nay ta muốn trở thành người tâm phúc của hoàng gia.” Khi đến thời hội chúng khổ hạnh phải lên đường, vị ấy liền nằm xuống giả vờ lâm bệnh.

Hội chúng bảo nhau:

– Mau lên, ta cùng đi.

Người kia đáp:

– Đệ không đi nổi.

Sau đó, Hiền giả Mahārakkhita biết được tin vì sao người ấy phải nằm yên tại chỗ. Ngài bảo:

– Hễ khi hiền hữu đi được thì hãy theo chúng ta ngay!

Rồi ngài cùng các Hiền nhân kia tiến về Tuyết Sơn.

Bấy giờ, kẻ lừa dối ấy liền ra sức chạy thật nhanh đến đứng tại cửa cung, dâng sớ tâu rằng có một người tùy tùng của Hiền giả Mahārakkhita đến châu. Kẻ ấy được vua triệu vào ngay lập tức và bước lên thượng lầu, ngồi xuống sàng tọa đã được mời. Vua chào mừng kẻ ấy rồi ngồi xuống một bên, hỏi thăm sức khỏe của kẻ ấy. Ngài bảo:

– Tôn giả trở lại quá sớm. Thế vì nguyên cớ gì Tôn giả vội vàng quay lại đây?

Kẻ ấy đáp:

– Tâu Đại vương, trong lúc chư Hiền đang ngồi thông dong cùng nhau, hội chúng bắt đầu nói chuyện nếu đức vua sinh được hoàng nam để kế nghiệp thì thật là điều đại phúc. Khi tiểu thần nghe thế liền suy ngẫm xem Đại vương có sinh được hoàng nam không, nhờ thiên nhãn, thần thấy được một vị thiên tử vĩ đại sắp giáng trần và vị ấy sẽ nhập vào mẫu thai của Chánh hậu Sudhammā. Rồi thần suy nghĩ: “Nếu họ không biết, họ có thể vô tình phá hoại bào thai ấy, vậy thì ta phải thông báo cho họ biết.” Và thế là, vì để trình Đại vương về tin ấy nên hạ thần đến đây, tâu Đại vương. Nay hạ thần đã tâu trình xong, xin cho hạ thần lên đường.

– Không, không, này Tôn giả, không thể đi như vậy được.

Vua vô cùng hoan hỷ, đem kẻ lừa gạt kia vào ngự viên ban cho ông một nơi an trú. Từ đó về sau, ông sống trong cung vua, được dâng món ngự thiện tại đó và được mệnh danh là Dibbacakkhuka (Thiên nhãn Đạo nhân).

Sau đó, Bồ-tát từ cõi trời Ba Mươi Ba giáng trần, nhập mẫu thai của chánh hậu và khi ngài ra đời, triều thần đặt tên ngài là Somanassa (Hoan Lạc), rồi ngài được nuôi nấng theo cung cách của vua chúa.

Bấy giờ, vị tu khổ hạnh giả hiệu ở trong góc vườn ngự thường trồng rau đậu, củ, quả rồi đem bán cho người trồng rau ở chợ nên kiếm được nhiều tiền bạc. Khi Bồ-tát lên bảy, ở biên thùý có xảy ra bạo loạn. Vua ra đi dẹp giặc, giao phó vị tu khổ hạnh Dibbacakkhuka ấy cho thái tử chăm sóc và dặn không được xao nhãng vị ấy.

Một ngày kia, thái tử đến thăm vị ẩn sĩ. Ngài thấy ông mang cả hai chiếc y vàng, buộc chặt thượng y lẫn hạ y, hai tay cầm hai bình nước tưới cây, ngài nghĩ thầm: “Lão tu hành giả hiệu này lo làm vườn chứ chẳng lo làm phận sự tu hành.” Ngài liền hỏi:

– Ông đang làm gì thế, này kẻ làm vườn phàm tục kia?

Ngài làm nhục ông như vậy và bỏ về chẳng chào hỏi gì ông cả. Ông suy nghĩ: “Nay ta đã khiến thằng bé này thành kẻ thù của ta rồi, ai biết được nó sẽ làm gì cơ chứ? Ta phải tiêu diệt nó ngay lập tức.”

Vào lúc vua sắp hồi cung, ông ta ném chiếc trường kỷ bằng đá sang một bên, đập bể vụn bình bát, rải cỏ rác khắp am thất, lấy dầu bôi khắp người rồi vào am nằm trên nệm roi kia, trùm kín mít từ đầu đến chân làm ra vẻ đau đớn lắm.

Vua đã hồi loan, xa giá diễu quanh kinh thành theo hướng bên hữu, song trước khi vào nội cung, ngài đến thăm vị thân hữu Dibbacakkhuka ấy. Vừa đến bên cửa am, ngài đã thấy cảnh bừa bãi kia liền bước vào mà không biết việc gì đã xảy ra. Còn kẻ đó đang nằm dưới đất. Vua xoa bóp chân ông và ngâm vắn kệ đầu:

211. Kìa ai phá hoại hoặc khinh chê,
 Sao khổ buồn, ngài quá ủ ê,
 Thương khóc mẹ cha ai đó vậy,
 Đất này ai lại xuống nằm lê?

Nghe lời này, kẻ bị bọm kia liền vùng dậy rên rĩ đáp vắn kệ thứ hai:

212. Hân hoan thần bái kiến long nhan,
 Xa cách từ lâu, tấu Đại vương,
 Thái tử vừa đi thăm lão đó,
 Chẳng ai khiêu khích lại làm can.

Các vắn kệ sau đây theo mạch lạc rõ ràng được sắp đặt đúng với diễn biến của câu chuyện:

213. Ô kìa, đao phủ, hãy xem nào,
 Thị giả, đưa trường kiếm lại mau,
 Giết chết Soma hoàng thái tử,
 Đem đầu cao quý đến đây giao.
214. Sứ giả nhà vua bước vội vàng,
 Đến cung hoàng tử, họ kêu ran,
 “Phụ vương đã bỏ hoàng nam đó,
 Điện hạ ôi, ngài phải chết oan!”
215. Hoàng tử đứng kia cũng khóc than,
 Vòng đôi tay lại, khăn cầu ân,
 “Xin tha mạng trẻ trong giây lát,
 Đem trẻ đi nhìn mặt phụ vương.”

216. Nghe lời thỉnh nguyện tự nơi chàng,
Họ dẫn hoàng nhi đến phụ hoàng,
Hoàng tử từ xa nhìn đại đế,
Chàng liền tâu vạy với nghiêm đường.

217. “Quân sĩ cứ mang kiếm chém đầu,
Song nghe con trẻ trước, muôn tâu,
Xin cho con rõ, tâu Hoàng thượng,
Con đã làm nên tội lỗi nào?”

Vua cha đáp:

– Hoàng triều đang suy sụp điêu tàn, tội của con làm trọng đại lắm.

Rồi vua giải thích qua vắn kệ:

218. Sáng chiều kéo nước, bậc Hiền nhân,
Ngọn lửa chăm nom chẳng chút ngừng,
Hãy trả lời ta, sao lại dám,
Gọi ngài thánh thiện kẻ phạm trần?

Vương tử đáp:

– Tâu Chúa thượng, nếu thần nhi gọi một kẻ phạm tục là một kẻ phạm tục thì có hại gì đâu?

Rồi chàng ngâm kệ:

219. Lão có nhiều cây với trái đầy,
Phụ vương xem đủ sẵn, khoai này,
Chăm nom chúng, lão không ngừng nghỉ,
Lão chính phạm nhân, trẻ nói ngay.

Hoàng tử nói tiếp:

– Và đó là lý do con gọi lão là người phạm tục. Nếu Phụ vương không tin con, xin cứ hỏi thăm những người trồng rau ở bốn cổng thành thì rõ.

Vua cha truyền đi điều tra việc ấy. Dân chúng đáp:

– Thừa vâng, chúng thần đã mua của vị ấy đủ loại rau quả.

Khi vua khám phá ra việc buôn bán rau quả này, ngài công bố cho mọi người biết. Gia nhân của hoàng tử vào am lão và lục soát được một bó đồng tiền và đồng xu nhỏ là số tiền bán rau quả kia, họ liền trình vua.

Lúc ấy, vua biết bậc Đại sĩ vô tội liền ngâm kệ:

220. Đúng là lão có thật nhiều cây,
Với các loại rau, củ trái đầy,
Chăm sóc trông nom không chút nghỉ,
Phạm nhân, quả đúng trẻ tâu bày.

Sau đó, bậc Đại sĩ suy nghĩ: “Trong khi có một kẻ ngu si ám độn như thế này ở hoàng cung thì thượng sách là đi vào vùng Tuyết Sơn và sống đời tu tập.

Vậy trước tiên ta công bố tội trạng của lão với quần chúng tại đây, sau đó ngay hôm nay, ta sẽ xuất gia thành ẩn sĩ.” Thế là ngài cúi chào hội chúng và nói lớn:

221. Này nghe ta nói, hỡi toàn dân,
 Dân chúng thị thành lần đã nhân,
 Chúa thượng nghe lời người xuân ngốc,
 Khiến người vô tội phải vong thân.

Nói xong, ngài xin phép thực hiện ước nguyện trên qua vắn kệ tiếp theo:

222. Phụ vương, cây tỏa rộng hùng cường,
 Nhành trẻ, con sinh từ phụ vương,
 Con cúi mình đây xin phép được,
 Giã từ thế tục để lên đường.

Các vắn kệ sau đây thuật lại cuộc trò chuyện giữa vua cha và vương tử.

[Phụ vương:]

223. Vương nhi, hưởng phú quý huy hoàng,
 Ngự trị Câu-lâu chiếc bệ vàng,
 Đừng bỏ thế gian, gây khổ não
 Cho mình, hãy nhận lễ đăng quang!

[Vương tử:]

224. Trần thế này đem lạc thú nào?
 Khi xưa con đã ở trời cao,
 Sắc, thanh, hương, vị và xúc cảm,
 Lòng vẫn thường yêu chuộng biết bao.
225. Con từ bỏ hết nghiệp duyên xưa,
 Thiên lạc cùng thiên nữ ngọc ngà,
 Với Phụ vương là vua yếu kém,
 Con không muốn ở nữa bây giờ.

[Phụ vương:]

226. Nếu cha kém trí, hỡi hoàng nam,
 Tha thứ cha nay việc đã làm,
 Giả sử cha còn làm việc ấy,
 Cha tùy con định chẳng kêu than.

Sau đó, bậc Đại sĩ ngâm tám vắn kệ khuyên giáo vua cha:

227. Hành động không suy nghĩ trước sau,
 Hoặc làm không cân nhắc dài lâu,
 Cũng như sử dụng lầm phương thuốc,
 Hậu quả ắt là phải khổ đau.
228. Hành động nào suy tính thật lâu,
 Khôn ngoan thận trọng tiếp theo sau,

- Giống như vị thuốc nhiều công hiệu,
Kết quả tất nhiên phải nhiệm mầu.
- 229.** Con chán ghét người ở thế gian,
Buông lung phóng dật, dục tham tràn,
Người tu khô hạnh hư danh đó,
Là kẻ dối gian lộ rõ ràng.
Một vị hôn quân thường xử án,
Chẳng hề nghe lý lẽ phân trần,
Chẳng bao giờ gọi là chân chánh,
Con giận bùng lên ở Trí nhân.
- 230.** Một vị vua xem xét kỹ càng,
Rồi ban lời phán xử công bằng,
Khi vua cân nhắc lời phân xử,
Danh tiếng đời đời mãi vọng vang.
- 231.** Những hình phạt Chúa thượng truyền ban,
Phải được dẫn đo thật kỹ càng,
Những việc làm trong lúc vội vã,
Sẽ gây hối hận lúc thư nhàn,
Nếu lòng phát nguyện nhiều điều tốt,
Sau chẳng đau buồn hối tiếc mang.
- 232.** Những người có việc phải thi hành,
Muôn chẳng gây ân hận với mình,
Thường dẫn đo bao điều thận trọng,
Tạo nên thiện nghiệp thật an lành,
Làm công đức thỏa lòng Hiền thánh,
Được tán tụng từ bậc Trí minh.
- 233.** Cha thét: “Kìa đao phủ, hãy mau,
Đi tìm vương tử của ta nào,
Nơi đâu bây kiếm liền đem giết!”
Lúc trẻ ngồi bên mẹ dựa đầu,
Bọn chúng tìm ra con trẻ đó,
Rồi lôi đi thật bạo tàn sao!
- 234.** Trẻ thơ non nớt, xử như vầy,
Con thấy chúng tàn nhẫn quá tay,
Nay thoát cảnh đầy thân độc ác,
Con rời thế, chẳng sống nơi đây.
- Khi bậc Đại sĩ đã thuyết giáo như vậy xong, vua phán bảo hoàng hậu:
- 235.** VẬY vương nhi đó, Sudhammā,
Vừa thốt lời từ chối lệnh ta,

Quý tử Soma bao khả ái,
Vì ta không mẫn nguyện bây giờ,
Đích thân Hoàng hậu nên xem thử,
Có chuyển lay lòng trí trẻ thơ.

Song hoàng hậu thúc giục vương tử rời bỏ thế tục:

236. Hãy vui đời Thánh hạnh, hoàng nam,
Tuân thủ chánh chân, bỏ cõi phàm,
Ai giữa quần sinh không độc ác,
Sẽ lên thiên giới, chẳng sai lầm!

Vua ngâm kệ tiếp theo:

237. Chuyện lạ này nghe tự ái khanh,
Sầu đang chất ngất ở trong mình,
Bảo nàng khuyên nhủ con dừng lại,
Nàng chỉ giục con phải bước nhanh.

Hoàng hậu lại ngâm kệ nữa:

238. Có hạng người không đắm dục tham,
Thoát sầu bi, sống chẳng sai lầm,
Nhiều người đắc Niết-bàn cao thượng,
Ví thử hoàng nhi muốn dự phần,
Cùng tiến lên con đường Thánh hạnh,
Thì hoài công cản bước hoàng nam.

Vua ngâm vần kệ cuối cùng để đáp lời:

239. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc Trí tuệ cao thâm,
Tâm tư siêu việt thường sinh khởi,
Ái hậu từng nghe các diệu âm,
Thông hiểu kiến văn nhiều bậc Thánh,
Nên không còn khổ não, tham lam.

Sau đó, bậc Đại sĩ đánh lễ song thân, xin hai vị tha thứ cho ngài nếu có lỗi lầm gì, rồi vào cung kính vái chào toàn thể hội chúng, ngài quay mặt về hướng Tuyết Sơn. Khi dân chúng đã về, ngài cùng với các thiên thần vừa đến đó giả dạng người trần, vượt băng qua bảy ngọn đồi cao lên tận Tuyết Sơn. Trong chiếc am tranh do vị thiên thần Vissakamma giáng thế xây dựng cho ngài, ngài sống đời tu hành. Tại đó, ngài được các thiên thần ấy giả dạng làm tùy tùng của vị hoàng tử, hầu hạ ngài đến năm lên mười sáu tuổi. Còn kẻ tu hành lừa bịp kia bị dân chúng bao vây đánh chết. Về sau, bậc Đại sĩ tu tập làm phát khởi năng lực thiên định và khi mạng chung được sinh lên cõi Phạm thiên.

Khi pháp thoại chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Này các Tỷ-kheo, như vậy ngày xưa cũng như bây giờ, kẻ ấy đã dự mưu sát hại Ta.

Và Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là kẻ lừa dối, Mầu hậu Māyā là vương hậu kia, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Hiền giả Mahārakkhita và Ta chính là Vương tử Somanassa.

§506. CHUYỆN LONG VƯƠNG CAMPEYYA

(*Campeyyajātaka*)¹⁹ (J. IV. 454)

Ai đó như tia chớp sáng bừng...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về các hạnh nguyện ngày trai giới. Bậc Đạo sư bảo:

– Lành thay, này các thiện nam tử, các ông đã phát nguyện giữ trai giới! Những bậc Trí xưa kia cũng đã từ bỏ ngay cả vinh quang của một long vương và sống theo các giới hạnh này.

Sau đó, theo lời thỉnh cầu của hội chúng, Ngài kể một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi vua xứ Aṅga (Ương-già) trị vì quốc độ Aṅga và vua xứ Magadha (Ma-kiệt-đà) trị vì Ma-kiệt-đà, giữa hai quốc độ Ương-già và Ma-kiệt-đà là con sông Campā (Chiêm-bà), nơi có loài rồng rắn (nāga) sinh sống, được rồng chúa Campeyya cầm quyền thống lãnh.

Đôi khi vua xứ Ma-kiệt-đà chiếm nước Ương-già, và có khi vua xứ Ương-già chiếm Ma-kiệt-đà. Một ngày kia, vua xứ Ma-kiệt-đà, sau khi lâm chiến với Ương-già và thất bại liền leo lên chiến mã đào tẩu và bị quân sĩ Ương-già đuổi gáp. Khi vua đến sông Campā lại đang mùa lũ lụt, nhưng vua nói:

– Thà chết chìm trong dòng sông này hơn là chết trong tay kẻ thù của ta!

Rồi cả người và ngựa đều nhào xuống dòng sông ấy.

Thời bấy giờ, long vương đã xây dựng cho mình ở dưới nước một ngôi nhà thủy tạ bằng châu ngọc, ngay lúc ấy đang ở giữa triều đãi tiệc say sưa, nhưng vua trên kia cùng chiến mã rớt xuống sông ngay chính trước mặt rồng chúa. Rồng chúa ngắm vị vua lộng lẫy cao sang này, sinh lòng yêu mến liền đứng lên từ bảo tòa, mời vua ngự lên chính ngai vàng của mình, bảo vua đừng sợ gì cả, rồi hỏi tại sao vua lại nhảy xuống sông. Vua kể hết mọi sự xảy ra cho rồng chúa nghe. Rồng chúa liền bảo:

– Tâu Đại vương, đừng sợ gì cả! Trẫm sẽ làm cho Đại vương trở thành bá chủ hai vương quốc ấy.

¹⁹ Xem J. V. 194, *Naḷinikājātaka* (Chuyện Công chúa Naḷinikā), số §526.

Rồng chúa an ủi vua như vậy và suốt bảy ngày liền tiếp đãi vua vô cùng trọng thể. Vào ngày thứ bảy, rồng chúa cùng vua xứ Ma-kiệt-đà rời long cung. Sau đó, nhờ thần lực của long vương, vua xứ Ma-kiệt-đà chiếm lấy quốc độ Ương-già, giết vua Ương-già rồi thống trị cả hai lãnh thổ ấy. Từ đó trở đi, có mối giao hảo mật thiết giữa vua và rồng chúa. Dần dần, vua truyền lệnh xây một ngôi đình bằng châu báu trên bờ sông Campā, triều cống rồng chúa đủ lễ vật rất cao sang. Rồng chúa cùng đoàn tùy tùng đông đảo xuất hiện từ long cung, lên tiếp nhận lễ triều cống và mọi người được dịp chiêm ngưỡng cảnh vinh quang của rồng chúa.

Thời ấy, Bồ-tát sinh trưởng trong một gia đình nghèo khó, ngài thường đi cùng thân dân ấy đến bờ sông. Tại đó, khi trông thấy cảnh vinh quang của rồng chúa, ngài sinh lòng thèm muốn và ngài chết đi trong nỗi khát vọng này. Rồi bảy ngày sau khi rồng chúa Campeyya ấy từ trần, phần Bồ-tát vì suốt một đời đã sống đầy đủ đức hạnh và chuyên bố thí nên được tái sanh vào cung điện của rồng chúa ấy trên long sàng kia, thân thể ngài như một chuỗi vũ quý hoa (hoa lài) vĩ đại.

Khi thấy vậy, lòng ngài tràn ngập niềm hối hận. Ngài bảo: “Ta đã có quyền lực để dành trên sáu cảnh trời dục giới là do kết quả các thiện nghiệp của ta như hạt thóc tích trữ trong vựa. Song nay hãy xem đây, ta lại sinh làm thân rồng rắn, vậy ta còn thiết gì đời sống nữa?” Và vì thế, ngài có ý định kết liễu cuộc đời mình. Nhưng có một long nữ tên là Sumanā, trông thấy ngài liền báo tin cho cả loài biết:

– Vị này ắt hẳn là Thiên chủ Đê-thích đầy uy lực vừa ra đời tại đây với chúng ta!

Sau đó, long chúng cùng đi đến dâng lễ vật cho ngài với đủ loại đàn ca múa hát. Long cung của ngài chẳng khác nào cung của Thiên chủ nên ngài không còn nghĩ đến chuyện chết nữa, ngài trút bỏ hình tướng rồng và ngự lên bảo tòa, lộng lẫy xiêm y cùng ngọc vàng trang điểm. Từ đó về sau, cảnh vinh quang của ngài thật vĩ đại, ngài thấy hối tiếc ăn năn thâm nghĩ: “Ta còn ham thích gì cái thân rồng rắn này nữa? Ta muốn sống theo các hạnh nguyện trai giới, ta muốn thoát thân khỏi nơi này, ta sẽ ra đi đến giữa loài người học hỏi các chân lý và chấm dứt khổ đau.”

Nhưng sau đó, ngài vẫn ở lại trong cung điện ấy và thành tựu các hạnh nguyện trai giới, rồi khi các long nữ trang điểm rực rỡ đến vây quanh ngài, ngài lại thường vi phạm giới đức. Về sau, ngài rời bỏ cung điện đi vào ngự viên, nhưng bọn chúng theo ngài đến đó, và hạnh nguyện của ngài cũng bị phá bỏ như trước kia. Ngài liền suy nghĩ: “Ta phải rời cung này đi vào thế giới loài người và tại đó, ta phải sống theo đúng hạnh nguyện của trai giới.”

Vì thế, vào ngày trai giới, ngài rời cung điện ra đi, vào nằm trên nóc ổ mỗi cạnh đường cái không xa một thôn làng biên địa. Ngài nói:

– Ai muốn lấy da thịt ta thì cứ lấy, hoặc có ai muốn bắt ta làm trò con rồng nhảy múa thì cứ bắt ta đi.

Như vậy, ngài đã chịu xả thân ra bố thí nên vừa thu gọn chiếc mồng lại, ngài vừa nằm đó hành trì hạnh nguyện trai giới. Nhiều người qua lại trên đường cái trông thấy ngài liền cúng dường ngài đủ hương hoa thơm ngát. Và dân chúng trong thôn làng biên địa kia xem ngài là rồng chúa đại oai lực nên dựng một ngôi đình trên chỗ ngài nằm, rải cát trước đó và cúng dường chiêm bái đủ thứ hương liệu, nước hoa.

Bấy giờ, dân chúng bắt đầu cầu tự nhờ ngài giúp sức nên có lòng tin ngưỡng Bồ-tát và sùng kính tôn thờ ngài. Tại đó, Bồ-tát giữ hạnh nguyện vào các ngày mười bốn, rằm giữa tháng, an tọa trên ổ mối, rồi đến ngày mồng một âm lịch, ngài lại về long cung và cứ như vậy, ngài giữ tròn hạnh nguyện theo thời gian.

Một hôm, Vương phi Sumanā thưa với ngài:

– Tâu Chúa thượng, ngài ra đi đến cõi nhân gian để giữ hạnh nguyện trai giới, song nhân thế đầy nguy hiểm kinh hoàng. Giả sử có mối nguy cơ nào xảy ra cho Chúa thượng thì nay ngài hãy bảo cho thần thiếp biết nhờ dấu hiệu gì để nhận ra việc ấy!

Sau đó, ngài dẫn vương phi đến bên một hồ nước an toàn và bảo:

– Nếu có ai đánh ta hay làm ta bị thương thì nước hồ sẽ vẫn đục lên. Còn nếu có con chim đại bàng nào tha ta đi thì nước hồ sẽ biến mất. Nếu có kẻ bỏ bùa bắt rắn nào tóm được ta thì hồ sẽ đổi thành màu máu.

Sau khi giải thích ba dấu hiệu này cho vương phi, ngài rời cung điện ra đi, giữ hạnh nguyện trai giới trong ngày mười bốn, đến nằm trên ổ mối, ánh sáng trên thân ngài tỏa rực rỡ khắp chỗ đó. Toàn thân ngài trắng ngần như một cuộn dây toàn bạc, đầu ngài như một cuộn len đỏ. Trong chuyện tiền thân này, thân thể Bồ-tát to bằng cái đầu lưỡi cày, còn trong *Chuyện bạc Đại trí Bhūridatta*²⁰ ngài lớn bằng bắp đùi và trong *Chuyện long vương Samkhapāla*²¹ thân ngài tròn tria như chiếc xương dài có móc chèo.

Thời ấy, có một thanh niên Bà-la-môn ở Ba-la-nại đến Takkaśilā học tập dưới sự dạy bảo của một vị giáo sĩ lừng danh thế giới. Nhờ vị này, chàng ta học được bùa chú sai khiến mọi loài hữu tình. Khi về nhà theo đường cái ấy, chàng chẳng thấy gì ngoài Bồ-tát. Chàng suy nghĩ: “Ta sẽ bắt con rồng này và sẽ du hành khắp thôn làng thị trấn, kinh thành, bắt nó nhảy múa và tha hồ kiếm lợi lớn.”

Sau đó, chàng lấy thứ cỏ thuốc linh dược, đọc thần chú và đến gần rồng chúa. Vừa nghe tiếng niệm chú này, tức thì Bồ-tát cảm thấy hai lỗ tai như bị củi đốt cháy đâm thủng, đầu ngài như thể vỡ ra vì bị kiếm đâm vào. Ngài suy nghĩ:

²⁰ Xem J. VI. 157, *Bhūridattajātaka* (Chuyện bạc Đại trí Bhūridatta), số §543.

²¹ Xem J. V. 161, *Samkhapāla-jātaka* (Chuyện long vương Samkhapāla), số §524.

“Ta gặp chuyện gì đây?” Rồi ló đầu ra khỏi chiếc mồng, ngài trông thấy người bỏ bùa bắt rắn ấy. Ngài liền suy nghĩ: “Nọc độc của ta cực kỳ mãnh liệt, nếu ta nổi giận và phì hơi độc từ lỗ mũi ra thì thân nó sẽ tan nát ra như một nắm trấu vậy, và thế là công đức của ta sẽ bị tiêu diệt hết nên ta không muốn nhìn nó.” Ngài vừa nhắm mắt lại vừa thụt đầu vào trong chiếc mồng.

Người Bà-la-môn bỏ bùa rắn kia nhai một cây cỏ thuốc, niệm chú rồi nhỏ lên mình ngài. Nhờ công hiệu cỏ thuốc và bùa chú nên nơi nào có nước miếng của người đó dính vào thì các mụn mủ nổi lên. Sau đó, chàng ta nắm lấy được ngài. Chàng ta lấy chiếc gậy hình chân dê thúc ép ngài cho đến lúc ngài yếu sức rồi nắm chặt phần đầu ngài mà chà xuống. Bò-tát há miệng ra, chàng nhỏ nước miếng vào, do công hiệu của cỏ thuốc và bùa chú, răng ngài gãy tan hết, cái miệng đầy cả máu. Song Bò-tát sợ phải phá hủy công đức của ngài nên ngài chịu mọi khổ hình này và không hề mở mắt ra đủ để liếc nhìn gã.

Sau đó, chàng nói:

– Ta sẽ làm rỗng chúa này yếu đi!

Chàng ép chặt thân rỗng chúa từ đầu chí đuôi như thể chàng muốn chà nát xương ngài thành bột. Rồi chàng gói ngài trong thứ thường được gọi là mảnh vải cuộn, thắt thêm một vật gọi là dây thừng rồi nắm đuôi ngài và đâm đá. Thân thể của Bò-tát bê bết máu và ngài đau đớn vô cùng. Khi thấy rỗng chúa này đã yếu sức, chàng làm cái thúng bằng cây liễu gai để đặt rỗng chúa vào.

Sau đó, chàng đem ngài vào làng xóm, bắt ngài làm trò cho dân chúng. Dù phải hóa thành màu xanh, đen hay màu gì khác nữa; biến ra hình tròn, vuông, lớn, nhỏ ra sao; hề chàng Bà-la-môn muốn gì, Bò-tát đều làm cả, vừa nhảy múa, giương mồng quay tít thành thiên hình vạn trạng. Dân chúng quá thích thú nên cho thật nhiều tiền. Trong một ngày chàng đã kiếm được cả ngàn đồng kahāpaṇa và nhiều trò đáng giá cả ngàn đồng khác nữa.

Lúc đầu, chàng dự định thả ngài ra khi đã kiếm được một ngàn đồng, nhưng khi được rồi, chàng lại nghĩ: “Trong một làng biên địa mà ta đã kiếm được chừng này, nếu gặp vua quan thì ta còn mong được biết bao nhiêu của cải nữa.”

Thế là chàng mua một chiếc xe bò và một chiếc xe du ngoạn. Trong xe bò, chàng chất đầy hàng hóa, còn chàng ngồi xe kia. Như vậy, cùng với một đoàn tùy tùng hầu cận, chàng đi qua thôn làng thị trấn, bắt Bò-tát làm trò và tiếp tục du hành với ý định trình diện ngài trước Vua Uggasena ở Ba-la-nại rồi mới thả ngài đi.

Chàng ta thường giết ếch nhái và đem cho rỗng chúa nhưng rỗng từ chối mỗi khi chàng ta đưa vậy, để không một sinh vật nào bị chàng ta giết vì ngài nữa. Sau đó, chàng ta đem mật và bắp rang cho ngài. Nhưng ngài cũng không chịu ăn, vì ngài nghĩ: “Nếu ta ăn gì thì ta sẽ ở trong giỏ này cho đến chết.”

Suốt một tháng, người Bà-la-môn đến ở Ba-la-nại. Tại đó, chàng kiếm được

nhiều tiền nhờ bảo rồng chúa diễn trò trong các thôn làng ngoài cổng thành. Vua cho triệu chàng vào và ra lệnh diễn trò. Chàng hứa sẽ làm vào ngày hôm sau, là ngày cuối trong mỗi nửa tháng. Sau đó, vua bảo đánh trống khắp kinh thành, bố cáo ngày mai sẽ có một rồng chúa nhảy múa trong sân châu, dân chúng được phép tụ tập để xem thật đông. Hôm sau, sân châu được trang hoàng và người Bà-la-môn được triệu vào. Chàng mang Bò-tát trong cái thúng có dát ngọc vàng, trên một tấm thảm rực rỡ, chàng đặt thúng xuống, vua an tọa trên ngai vàng giữa thần dân chật ních vây quanh.

Người Bà-la-môn bắt Bò-tát ra và bảo nhảy múa. Dân chúng không thể nào ngồi yên được. Hàng ngàn chiếc khăn quăng tung vẩy giữa không gian, bảy loại châu báu rớt xuống như mưa quanh Bò-tát.

Từ khi long vương bị bắt đến nay đã một tháng tròn và suốt thời gian ấy ngài chẳng ăn uống gì cả. Bấy giờ, vương phi Sumanā bắt đầu suy nghĩ: “Phụ quân yêu quý của ta đã ở nán lại trên đó lâu rồi. Cả tháng nay ngài chưa trở về chắc có việc gì chẳng?” Vì thế, nàng bước ra xem mặt nước hồ: “Kìa, nước đỏ như máu!” Thế là nàng biết chắc hẳn ngài đã bị hành hạ và nàng khóc than.

Sau đó, nàng vào ngôi làng biên địa kia để hỏi thăm và khi biết hết mọi sự, nàng đi thẳng đến Ba-la-nại, và ngay giữa quần chúng trên khoảng không của chính sân châu, nàng cứ đứng than khóc mãi.

Trong lúc Bò-tát nhảy múa, ngài chột nhìn lên trên không và thấy nàng, ngài hồ thẹn, bò ngay vào thúng nằm yên. Khi ngài bò vào thúng, vua kêu lớn:

– Sao, có gì thế này?

Nhìn quanh quần đâu đó, ngài thấy long nữ đứng ở trên không liền ngâm vãn kệ:

240. Ai đó như tia chớp sáng bùng,
Hay vàng tinh tú tỏa hào quang,
Tu-la thần nữ hay thiên nữ,
Ta chắc nàng không phải thế nhân?

Sau đây là câu chuyện giữa hai vị qua các vãn kệ.

[Long nữ:]

241. Chẳng là thiên nữ, tu-la thần,
Cũng chẳng loài người, tấu Đại vương,
Tiện thiếp chính là long nữ đó,
Đến đây vì có việc cầu ân.

[Đức vua:]

242. Nàng tỏ ra hờn giận, bất bình,
Mặt nàng mưa lệ cứ tuôn tràn,
Việc gì, ước vọng nào đưa đến,
Hãy nói, ta mong biết, hỡi nàng!

[Long nữ:]

243. Rắn rồng bò tựa lửa hung hăng,
Chúng vẫn gọi ngài thế, bỗng dừng,
Gã bắt ngài đi vì hám lợi,
Thiếp cầu Chúa thượng thả long quân!

[Đức vua:]

244. Vì sao kẻ ốm đói như vậy,
Bắt được rồng kia mãnh lực đây,
Long nữ, xin nàng cho trẫm biết,
Làm sao đánh giá đúng rồng này?

[Long nữ:]

245. Thân lực ngài, ngay cả thị thành,
Ngài thiêu ra đồng bụi tan tành,
Song ngài yêu chuộng đường thanh tịnh,
Khổ hạnh đi tìm lại chính danh.

Sau đó, vua hỏi bằng cách nào chàng kia bắt được ngài, nàng đáp qua vắn kệ sau:

246. Vào ngày trai giới, đấng long vương,
Bốn pháp hành trì hạnh Thánh nhân,
Gã múa rối kia tìm bắt được,
Xin ngài vì thiếp, cứu lang quân!

Sau những lời trên, nàng lại ngâm hai vắn kệ khác xin giải thoát cho ngài:

247. Mười sáu ngàn, kìa đám nữ nhân,
Rõ ràng vòng ngọc với kim ngân,
Dưới dòng nước đã tôn rồng thánh,
Là chúa tể cho chúng ẩn thân.
248. Đại vương, mong rộng lượng công bằng,
Xin chuộc long vương được thoát thân,
Bằng một làng, trăm bò cái chẵn,
Thêm vàng, đem phước báu Quân vương.

Đức vua liền ngâm tiếp ba vắn kệ:

249. Nay xem ta chánh đáng, hào hoa,
Ta chuộc cho rồng chúa được tha,
Bằng một làng, trăm bò cái chẵn,
Thêm vàng, đem phước báu cho ta.
250. Rồi trăm tặng chàng vòng ngọc trai,
Với vàng trăm lượng chẳng hề sai,
Sàng tọa xinh đẹp như hoa gấm,
Gối nệm nằm chen bốn dãy dài.

251. Bò đực cùng bò cái một trăm,
Và hai người vợ cũng chung dòng,
Xin tha rông chúa đầy thanh tịnh,
Việc ấy sẽ đem lăm phước phần.

Nghe vậy, người bắt rắn đáp lời:

252. Thần không cầu thưởng, tấu Anh quân,
Mà để chúa rông được thoát thân,
Như vậy, nay thần xin giải phóng,
Việc này sẽ tạo lăm hồng ân.

Sau lời này, chàng ta đem Bò-tát ra khỏi thúng. Long vương từ từ bò ra, tiến vào trong một cái hoa, tại đó ngài trút bỏ xác cũ và hiện hình một nam tử phục sức cực kỳ lộng lẫy. Ngài đứng sừng sững chẳng khác nào ngài vừa rẽ mặt đất ra và bước lên. Còn nàng long nữ Sumanā từ trên trời giáng xuống đứng cạnh ngài. Vị rông chúa đứng chấp tay tỏ vẻ tôn trọng vua lăm.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm hai vắn kệ:

253. Tự do, rông chúa xứ Campā,
Liên nói như vậy với đức vua,
“Chúa tể Kāsi nuôi quốc độ,
Cầu ngài vinh hiển tự bây giờ,
Thần xin đánh lễ ngài cung kính,
Trước lúc trở về viếng cố gia.”

[Đức vua:]

254. Đời thường nói các đấng siêu phàm,
Khó được lòng tin ở thế gian,
Ví thử chúa rông nay nói thật,
Long cung đâu, hãy chỉ ngay đây!

Nhưng Bò-tát muốn vua tin tưởng liền thề nguyện như sau qua hai vắn kệ:

255. Dù gió thổi tung cả núi đồi,
Mặt trời, trăng rớt khỏi bầu trời,
Suối sông xoáy ngược dòng đang chảy,
Chúa thượng, thần không thể dối lời.
256. Ví trời nứt nẻ, hải dương khô,
Đất mẹ bao la vỡ vụn ra,
Dù núi Tu-di rung bật gốc,
Đại vương, thần chẳng dối bao giờ.

Dù có lời cam đoan như vậy, vua vẫn chưa tin Bò-tát và bảo:

257. Đời thường nói các đấng siêu phàm,
Khó được lòng tin ở thế gian,

Ví thử chúa rồng nay nói thật,
Long cung đâu, hãy chỉ ngay đây!

Một lần nữa, vua ngâm vãn kệ trên và thêm:

– Ngài phải biết ơn ta về các hành động tốt ta đã làm cho ngài đấy. Tuy nhiên, ta có tin ngài chân chánh hay không thì việc ấy tùy ta định đoạt.

Vua nói rõ điều này qua vãn kệ:

258. Ngài đầy nọc độc, đủ quyền năng,
Chiếu sáng rực trời, chóng nổi sân,
Ngài bị giam, nhờ ta giải thoát,
Quyền ta là phải được tri ân.

Bồ-tát liền thề nguyện như vậy để vua tin tưởng:

259. Kẻ nào không muốn đáp ân tình,
Sẽ chẳng làm sao hưởng phước lành,
Kẻ đó bỏ mình trong rọ nhốt,
Chịu thiêu trong ngục tối hồn kinh.

Bấy giờ, vua mới tin ngài và cảm ơn ngài như vậy:

260. Ngài nguyện lời kia quả thật chân,
Giận hờn tan biến, tránh thù hằn,
Như ta tránh lửa trong mùa hạ,
Mong điều vương xa lánh chúa rồng.

Phản ngài, Bồ-tát cũng ngâm kệ nữa để cảm tạ vua:

261. Như mẹ hiền kia muốn bố ân,
Cho con độc nhất quý vô ngần,
Đại vương nhân ái cùng rồng rắn,
Xin phụng sự vua, mỗi chúng thần.

Bấy giờ, vua ước ao đi viếng cảnh giới loài rồng nên truyền lệnh cho quân sĩ chuẩn bị sẵn sàng lên đường qua vãn kệ:

262. Đoàn vương xa, hãy thắng yên cương,
Đứng sẵn bày la khéo luyện thuần,
Vương tượng cân đai vàng chói lọi,
Ta cùng đi viếng xứ long vương!

Sau đây là vãn kệ phát xuất từ trí tuệ tối thắng của đức Phật:

263. Trống con, trống lớn, đánh thì thùng,
Chũm chọe, tù và thổi dậy rân,
Kìa ngấm Uggā vương ngự đến,
Huy hoàng hiện giữa các cung tân.

Vào lúc vua rời kinh thành, Bồ-tát dùng thần lực khiến cảnh giới long vương xuất hiện với một bức tường thành bao quanh làm bằng bảy loại châu báu cùng các tháp canh tại cổng thành. Ngài hóa phép cho các con đường dẫn

đến long cung đều được trang hoàng rực rỡ. Theo đường này, vua cùng đoàn tùy tùng bước vào cung và trông thấy một khung cảnh đầy kỳ thú với nhiều lầu đài nguy nga lộng lẫy cao sang.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

- 264.** Chúa tể Kāsi thấy đất bằng,
Nơi nơi rải khắp cát như vàng,
Hoa san hô đẹp trồng quanh chốn,
Đỉnh tháp bằng vàng ở tứ phương.
- 265.** Sau đó, đại vương lại đặt chân,
Ngự vào đại sảnh của long thần,
Tựa thiên lôi chủy đồng lóe sáng,
Hay cả vàng hồng tỏa ánh quang.
- 266.** Đến Campeyya đại sảnh đường,
Vừa dời gót ngọc, dâng quân vương,
Ngàn cây đồ bóng che im mát,
Không khí ngàn mùi tỏa diệu hương.
- 267.** Trong cung điện chúa Campeyya,
Đại đế vừa khi ngự đến đây,
Đàn trời khúc thần tiên tuyệt diệu,
Yêu kiều long nữ múa như bay.
- 268.** Ngài được mời lên bảo tòa vàng,
Nệm êm ái sức nức chiêm-đàn,
Cả đoàn kiều nữ khoan thai lướt,
Khắp sảnh đường theo gót rộn ràng.

Vừa khi vua an tọa tại đó, quân hầu đã dâng lên đủ thứ cao lương mỹ vị thần tiên, họ cũng đem các thứ này mời mười sáu ngàn long nữ kia và toàn thể hội chúng ấy. Suốt bảy ngày, vua cùng đoàn tùy tùng thọ hưởng các thực phẩm thần tiên cùng mọi lạc thú khác. Vừa ngự trên bảo tòa, vua vừa ca ngợi cảnh vinh quang của Bồ-tát. Vua hỏi:

– Nay long vương, tại sao ngài bỏ mọi cảnh huy hoàng này để đi nằm trên ổ mồi giữa cảnh trần thế của con người và hành trì ngày trai giới vậy?

Bồ-tát kê cho vua nghe.

Để giải thích sự việc này, bậc Đạo sư ngâm kệ:

- 269.** Chốn kia vua hưởng thú vui tràn,
Tới Campeyya, chúa hỏi han,

“Cung điện ngài đây vinh hiển quá,
Hong như vàng nhật tỏa hào quang,
Trên trần không chốn nào như vậy,
Vì có sao ngài muốn ẩn thân?

270. Đứng đây toàn tuyệt sắc giai nhân,
Cầm lấy bằng đầu ngón búp măng,
Chén rượu trong bàn tay ửng đỏ,
Đai vàng ôm sát ngực và thân,
Tại sao ngài muốn làm tu sĩ,
Chẳng thấy cảnh kia ở cõi trần?

271. Suối, sông, hồ, cá đẹp, trong ngần,
Đều có bên xây bậc vũng vàng,
Trên trần chẳng chốn nào như thế,
Vì có sao ngài muốn ẩn thân?

272. Đàn công, sếu hạc với thiên nga,
Bao vẻ mê hồn cu gáy ca,
Vì có sao ngài làm ẩn sĩ,
Trên đời đâu thấy cảnh kia mà?

273. Có xoài, mận đỏ, tilaka, sāla,
Hoa quế, hoa chuông nở rộ tràn,
Chẳng thấy cảnh này nơi địa giới,
Sao ngài làm ẩn sĩ trần gian?

274. Nhìn các hồ kia, gió thoảng đưa,
Hương thần tiên tỏa khắp đôi bờ,
Cảnh này không thấy trên trần giới,
Vì có sao ngài muốn ẩn cư?”

[Long vương:]

275. Chẳng vì thọ mạng, của hay con,
Ta phân đầu vảy với bản thân,
Nếu được, chính lòng ta ước nguyện,
Tái sinh làm một kẻ phàm nhân.

Vua lại nói:

276. Phục sức cao sang, mắt đỏ ngầu,
Rộng vai và nhẵn nhụi đầu râu,
Chiên-đàn tắm ướt, như Thiên đế,
Phán bảo toàn dân chúng địa cầu.

277. Lực thần vĩ đại thật hùng oai,
Làm chủ quyền mơ ước mọi loài,

Rồng chúa, xin vui lòng giải đáp,
Vì sao địa giới vượt long đài?

Câu hỏi này được rồng chúa đáp lại như sau:

278. Thanh tịnh, điều thân, chỉ đạt thành,
Khi người ta sống giữa quần sinh,
Nếu làm người, chẳng bao giờ nữa,
Ta thấy tử sinh đến với mình.

Vua lắng nghe và đáp kệ này:

279. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc Trí tuệ uyên thâm,
Tâm tư siêu việt thường sinh khởi,
Khi trầm nay chiêm ngưỡng chúa rồng,
Cùng với cả đàn long nữ ấy,
Trăm mong làm thiện nghiệp muôn phần.

Long vương bảo ngài:

280. Quả thật là chân chánh thiện tâm,
Tôn sùng bậc Trí tuệ uyên thâm,
Tâm tư siêu việt thường sinh khởi,
Khi Đại vương nhìn thấy tiểu quân,
Cùng với cả đàn long nữ ấy,
Ngài mong thành thiện nghiệp muôn phần.

Sau buổi đàm đạo ấy, Vua Uggasena muốn ra đi liền tạ từ ngài và bảo:

– Nay long vương, trăm ở lại đây đã lâu rồi, nay trăm cần phải ra về.

Bồ-tát liền chỉ các kho báu cho vua xem, vừa tặng bất cứ thứ gì vua muốn lấy, ngài vừa ngâm kệ:

281. Vàng thoi bỏ đó, kẻ không cùng,
Bạc chất như cây cả mấy tầng,
Ngài lấy mà xây tường đá bạc,
Dem về dựng gác ngọc lầu vàng.

282. Ta đoán năm ngàn xe ngọc trai,
San hô chen giữa ừng hồng tươi,
Lấy đi để trải đầy cung điện,
Chẳng thấy đất dơ lộ phía ngoài.

283. Đại vương, hãy dựng một cung đình,
Như tiểu quân nay muốn tấu trình,
Tại đó xin ngài lên ngự trị,
Thành Ba-la-nại sẽ phồn vinh,
Mong ngài cai trị dân hiền đức,
Và trị nước nhà thật xứng danh!

Vua chấp thuận lời đề nghị này. Sau đó, Bồ-tát ban lời bố cáo khắp kinh thành bằng tiếng trống lệnh:

– Hãy để cho đoàn tùy tùng của đức vua từ nhân giới lấy đem về bất cứ món gì trong các kho báu của ta, cả vàng ròng nữa như ý muốn!

Rồi ngài truyền đưa bảo vật đến tặng vua, chất đầy hàng trăm cỗ xe. Xong xuôi, vua giã từ cảnh giới long cung trong muôn vẻ huy hoàng trọng thể và trở về thành Ba-la-nại. Từ đó về sau, tục truyền rằng đất được lát vàng khắp cả xứ Diêm-phù-đề.

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, các bậc Trí ngày xưa đã từ giã cảnh vinh quang trong thế giới loài rồng để hành trì ngày trai giới.

Rồi Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Devadatta là người nhử rắn, mẹ của Rāhula (La-hầu-la) là nàng Sumanā, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Vua Uggasena và Ta chính là long vương Campeyya.

§507. CHUYỆN SỨC CẢM DỖ MẠNH (*Mahāpalobhanajātaka*) (J. IV. 468)

Từ cõi Phạm thiên, một vị thần...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về sự ô nhiễm lậu hoặc của các bậc thanh tịnh. Các hoàn cảnh đã được nêu trước kia.

Tại đây, một lần nữa, bậc Đạo sư bảo:

– Nữ nhân thường gây cấu uế cho cả những người đã đạt tâm thanh tịnh.

Rồi Ngài kể một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, tại thành Ba-la-nại... Câu chuyện đời xưa này cũng diễn tiến như trong *Chuyện ít dục tham*.²² Bấy giờ, một lần nữa, bậc Đại sĩ từ Phạm thiên giới giáng trần làm vương tử của vua xứ Kāsi và ngài có tên là Anitthagandha (người ghét nữ nhân). Vương tử hài nhi không muốn ở trong tay bất cứ một nữ nhân nào nên họ phải mặc áo quần nam nhân khi cho vương tử bú sữa và chàng cứ ở riêng trong một thiền thất, không hề thấy bóng một nữ nhân nào cả.

Để giải thích việc này, bậc Đạo sư ngâm bốn vắn kệ:

284. Từ cõi Phạm thiên, một vị thần,
Đến đây là thế giới phàm nhân,

²² Xem J. II. 328, *Cullapalobhanajātaka* (*Chuyện ít dục tham*), số §263.

- Tái sanh, ngài được làm hoàng tử,
Mỗi ước mơ là lệnh phải vâng.
- 285.** Chẳng có nghiệp tình, cỗi Phạm thiên,
Chưa hề nghe nói chuyện tình duyên,
Giờ sinh dục giới này, vương tử,
Nghe chữ “tình” thôi, chán ngấy liền.
- 286.** Ở nội cung hoàng tử đã xây,
Một am thất nhỏ của riêng tây,
Nơi chàng chìm đắm vào thiền định,
Đơn độc trôi qua chuỗi tháng ngày.
- 287.** Phụ vương lo lắng trước hoàng nam,
Khi biết chàng trong ấy, khóc than:
“Trẫm chỉ sinh ra mình thái tử,
Mà bao dục lạc, trẻ không màng.”

Văn kệ thứ năm diễn tả lời than vãn của vua cha:

- 288.** Ai cho trẫm biết phải làm gì,
Ôi, lẽ nào không có cách chi,
Ai dạy con thêm mùi dục lạc,
Có ai làm thái tử mê ly?

Một văn kệ rưới này là của chính đức Phật:

- 289.** Có thiếu nữ kia đáng mỹ miều,
Làn da trắng muốt thật yêu kiều,
Nàng thông suốt một trời ca nhạc,
Và uốn người quay tít thật đều.
- 290.** Xuân nữ này đi tìm Chúa thượng,
Thế là nàng khởi chuyện tình yêu.

Nửa văn kệ này do cô gái ngâm:

- Thần thiếp sẽ đi quyến rũ chàng,
Nếu duyên cảm sắc được ngài ban.
- 291.** Cô gái vừa ngâm như thế rồi,
Đức vua bèn phán lại đôi lời:
“Gắng công cảm dỗ cho hoàn mãn,
Chàng sẽ là vương tử của nàng.”

Bấy giờ, vua truyền lệnh tạo ra mọi cơ hội thuận tiện cho nàng và triệu nàng vào châu chực bên mình vương tử. Buổi sáng kia, nàng đem cây đàn đến đứng ngay bên ngoài tịnh thất của vương tử và chạm nhẹ các đầu ngón tay vào đàn, cổ ra sức quyến rũ chàng bằng giọng ca êm ái dịu ngọt làm sao.

Bạc Đạo sư ngâm kệ để giải thích việc này:

292. Kiều nhi vào tận chốn cung đình,
Nơi đó nàng riêng đứng một mình,
Hát khúc ngọt ngào đầy khát vọng,
Xuyên vào tim của bạn chung tình.
293. Xuân nữ đứng kia cất tiếng oanh,
Ông hoàng nghe lọt được âm thanh,
Tức thì bỗng thấy lòng mê mẩn,
Chàng hỏi quân hầu đứng chực quanh.
294. “Âm thanh nào đó thật du dương,
Đưa đến phòng ta rõ lạ thường,
Đâm suốt con tim đầy dục tưởng,
Bên tai kỳ thú thật khôn lường.”
295. “Vương tử, nàng kia ngấm tuyệt xinh,
Biết bao đùa cợt, vẻ đa tình,
Vị ngài mong hưởng tình ngon ngọt,
Thì lạc thú đây, hãy đắm mình!”
296. “Này, bảo nàng kia hãy đến gần,
Rồi nàng ca hát thật nhiều lần,
Đến đây trước mặt ta rồi hát,
Ngay chính bên trong cánh cửa phòng!”
297. Cô gái vừa ca ngoài bức tường,
Đứng kia trong thất của ông hoàng,
Nàng vây chàng chặt như voi nọ,
Bị mắc bẫy giăng giữa núi ngàn.
298. Chàng hưởng tròn hoan lạc ái ân,
Kia xem, tràn ngập nỗi ghen tuông,
“Không ai được phép yêu nàng cả,
Chỉ một mình ta được luyện thương.”
299. “Một mình ta, chẳng được người nào”
Rồi chạy ra, chàng cứ thét gào,
Cầm kiếm lòng lên như khát máu,
Đi tàn sát hết bọn mày râu.
300. Lâm nguy, dân chúng thét vang lưng,
Toàn thể phi thân đến hậu cung,
“Vương tử giết người bất kê số,
Chẳng ai khiêu khích”, họ kêu rân.
301. Đại vương truyền bắt lấy chàng ngay,
Khuất mắt phụ vương, phán lệnh đây:

- “Con chẳng được tìm nơi trú ẩn,
Trong vùng biên địa nước ta này.”
302. Chàng đem vợ quý nọ lên đường,
Cho đến khi dừng cạnh đại dương,
Tại đó chàng xây lều lợp lá,
Sống bằng của nhặt ở rừng hoang.
303. Một đạo nhân thanh tịnh lướt ngang,
Bay qua biển cả giữa không gian,
Đi vào lều lá, sao vừa lúc,
Cơm nước vừa đem dọn sẵn sàng.
304. Cô nàng kia quỵên rũ ngài ngay,
Xem việc làm sao hạ liệt thay,
Ngài dọa khỏi con đường Thánh hạnh,
Mọi thần thông lực thầy xa bay.
305. Chiều đến khi vương tử trở về,
Do chàng thu nhặt thật tràn trề,
Quả, rau, một đồng trên đòn gánh,
Đồ vật rừng hoang đã phủ phê.
306. Ân sĩ nhìn vương tử đến gần,
Ngài ra bờ biển vội rời chân,
Ngỡ là hành cước qua không khí,
Song chỉ chìm sâu xuống biển dần.
307. Vương tử vừa khi thấy Trí nhân,
Vào trong biển cả cứ chìm thân,
Từ tâm khởi dậy trong vương tử,
Liền đó chàng ngâm kệ mấy vần.
308. “Ngài phi hành đến bởi thần thông,
Trên biển không buồm để ruỗi dong,
Chìm xuống giờ đây vì ác phụ,
Khiến ngài chịu nhục nhã tiêu vong.
309. Phán bội, hồng quần cám dỗ ta,
Khiến người thanh tịnh nhất sa đà,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết hồng quần, phải tránh xa!
310. Nói ngọt ngào, song khó thỏa lòng,
Cũng như khó đổ nước đầy sông,
Chúng chìm dần xuống và dần xuống,
Ai biết nên xa lánh má hồng!

311. Bất kể hồng nhan phục vụ ai,
Hoặc vì tham dục hoặc tiền tài,
Chúng thiêu chàng rụi như nhiên liệu,
Được thả cháy trong lửa sáng ngời.”
312. Ân sĩ nghe lời thái tử khuyên,
Chán chê trần thế quả hư huyền,
Trở về Thánh đạo xưa thanh tịnh,
Ngay giữa không gian đứng vụt liền.
313. Vương tử vừa khi đứng ngắm trông,
Cách ngài bay bổng giữa hư không,
Buồn phiền, vương tử liền cương quyết,
Lựa chọn đời thanh tịnh vững lòng.
314. Chuyển hướng tu hành, quyết đập tan,
Dục tham và khát vọng nồng nàn,
Dục tham lắng dịu, chàng thề nguyện:
“Đến cõi Phạm thiên, tiến thẳng đàng.”

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, chỉ vì nữ nhân mà ngay những người có tâm thanh tịnh cũng vẫn gây ác nghiệp.

Rồi Ngài thuyết giảng các sự thật. Bấy giờ, vào lúc kết thúc các sự thật, vị Tỷ-kheo thối thất kia đã đắc Thánh quả (A-la-hán).

Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Ta chính là Vương tử Anitthigandha.

§508. CHUYỆN NĂM VỊ HIỀN NHÂN (*Pañcapaṇḍitajātaka*) (J. IV. 474)

Chuyện tiền thân về năm vị Hiền nhân sẽ được kể trong *Chuyện đường hầm vĩ đại*.²³

§509. CHUYỆN HIỀN GIẢ HATTHIPĀLA (*Hatthipālajātaka*)²⁴ (J. IV. 473)

Cuối cùng thấy được Bà-la-môn...

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể trong lúc trú tại Kỳ Viên về đại sự xuất thế của Ngài. Rồi cùng với các lời sau đây:

²³ Xem J. VI. 330, *Mahāummaggajātaka* (Chuyện đường hầm vĩ đại). Chuyện này trong bản PTS là số 546. Bản Tích Lan viết *Ummaggajātaka*, số 546. Bản CST viết *Umaṅgajātaka*, số 542. Bản Thái Lan và Campuchia viết *Mahosadhajātaka*, số 542.

²⁴ Xem J. IV. 394, *Citta-Sambhūta-jātaka* (Chuyện đôi bạn Citta và Sambhūta), số §498; D. II. 220, *Mahāgovindasutta* (Kinh Đại Diễm Tôn), số 19; S. I. 3, *Accentisutta* (Kinh Thời gian trôi qua); S. I. 62, *Nandasutta* (Kinh Nanda).

– Này các Tỷ-kheo, không phải đây là lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế mà xưa kia cũng vậy.

Bậc Đạo sư kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

Một thời, tại Ba-la-nại có một vị vua cai trị mệnh danh là Esukārī. Vị tể sư của ngài vốn là bạn đồng môn được ngài yêu chuộng từ thuở niên thiếu. Cả hai đều không có con. Một ngày kia, trong lúc hai vị đang ngồi chuyện trò thân thiết cùng nhau, hai vị nghĩ thầm: “Chúng ta cùng hưởng cảnh đại vinh quang, song chẳng hề có con trai, con gái nào cả, vậy phải làm sao bây giờ?” Vua liền bảo vị tể sư:

– Này Hiền hữu, nếu nhà Hiền hữu sinh được một công tử thì hài nhi đó sau này sẽ trở thành chúa tể trong quốc độ ta, song nếu ta sinh được một hoàng nam thì đó sẽ là chủ nhân tài sản nhà Hiền hữu vậy.

Cả hai vị giao ước với nhau về các chuyện tiếp theo các điều lệ này.

Một hôm, vị tể sư đi đến ngôi làng có hoa lợi của mình và vào làng bằng cổng phía Nam. Vị này thấy ngoài cổng làng một người đàn bà cùng khổ lại sinh nhiều con trai quá, có đến bảy đứa. Tất cả đều cường tráng khỏe mạnh, đứa cầm nồi chảo đi nấu bếp, đứa thì lấy chiếu trải giường, đứa này đi trước, đứa nọ theo sau, đứa khác nắm tay mẹ, đứa kia ngồi trong lòng mẹ, một đứa nữa trèo trên vai bà. Vị tể sư hỏi:

– Thế cha đàn trẻ này đâu?

Bà ấy đáp:

– Thưa ngài, chắc chắn là đàn trẻ chẳng có cha nào cả.

Vị này hỏi:

– Vậy thì làm sao bà có được bảy đứa con xinh tốt như thế này?

Người đàn bà không để ý đến cả khu rừng rậm mà chỉ tay vào cây đa đứng cạnh cổng thành và nói:

– Thưa ngài, tiện thiếp cầu khẩn vị thần sống ở cây này, vị thần ấy đáp lại lời cầu xin của thiếp bằng cách ban cho bảy đứa bé ấy.

Vị tể sư liền bảo:

– Thôi được, bà đi đi.

Rồi vị này xuống xe bước lên cây ấy, cầm một cành mà lắc mạnh, bảo:

– Này thần linh, đức vua có thiếu món gì cúng ông, suốt năm này qua năm khác ngài cúng ông cả ngàn đồng tiền mà ngược lại ông chẳng ban cho ngài vị vương tử nào cả. Còn mụ ăn mày kia đã làm gì mà ông cho mụ cả bảy đứa con trai? Ông phải cho đức vua một đứa con trai này trong vòng bảy ngày, nếu không ta sẽ bảo chặt đốn thân ông xuống và xẻ ra từng khúc đấy.

Khi trách mắng vị thần cây đa như thế xong, vị tể sư ra đi. Suốt sáu ngày, vị tể sư cứ làm như vậy và vào ngày thứ sáu, vừa nắm một cành cây vừa bảo:

– Nay thần cây, chỉ còn một đêm nữa thôi đấy, nếu ông không cho đức vua một con trai thì thân ông phải ngã xuống ngay.

Vị nữ thần trên cây suy nghĩ mãi cho đến khi nàng thấy sự việc ấy rõ ràng như thế nào. Nàng nghĩ thầm: “Vị Bà-la-môn kia sẽ phá tan nhà của ta nếu vị ấy không được đưa con trai. Vậy ta biết cho ngài một đứa con trai bằng cách nào đây chứ?” Sau đó nàng yết kiến Tứ Đại Thiên Vương và tâu trình với các ngài. Các ngài phán:

– Nay, chúng ta không thể ban cho người ấy một đứa con trai được!

Kể đó, nàng đến gặp hai mươi tám vị thần dạ-xoa (yakkha), các thần kia cũng trả lời nàng như vậy. Nàng liền đến yết kiến Thiên chủ Sakka và tâu trình với ngài.

Thiên chủ suy nghĩ trong lòng: “Nhà vua nay có sinh được hoàng nam xứng đáng với mình hay chăng?” Rồi ngài nhìn quanh và chợt thấy bốn vị thiên tử đức độ. Chuyện kể rằng, các vị này nguyên là thợ dệt ở Ba-la-nại, trong một đời trước, tất cả mọi tiền của kiếm được nhờ buôn bán, các vị ấy chia làm năm phần, bốn phần làm của riêng mỗi người, còn phần thứ năm là của chung được đem ra bố thí hết. Từ thành ấy, chư vị tái sanh lên cõi trời Ba Mươi Ba, sau đó lại tái sanh vào cõi trời Yāma (Dạ-ma), từ đấy cứ tái sanh liên tục lên xuống qua về sáu tầng trời cõi dục và hưởng thọ vô số vinh quang.

Ngay thời bấy giờ là lúc chư vị phải đi từ cõi trời Ba Mươi Ba đến cõi trời Yāma. Thiên chủ Sakka tới chỗ họ và truyền lệnh: “Đến lúc các vị đi xuống cõi nhân gian và nhập mẫu thai chánh hậu của Đại vương Esukārī!”

– Lành thay, tâu Thiên chủ!

Và các vị cùng nói những lời này:

– Chúng thần sẽ đi, song chúng thần không muốn liên quan gì đến hoàng gia cả. Chúng thần sẽ tái sanh vào gia đình vị tể sư và ngay khi còn thanh niên, chúng thần sẽ từ giả thế tục.

Thế là Thiên chủ tán thành với các vị ngay về lời cam kết kia xong ngài trở về kể lại mọi chuyện cho nữ thần sống trên cây đa ấy. Nữ thần rất vui mừng, tạ từ Thiên chủ Sakka và lui về nơi cư ngụ của mình.

Còn vị tể sư ngày hôm sau lại đến cùng với một nhóm người lực lưỡng mà vị này đã tập hợp lại, mỗi người cầm một cây rìu thật bén hay một vật tương tự. Vị tể sư bước gần cây, nắm một cành và kêu to:

– Nay thần cây, đây là ngày thứ bảy kể từ khi ta cầu khẩn ông một đặc ân. Nay đã đến lúc phá hoại cây rồi đó!

Vị thần cây dùng đại lực của nàng làm nứt nẻ thân cây và xuất hiện với giọng ngọt ngào, bảo vị ấy như vậy:

– Này vị Bà-la-môn, ngài muốn có một nam tử chẳng? Chà, ta sẽ ban cho ngài cả bốn đứa kia!

Vị tế sư bảo:

– Ta không muốn có con, xin nàng có một đứa con trai cho đức vua của ta thôi.

Nàng đáp:

– Không được đâu, ta chỉ muốn ban cho ngài thôi.

– Vậy thì nàng hãy ban cho đức vua hai đứa và ta hai đứa đi!

– Không được, đức vua chẳng thể nào có con đâu, phần ngài phải có cả bốn đứa, mà chúng chỉ được phép ban cho riêng ngài thôi, là vì chúng sẽ không muốn sống cuộc đời thế tục tại gia nên ngay lúc tuổi còn thanh xuân, chúng sẽ từ giã thế tục này.

Vị ấy đáp:

– Vậy nàng cứ cho ta các đứa con trai ấy đi, ta quyết chăm sóc để bọn chúng không từ giã thế tục.

Như vậy là nữ thần đã chấp thuận lời cầu tự của vị tế sư này và trở về chỗ cư ngụ của nàng. Từ đó về sau, nữ thần kia được trọng vọng tôn vinh lắm.

Bấy giờ, vị thiên tử lớn nhất giáng trần, nhập mẫu thai phụ nhân của vị quốc sư kia. Vào ngày đặt tên, gia đình ấy gọi hài nhi là Hatthipāla (người quản tượng) và để ngăn cản con trai rời khỏi thế tục này, họ giao hài nhi cho vài người giữ voi chăm sóc nên hài nhi lớn lên giữa những người ấy.

Khi hài nhi mới vừa biết đi chập chững thì hài nhi thứ hai ra đời cũng từ phụ nhân ấy. Vào ngày sanh, họ đặt tên hài nhi là Assapāla (người giữ ngựa) và hài nhi lớn lên giữa những người giữ ngựa. Hài nhi thứ ba lúc ra đời được đặt tên là Gopāla (người chăn trâu) và hài nhi lớn lên giữa những mục tử. Còn Ajapāla (người chăn dê) là tên hài nhi thứ tư được gọi lúc ra đời và hài nhi này lớn lên giữa những người chăn dê. Khi các trẻ lớn lên, chúng là những nam tử có đầy đủ tướng mạo tốt lành.

Lúc bấy giờ, vì lo sợ các con trai từ bỏ thế tục nên những người tu khổ hạnh xuất gia đều bị đuổi ra khỏi quốc độ này. Trong toàn xứ sở Kāsi không còn sót tu sĩ nào cả. Riêng các nam tử này tính tình thô bạo lắm, hễ chúng đi trên con đường nào là chúng cướp đoạt những lễ vật cúng cấp đây đó trong vùng.

Khi Hatthipāla lên mười sáu tuổi, vua và vị tế sư thấy dung mạo hoàn mỹ của chàng liền nghĩ thầm: “Các con nay đã khôn lớn mạnh mẽ. Khi đã giương lên chiếc lọng hoàng gia rồi thì ta sẽ làm gì chúng được nữa? Ngay khi làm lễ Quán đảnh cho chúng xong, chúng sẽ thống trị tất cả. Các vị tu khổ hạnh sẽ đến, bọn chúng sẽ thấy các vị đó và cũng sẽ trở thành các vị tu khổ hạnh. Một khi chúng hành động như thế thì cả nước sẽ loạn lên mất. Vậy trước tiên ta phải thử lòng chúng rồi sau đó mới làm lễ Quán đảnh.”

Thế là hai vị này cải trang làm các nhà tu khổ hạnh và đi khát thực cho đến khi vào tận cửa nhà của Hatthipāla đang ở. Chàng trai này vui vẻ, thích thú ngay khi gặp hai vị liền bước đến gần, đánh lễ hai vị rất cung kính và ngâm vắn kệ:

337. Cuối cùng thấy được Bà-la-môn,
Đầu tóc búi to, tựa Thánh thần,
Răng bản, hôi dơ đầy bụi bặm,
Lại gồng gánh nặng nhọc trên lưng.
338. Cuối cùng thấy được một Hiền nhân,
Vui thú theo đường lối chánh chân,
Vớ vỏ cây làm y phủ kín,
Và thêm một chiếc nữa màu vàng.
339. Xin nhận sàng tọa, nước rửa chân,
Thật là chân chánh lúc đem dâng,
Tặng nhiều thực phẩm chư hiền khách,
Xin nhận, vì gia chủ đón mừng.

Chàng trai lần lượt nói như vậy với hai vị. Rồi vị tế sư bảo:

– Đây Hatthipāla con hỡi, con nói điều này vì con không biết chúng ta. Con tưởng chúng ta là các bậc Hiền nhân từ vùng Tuyết Sơn xuống đây ư, song thật chúng ta không phải như vậy đâu con ạ. Đây là Đại vương Esukārī và ta là thân phụ của con, vị quốc sư đó.

Chàng trai nói:

– Thế thì tại sao Đại vương và thân phụ đáp y như các bậc Hiền giả?

Vị ấy đáp:

– Để thử lòng các con đó mà!

Chàng hỏi:

– Tại sao lại thử con chứ?

– Bởi vì, nếu con gặp chúng ta mà không muốn từ giã thế tục thì chúng ta sẵn sàng làm lễ Quán đánh phong vương cho con ngay.

Chàng đáp:

– Ô thừa phụ thân, con chẳng ham vương vị, con muốn rời bỏ thế tục.

Thân phụ chàng liền đáp:

– Đây con Hatthipāla, đây chưa phải thời để rời bỏ thế tục đâu.

Rồi vị này giải thích ý định của mình qua vắn kệ thứ tư:

340. Học Vệ-đà kinh việc trước tiên,
Làm giàu và cưới vợ vầy duyên,
Nhiều con, hưởng thú vui trần thế,
Thanh, sắc cùng hương, vị, xúc êm,

Sau đó ẩn cư rừng khả ái,
Thế là người trí xứng danh hiền.

Hatthipāla đáp lại với vần kệ:

341. Chân lý không sao lại đạt thành,
Từ vàng bạc hoặc Vệ-đà kinh,
Nhiều con chẳng khỏi thành già cả,
Có lối thoát ra mọi dục tình,
Như các Trí nhân đều thấu suốt,
Gieo gù gặt nấy kiếp lai sinh.

Bấy giờ, vua ngâm kệ đáp lời chàng trai:

342. Lời tự mồm con quả thật chân,
Đời sau ta gặt thứ đang trồng,
Hai thân con đó, nay già yếu,
Song các người mong muốn thấy rằng,
Cuộc sống trăm năm đầy hạnh phúc,
An khang cho trẻ hưởng riêng phần.

– Tâu Chúa thượng, ngài muốn ám chỉ việc gì thế?

Chàng trai hỏi như thế và ngâm hai vần kệ:

343. Kẻ nào khi chết, tấu Anh quân,
Có thể tìm ra một bạn thân,
Đã ký với tuổi già thỏa ước,
Để cho người ấy chẳng từ trần,
Mong lời cầu nguyện trên Hoàng thượng,
Dành bách niên kẻ đó hưởng phần.

344. Cũng giống như người lái vượt dòng,
Con thuyền sang bến nọ bên sông,
Phàm nhân đều vậy, không sao khỏi,
Bệnh, lão niên, rồi tử, mạng chung.

Bằng cách trên, chàng trai đã chỉ cho các vị này thấy cuộc sống thế nhân giả tạm phù du ra sao rồi thêm lời khuyên nhủ:

– Tâu Đại vương, ngài đứng đó và ngay khi tiểu sinh đang đàm đạo với ngài, ngay bây giờ đây, bệnh tật, tuổi già và thần chết đang tiến gần ta. Vậy xin Đại vương hãy tỉnh giấc!

Sau khi vái chào vua và phụ thân, chàng đem theo những người hầu cận muốn đi cùng chàng, bỏ lại vương quốc Ba-la-nại đằng sau và lên đường với ý định theo đời sống khổ hạnh. Cả một hội chúng đông đảo cùng đi với chàng thanh niên Hatthipāla, vì hội chúng bảo:

– Cuộc sống tu hành này chắc hẳn phải cao thượng lắm!

Hội chúng ấy trải dài suốt một do-tuần, chàng nam tử cùng hội chúng tiến lên cho đến tận bờ sông Hằng. Tại đó, chàng làm phát khởi thiền định bằng cách quán sát dòng nước sông Hằng. Chàng nghĩ thầm: “Tại đây rồi sẽ có hội chúng đông lắm. Ba vị hiền đệ của ta sẽ đến, kẻ là song thân, đức vua và hoàng hậu, tất cả cùng với đoàn tùy tùng sẽ sống theo đời tu tập. Thành Ba-la-nại sẽ trống vắng. Ta sẽ ở đây cho đến khi các vị đến đủ.” Thế là chàng ngồi tại đó, khích lệ cả đám đông dân chúng đang ngồi.

Hôm sau, vua và vị tể sư suy nghĩ: “Như vậy Vương tử Hatthipāla đã thực sự rời bỏ quyền làm vua và hiện đang ngồi bên bờ sông Hằng, từ đó chàng sẽ đi theo cuộc sống tu hành cùng với một hội chúng đông đảo ở bên chàng. Song ta hãy đi thử Assapāla xem sao, rồi làm lễ Quán đảnh phong vương cho chàng.” Vì thế cũng như trước kia, khoác bộ y phục của nhà tu khổ hạnh, hai vị cùng đi đến cửa nhà chàng. Chàng rất hoan hỷ khi thấy hai vị liền bước tới gần hai vị ngâm câu kệ: “Cuối cùng...” ấy giống như anh cả của chàng đã ngâm. Hai vị này cũng làm như trước, và báo cho chàng biết nguyên nhân hai vị đến đây. Chàng đáp:

– Tại sao chiếc lông trắng hoàng gia lại dành ưu tiên cho phần con, khi con có một hoàng huynh như Hatthipāla?

Hai vị đáp:

– Nay con, hoàng huynh con đã ra đi để sống đời tu tập, anh con chẳng muốn liên hệ gì với hoàng gia nữa.

Chàng hỏi:

– Thế bây giờ anh con đâu rồi?

– Hiện đang ngồi bên bờ sông Hằng.

– Tâu Chúa thượng và thân phụ, con cũng chẳng màng đến cái thứ mà anh con đã nhờ khỏi mồm. Chỉ có những kẻ ngu si và thiếu trí mới không đủ năng lực vứt bỏ ác dục này, còn con quyết sẽ vứt bỏ nó.

Sau đó, chàng thuyết pháp cho thân phụ và đức vua qua hai vần kệ được chàng ngâm lên:

345. Dục lạc là bùn bẩn, uesth nhợ,
Tham tâm gây chết chóc, sầu tư,
Ai chìm trong vũng bùn vô trí,
Không thể bước sang đến bến bờ.

346. Đây là kẻ đã chịu sầu tư,
Nó bị bắt giam trước đến giờ,
Tìm lối thoát thân nào chẳng thấy,
Để không làm những chuyện như xưa,
Từ nay con quyết lòng xây dựng,
Những bức tường không thể lọt vô.

– Tiểu sinh xin thưa Chúa thượng cùng thân phụ hiện đứng chỗ kia và ngay khi tiểu sinh đang trình với hai vị thì bệnh tật, tuổi già và cả thần chết cũng đang tiến đến gần ta hơn.

Cùng với lời khuyên giáo này, được một đám đông hộ tống kéo dài cả do-tuần, chàng ra đi tìm gặp Vương tử Hatthipāla. Vị vương huynh của chàng liền đứng ở trên không và thuyết pháp cho chàng, rồi nói:

– Nay hiền đệ, sau sẽ có một đám đông dân chúng đến đây, vậy hai ta hãy cùng ở lại chốn này!

Chàng đồng ý ở lại đó ngay. Hôm sau, vua và vị tế sư cũng theo cách trên đến nhà Vương tử Gopāla. Khi được chàng hoan hỷ chào đón theo như cách hai vị vương tử trước. Hai vị giải thích duyên cớ đến đây. Cũng như Hatthipāla, chàng từ chối lời đề nghị của hai ngài:

– Từ lâu, con đã ước mong sống đời tu tập như một bò cái bị lạc trong rừng vẫn còn đi lang thang tìm lối sống. Nay con nhìn thấy con đường mà hai vương huynh của con đã đi qua, giống như dấu chân kia của con bò bị lạc nên con cũng theo đường ấy mà ra đi.

Sau đó, chàng ngâm kệ:

347. Như tìm bò cái lạc trên đường,
Bối rối, loanh quanh mãi giữa rừng,
Cũng vậy an vui con đã mất,
Sao còn do dự với phân vân,
Tâu Vua Esukārī rõ,
Khi bước đi tìm theo dấu chân.

Hai vị đáp:

– Nhưng này Gopāla thân yêu, con hãy đến ở cùng chúng ta một ngày, hoặc đến với chúng ta hai, ba ngày, để nhà chúng ta được hạnh phúc hân hoan, rồi sau đó con hãy rời thế tục!

Chàng đáp:

– Tâu Đại vương, xin đừng bao giờ hoãn lại đến ngày hôm sau chuyện gì đáng làm hôm nay. Nếu Đại vương muốn an lành xin hãy hành động ngay hôm nay, đừng trì hoãn nữa!

Sau đó, chàng ngâm kệ khác:

348. “Ngày mai”, kêu lớn gã ngu nhân,
Gã thét “ngày mai” mãi chẳng ngừng,
“Thời vị lai không còn sự nghiệp”,
Bậc Hiền nhân vẫn cứ khuyên răn,
Chẳng bao giờ bậc Hiền khinh rẻ,
Thiện nghiệp nằm ngay đúng với tâm.

Gopāla vừa nói như vậy vừa thuyết pháp qua hai vắn kệ trên xong rồi nói thêm:

– Ngay nơi Đại vương đứng đó và ngay lúc con đang thưa trình với Đại vương thì bệnh tật, tuổi già và cả thân chết nữa cũng đang tiến tới gần.

Sau đó, được dân chúng hộ tống cả một do-tuần, chàng ra đi tìm kiếm hai vị hiền huynh. Rồi Tôn giả Hatthipāla vừa đứng ở trên không vừa thuyết pháp cho chàng như trước.

Ngày kế đó, vua và vị tể sư cũng theo cách trên và đi đến nhà Vương tử Ajapāla. Chàng hoan hỷ đón chào hai vị giống như các vương huynh chàng đã làm. Hai vị nói rõ duyên cớ đến đây và đề nghị giương cho chàng chiếc lọng hoàng gia. Vương tử bảo:

– Thế các vương huynh của con đâu rồi?

Hai vị đáp:

– Các vương huynh của con không muốn liên hệ với giang sơn quốc độ này nữa, cả ba đã khước từ chiếc lọng trắng và cùng với một hội chúng trải rộng cả ba do-tuần đang ngồi trên bờ sông Hằng.

– Thế thì con cũng không muốn đặt lên đầu vật mà các vương huynh đã nhả ra khỏi mồm và đi sống đời tu hành như thế, con muốn hành trì đời sống xuất gia thôi.

Hai vị bảo:

– Này con, con còn trẻ lắm, hạnh phúc của con là mối quan tâm lo lắng của hai ta, vậy để lúc già hơn rồi con hãy sống đời tu tập!

Song chàng trai đáp:

– Đại vương và thân phụ bảo con điều gì thế kia? Hiển nhiên cái chết vẫn đến với tuổi trẻ cũng như với tuổi già. Không ai có dấu hiệu gì trong bàn tay hay không biết được lúc nào con chết cả vì vậy con muốn rời thế tục ngay bây giờ đây.

Rồi chàng ngâm hai vắn kệ:

349. Con thường thấy thiếu nữ xinh tươi,
Mắt sáng, say sưa với cuộc đời,
Chưa hưởng phần vui xuân mới hé,
Tử thân mang liễu yếu đi rồi.

350. Cũng vậy nhiều nam tử thật sang,
Khô ngô, cường tráng tuổi xuân quang,
Bao quanh những chiếc cầm đen nhánh,
Xúm xít chòm râu cứ mọc tràn,
Con già biệt đời người thế tục,
Cùng bao dục lạc của trần gian,

Đề làm ẩn sĩ, xin tha thứ,
Và hãy trở về chốn cổ hương!

Sau đó, chàng nói tiếp:

– Nay Đại vương đứng chỗ kia và ngay lúc tiểu sinh đang tâu trình với Đại vương cùng thân phụ thì bệnh tật, tuổi già và thần chết cũng đang tiến tới gần tiểu sinh.

Rồi chàng đánh lễ cả hai vị, dẫn đầu một hội chúng dài cả do-tuần, chàng ra đi đến bờ sông Hằng. Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp cho chàng rồi ngồi xuống đợi đại chúng mà ngài mong gặp.

Hôm sau, vị tể sư bắt đầu suy tư trầm ngâm trong lúc ngồi trên bảo tòa. Ông nghĩ thầm: “Các con ta đã sống đời tu tập, nay chỉ còn lại một mình ta là lão già như gốc cây đã cằn cỗi tàn rụi, ta cũng muốn theo cuộc sống tu hành.”

Rồi ông ngâm kệ với phu nhân mình:

351. Cái vật kia đâm lộc trở cảnh,
Người ta gọi đó một cây xanh,
Chặt cảnh chẳng phải là cây nữa,
Nó chỉ còn trơ trụi khúc mình.
Người chẳng cháu con gì cũng vậy,
Hỡi phu nhân quý tộc cao danh,
Đây là thời điểm dành cho lão,
Sống cuộc đời tu tập Thánh hành.

Nói lời này xong, vị tể sư triệu tập các Bà-la-môn vào diện kiến mình. Sáu mươi ngàn vị đến nơi. Sau đó, ông hỏi cả hội chúng muốn làm gì. Họ đồng đáp:

– Ngài là sư phụ của chúng thần.

Ông bảo:

– Được lắm, thế thì ta sẽ đi tìm con trai ta và theo đời sống tu hành!

Hội chúng đáp:

– Không chỉ riêng ngài mới thấy địa ngục nóng rực lửa, chúng tiểu thần cũng sẽ làm y như ngài vậy.

Vị tể sư liền giao hết kho tàng châu báu cả tám trăm triệu đồng tiền cho bà phu nhân, rồi dẫn đầu cả một đoàn Bà-la-môn trải dài suốt một do-tuần, ra đi đến vùng đất các vị vương tử đang cư trú. Với hội chúng này, cũng như trước, Tôn giả Hatthipāla đứng ở trên không và thuyết pháp.

Ngày hôm sau, bà phu nhân nghĩ thầm: “Bốn nam tử của ta đã từ chối chiếc lọng trắng của hoàng gia để sống đời tu tập. Trọng phu của ta cũng đã để lại kho tài sản và vứt bỏ luôn chức vụ tể sư của triều đình rồi đi theo các con, thế ta còn làm gì một thân trơ trọi nữa? Theo cách các con ta đã đi, ta cũng đi luôn.”

Rồi bà ngâm kệ nói lên ước vọng qua câu tục ngữ:

352. Tháng ngày mưa gió đã qua,
Lưới kia đã bị thiên nga phá rồi,
Tự do bay lượn giữa trời,
Như đàn sếu hạc tung đôi cánh liền,
Vậy ta theo đúng đường thiêng,
Chồng con đã bước, ta tìm tâm mình.

Bà nhủ thầm: “Vì ta biết rõ điều này, sao ta lại không rời bỏ thế tục?” Với dự định trên, bà triệu tập các phu nhân Bà-la-môn lại và bảo:

– Các phu nhân định làm gì giờ đây?

Họ bảo bà:

– Thế phu nhân muốn làm gì?

– Về phần ta, ta sẽ từ giã thế tục.

– Vậy chúng thân thiếp cũng làm việc ấy.

Như thế, bà từ giã mọi cảnh huy hoàng này, ra đi tìm các con mình, đem theo những nữ nhân trải dài trên một do-tuần. Với hội chúng này, Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp.

Hôm sau, vua hỏi:

– Vị tể sư của trăm đầu rồi?

Triều thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, vị tể sư và phu nhân đã vứt bỏ hết cảnh phú quý lại đăng sau rồi ra đi theo các công tử cùng với một hội chúng dài đến hai, ba dặm đường.

Vua phán:

– Tiền bạc vô chủ đến tay ta rồi!

Vua truyền lệnh đem tiền bạc từ nhà vị tể sư về cung. Lúc bấy giờ, chánh hậu muốn biết nhà vua đang làm gì, bà được trình báo:

– Hoàng thượng đang truyền đem về cả kho báu từ nhà vị tể sư.

Bà hỏi:

– Thế vị tể sư đâu?

– Tâu Lệnh bà, ngài đã xuất gia làm ẩn sĩ khổ hạnh cùng với cả vợ con và gia quyến.

Hoàng hậu nghĩ: “Thế tại sao Chúa thượng đây lại truyền đem vào nhà mình thứ phân uế và nước bọt mà vị Bà-la-môn này cùng gia quyến vợ con đã nhổ ra thế kia? Thật là một kẻ ngu si mê mờ, tham đắm làm sao! Ta sẽ khuyên bảo ngài qua ví dụ này.”

Bà truyền lấy một mớ thịt dành cho chó, chất thành một đồng giữa sân hoàng cung, rồi bà đặt một cái bẫy quanh đó, để cho lồi ra vào bẫy mở rộng thẳng lên trời. Bầy kên kên thấy thịt, từ xa vội sà xuống. Song những con chim

khôn ngoan trong đàn ấy nhận ra cái bầy đã được giảng quanh đó và tự biết thân mình quá nặng nề nên không thể bay vút thẳng được liền nôn ra hết mọi thứ chúng đã ăn và không để cho mình bị mắc bầy, chúng lại vút lên không và bay biến mất. Còn những con chim khác vì ngu si mà giáng xuống, ngón ngấu hết các thức mưa ra của đàn trước nên quá nặng nề không thể nào bay thoát được và bị mắc vào bầy. Quân hầu mang một con chim mắc bầy vào dâng lên hoàng hậu và bà tự mang đến chỗ vua. Bà nói:

– Tâu Chúa thượng, hãy nhìn xuống, trong sân châu có một cánh lạ mắt cho ta nhìn đây!

Rồi bà vừa mở cánh cửa sổ vừa nói:

– Tâu Chúa thượng, hãy nhìn đám kên kên kia kìa!

Sau đó, bà ngâm hai vần kệ:

353. Đám nọ đã ăn, đã mưa rồi,
Tự do bay lượn giữa bầu trời,
Đám kia ăn nán và lưu lại,
Giờ bị bắt giam bởi thiếp rồi.

354. Vị tể sư nôn hết dục tham,
Vật kia, Chúa thượng muốn ăn phàm?
Người ăn đồ mưa, tâu Hoàng thượng,
Xứng đáng chê bai cực tệ tàn!

Nghe những lời này, vua trần đầy ăn năn hối hận, ba cõi sinh hữu đều chẳng khác nào đám lửa đang cháy bùng bừng nên vua bảo:

– Ngay chính hôm nay, trẫm phải từ giã vương vị này và sống theo đời ăn dật tu hành.

Lòng nặng trĩu ưu phiền, ngài tán thán chánh hậu qua vần kệ:

355. Khác nào người lực sĩ can cường,
Giúp cánh tay vì kẻ yếu hơn,
Bị chìm trong vũng bùn dơ bẩn,
Hay bãi cát lầy đã lún thân,
Chánh hậu Pañcālī này cũng vậy,
Nàng vừa giải cứu đáng Quân vương,
Bằng nhiều vần kệ ngâm êm dịu,
Như mật rót tai trầm dịu dàng!

Vua vừa nói như thế xong liền lập tức triệu hồi quần thần, lòng nôn nóng theo đuổi cuộc sống tu hành, ngài bảo:

– Còn các khanh sẽ ý sao? Trẫm sẽ đi tìm Hatthipāla và trở thành người tu hành.

Quần thần đáp:

– Tâu Chúa thượng, vậy chúng thần cũng xin làm việc ấy.

Nhà vua rời bỏ vương quyền khắp Ba-la-nại, kinh thành vĩ đại rộng cả mười hai dặm và bảo:

– Ai muốn thì cứ giương lên chiếc lọng trắng vương quyền.

Sau đó, được các triều thần vây quanh, ngài dẫn đầu một dòng người dài cả ba do-tuần, đi đến trình diện vị nam tử kia. Với những người này, Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp.

Bậc Đạo sư ngâm kệ kể chuyện vua này xuất thế thành tu sĩ ra sao:

356. Như vậy, Esukārī Đại vương,
Nắm quyền nhiều lãnh thổ, giang sơn,
Từ vua, ngài hóa thành tu sĩ,
Như thể voi vùng đứt bộ cương.

Ngày hôm sau, dân chúng còn lại trong kinh thành tụ tập lại trước cung môn xin trình báo với chánh hậu, rồi họ đi vào đánh lễ chánh hậu xong liền ngồi sang một bên và ngâm kệ:

357. An lạc thay là đáng Thánh quân,
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần,
Chúng thần nay nguyện cầu Hoàng hậu,
Vào ngự trong ngôi vị đế vương,
Xin hãy yêu thương toàn quốc độ,
Được tay phò trợ của quần thần!

Bà lắng nghe những lời hội chúng thỉnh nguyện xong, bà liền ngâm các vần kệ còn lại:

358. An lạc thay là đáng Thánh quân,
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần,
Bây giờ hãy biết rằng ta quyết,
Tiến bước đơn thân giữa thế nhân,
Cùng bao lạc thú đủ toàn phần.

359. An lạc thay là đáng Thánh quân,
Trở thành ẩn sĩ, bỏ phàm trần,
Bây giờ hãy biết rằng ta quyết,
Tiến bước đơn thân giữa thế nhân,
Bất cứ nơi nào còn ngũ dục,
Ta đều vứt bỏ chúng toàn phần.

360. Thời gian trôi, sáng tối không ngừng,
Dung sắc thanh xuân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta đã quyết,
Bước đi đơn độc giữa phàm trần,

Giã từ khát vọng và tham ái,
Cùng các thú vui đủ mọi phàm.

361. Thời gian trôi, sáng tối qua dần,
Dung sắc thanh xuân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta quyết chí,
Bước đi đơn độc giữa phàm trần,
Nơi nào bất kể còn tham dục,
Ta cũng rời xa chúng mọi phần.

362. Thời gian trôi, sáng tối xoay vần,
Dung sắc thanh xuân phải úa dần,
Nay hãy biết rằng ta ước nguyện,
Bước đi đơn độc giữa phàm trần,
Mọi dây ràng buộc đều quăng bỏ,
Cũng chẳng còn uy lực dục tâm.

Qua các vần kệ trên, bà thuyết pháp cho hội chúng đông đảo ấy xong rồi triệu tập các vị phu nhân của các triều thần và bảo:

- Nay các phu nhân muốn làm gì?
- Tâu Nương nương, thánh ý định thế nào?
- Ta muốn sống đời tu tập.
- Thế thì chúng thần thiếp cũng làm theo Lệnh bà.

Vậy là chánh hậu mở rộng cửa kho vàng trong cung, bà ra lệnh khắc một phiến đá vàng ghi câu: “Nơi đây là cả một đại kho tàng, bất cứ ai muốn đều có thể lấy về.” Phiến vàng ấy được bà cho buộc vào một cái trụ trên một đài cao. Sau đó, từ giã bao cảnh vinh quang tráng lệ của hoàng cung, bà ra đi khỏi kinh thành. Tiếp theo, toàn thành nhốn nháo lên với tiếng la hét:

– Đại vương và chánh hậu đã rời thành đi theo hội chúng tu khổ hạnh, vậy bây giờ ta phải làm gì?

Từ đó về sau, dân chúng rời bỏ nhà cửa cùng các đồ vật trong đó và ra đi, đem theo con cái. Các tiệm buôn bán mở rộng cửa hàng, song chẳng ai buồn quay lại nhìn chúng nữa, cả kinh thành trống vắng không một bóng người.

Và chánh hậu cùng với đoàn người hộ tống dài cả ba do-tuần đi đến cùng nơi chốn như các vị trước đây. Với hội chúng này, Tôn giả Hatthipāla cũng đứng ở trên không và thuyết pháp, rồi sau đó cùng toàn thể dân chúng dài mười hai do-tuần khởi hành về hướng Tuyết Sơn.

Toàn quốc độ Kāsi náo loạn, la hét vang lừng. Câu chuyện nam tử Hatthipāla đã làm cho kinh thành Ba-la-nại rộng mười hai do-tuần trống vắng bằng cách nào, với hội chúng chàng ra đi về vùng Tuyết Sơn ra sao để theo sống đời tu khổ hạnh, dân chúng bảo nhau:

- Thế thì hiển nhiên chúng ta càng nên làm việc ấy!

Cuối cùng, hội chúng này cứ tăng dần đến độ chiếm cả ba mươi do-tuần, rồi vương tử cùng cả đại chúng ấy đi đến Tuyết Sơn.

Thiên chủ Đê-thích trong lúc xét suy, đã nhận biết mọi việc đang xảy ra. Ngài suy nghĩ: “Vương tử Hatthipāla đã làm đại sự xuất thế, quần chúng đông đúc lắm, như thế họ phải có nơi cư trú.” Ngài liền ra lệnh cho thiên sứ Vissakamma (thần xây dựng):

– Này Hiền hữu, hãy ra đi xây dựng vùng am tu dài ba mươi sáu do-tuần và rộng mười lăm do-tuần, rồi thu góp về đó tất cả mọi thứ cần dùng cho các vị tu hành!

Vị này tuân lệnh và dựng bên bờ sông Hằng một nơi ở mát mẻ, dễ chịu cả một vùng am thất theo đúng tầm cỡ cần dùng, chuẩn bị trong các am đầy đủ nệm rom lót bằng cành lá cây, lại để sẵn sàng mọi vật dụng cần thiết cho các vị tu hành. Mỗi am đều có các cửa ra vào, một chôn đi dạo mát, có chỗ ở riêng biệt dùng cho ban ngày và ban đêm, tất cả đều được quét vôi trắng sạch sẽ sáng sủa, lại có thêm các trường kỷ để nghỉ ngơi. Đó đây rải rác đủ loại trái cây tro hoa chỉ chít trên cành khoe đủ sắc hương ngào ngạt. Cuối mỗi chôn dạo chơi là một cái giếng để kéo nước, cạnh đó có cây ăn trái, mỗi cây đều mọc đủ mọi thứ. Tất cả những thứ này đều nhờ thần lực hóa ra cả.

Khi thiên sứ Vissakamma đã xây xong khu ẩn cư này và cung cấp cho các thảo am đủ mọi vật cần thiết, vị ấy ghi các hàng chữ bằng son đỏ trên bức tường: “Ai muốn sống đời tu tập, xin mời đến chỗ các vật dụng này!” Sau đó, vị ấy lại dùng thần lực xua đuổi ra khỏi vùng ấy mọi thứ tiếng kêu kỳ quái, mọi ác điều và mãnh thú, những loại phi nhân rồi trở về cõi của mình.

Tôn giả Hatthipāla chợt thấy vùng ẩn am này là tặng vật của Thiên chủ Đê-thích, ngài đi theo con đường mòn và thấy phiến đá ghi chữ kia, ngài nghĩ thầm: “Thiên chủ Đê-thích hẳn đã nhận thấy ta vừa làm đại sự xuất thế.” Ngài mở một cánh cửa và bước vào am, cầm lên những vật dụng dành cho người tu khổ hạnh; ngài lại bước ra đi dọc theo chôn dạo chơi và quanh quần đó đây vài lần. Sau đó, ngài thu nhận cả hội chúng vào nếp sống tu hành và đi quan sát cả vùng ẩn cư ấy. Ngài để dành phần giữa cho phụ nữ có con thơ, phần kế đó cho các bà già, phần kế nữa cho những phụ nữ không có con cái, còn các am thất khác ở chung quanh đều dành cho nam giới.

Thế rồi một hôm, vị vua kia nghe tin đồn là không có vua trị vì Ba-la-nại liền đi xem và thấy cả kinh thành được trang hoàng rực rỡ với nhiều báu vật. Bước vào cung điện, vua thấy vàng bạc nằm ngổn ngang từng đống. Vị ấy bảo:

– Kia, rời bỏ kinh thành như thế này để trở thành người tu hành ngay khi cơ duyên tốt lành vừa đến, thật là một việc cao cả thay!

Vị vua ấy vừa hỏi đường một anh chàng say rượu nào đó liền đi tìm Tôn giả Hatthipāla. Khi Hatthipāla nhận biết vị vua ấy đã đến ven rừng liền bước ra đón mừng, vừa đứng trên không vừa thuyết pháp cho toàn hội chúng mới. Sau đó,

ngài dẫn những người ấy vào rừng ẩn cư, tiếp nhận cả đoàn vào hội chúng tu tập. Cùng cách trên, sáu vị vua khác gia nhập vào đây. Bảy vị vua này đều từ bỏ mọi phú quý vinh quang. Chốn ẩn cư này rộng cả ba mươi sáu do-tuần cứ đông đúc dần dần. Mỗi khi có một vị đạo nhân nào khởi tư tưởng tham dục hay các tưởng tượng như thế, ngài thường thuyết pháp cho vị đó và giảng dạy hội chúng tư duy về các công hạnh viên mãn (các hạnh Ba-la-mật) và thiên định nên dần dần các vị này tu tập pháp môn nhập định. Hai phần ba hội chúng được tái sanh vào cảnh giới Phạm thiên, còn một phần ba lại được chia ra thành ba nhóm: Một nhóm được sanh lên cõi Phạm thiên; một nhóm được sanh vào sáu tầng trời dục giới; và một nhóm sau khi hoàn thành sứ mạng của vị kiến giả, được sinh vào thế giới loài người. Như vậy, mỗi người trong ba nhóm đều được thọ hưởng công đức của mình. Thế là việc giáo hóa của Hiền giả Hatthipāla đã cứu độ mọi người khỏi đọa địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và khỏi trở thành một asura.²⁵

Trên đảo Tambapaṇṇi (Tích Lan, Ceylon) này, các vị đã làm đại sự xuất thế là Trưởng lão Dhammagutta, vị này đã làm cho địa cầu chấn động; Trưởng lão Phussadeva, một thị dân của thành Kāṭakandhakāra; Trưởng lão Mahāsaṃgharakkhita từ vùng Uparimaṇḍala; Trưởng lão Malayamahādeva từ vùng Abhayagiri; Trưởng lão Mahāsīva từ vùng Gāmantapabbhāra; Trưởng lão Mahānāga từ vùng Kālavallimaṇḍapa; các vị trong hội chúng của ngài Kuḍḍāla, Mūgapakkha, Cullasuttasoma, của Hiền giả Ayoghara và cuối cùng của tất cả hội chúng Hatthipāla.

Do vậy, đức Thế Tôn bảo:

– Hãy vội làm việc lành, ngăn tâm làm điều ác; ai chậm làm phước lành, ý ưa thích điều ác!²⁶

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, ngày xưa Như Lai làm đại sự xuất thế cũng như bây giờ.

Nói xong, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, Phụ vương Suddhodana (Tịnh Phạn) là Vua Esukārī, Mẫu hậu Mahāmāyā là vị chánh hậu kia, Kassapa (Ca-diếp) là vị tể sư, Bhaddakāpilānī là vị phu nhân, Anuruddha (A-na-luật-đa) là Ajapāla, Moggallāna (Mục-kiền-liên) là Gopāla, Sāriputta (Xá-lợi-phất) là Assapāla, hội chúng của Như Lai là toàn thể những người kia và Ta chính là Hiền giả Hatthipāla.

²⁵ Asura (阿修羅, a-tu-la; 修羅, tu-la), một loại ác thần có tánh nóng nảy, sân hận, thường gây chiến với chư thiên cõi trời dục giới.

²⁶ Xem *Dh.* v. 116.

§510. CHUYỆN VƯƠNG TỬ THIẾT THẤT*(Ayogharajātaka)²⁷ (J. IV. 491)**Mầm sống một khi nhập tử cung...*

Câu chuyện này bậc Đạo sư kể về đại sự xuất thế của Ngài. Tại đây, một lần nữa, Ngài bảo:

– Nay các Tỷ-kheo, đây không phải là lần đầu tiên Như Lai làm đại sự xuất thế vì trước kia Như Lai cũng đã làm như thế.

Và Ngài kể cho Tăng chúng nghe một chuyện quá khứ.

Một thuở nọ, khi Vua Brahmadatta trị vì Ba-la-nại, bà chánh hậu thọ thai, đến thời mãn nguyệt khai hoa, bà sinh một vương tử ngay sau buổi rạng đông. Bấy giờ, trong một đời trước, có một phụ nữ khác cũng lấy chồng chung với bà, đã thốt lời thề rằng nàng sẽ tìm cách ăn thịt hài nhi của bà ở đời sau. Chuyện kể lại, vì nàng không sinh sản gì nên đem lòng tức giận cả hai mẹ con bà thuở ấy mới thốt lên lời nguyên như trên. Bởi duyên có đó, nàng tái sanh thành một con quỷ cái. Còn người mẹ kia nay trở thành chánh hậu và sinh hạ hoàng nam này. Con quỷ cái ấy tìm cơ hội hiện hình khủng khiếp chụp lấy hài nhi ngay trước mặt người mẹ và mang đi mất. Hoàng hậu thét lên vang lừng:

– Một con quỷ đã bắt hoàng nam của ta rồi!

Con quỷ kia nhai ngấu nghiến trệu trạo đứa hài nhi như ăn một củ hành sống rồi nuốt chửng hết. Sau đó, nó lại biến hóa tay chân ra đủ hình dạng đe dọa cho hoàng hậu kinh hoàng lên rồi biến đi. Khi vua hay tin dữ ấy, ngài im lặng không nói được gì, ngài suy nghĩ: “Còn biết làm sao chống chọi lại con quỷ cái kia chứ?”

Lần kế tiếp, hoàng hậu lâm bồn, vua sắp đặt quân canh phòng bên cạnh bà. Bà hạ sinh một vương tử nữa, con quỷ ấy lại đến vô lấy đứa bé ăn thịt rồi biến mất. Lần thứ ba, chính là bậc Đại sĩ nhập mẫu thai của chánh hậu. Vua triệu tập một số người lại phán:

– Hễ hoàng nhi nào do chánh hậu của trăm sinh ra đều bị một con quỷ cái đến vô lấy ăn thịt. Vậy phải làm sao bây giờ?

Sau đó, có người tâu:

– Bọn quỷ rất sợ lá thốt nốt, Chúa thượng nên cho buộc một ngọn lá ấy vào tay chân hoàng hậu.

Một kẻ khác lại tâu:

²⁷ Tham chiếu: J. IV. 52, *Mahādhammapālajātaka* (Chuyện Đại nhân Dhammapāla), số §447; Cp. 94, *Ayogharacariya* (Hạnh của đức Bồ-tát Ayoghara); Pe. 1, *Ariyasaccappakāsanapaṭhamabhūmi* (Phần thứ nhất về Tuyên thuyết Thánh đế); Thag. v. 303, *Dhammikatheragāthā* (Kệ ngôn của Trưởng lão Dhammika); Xuất diệu kinh “Vô thường phẩm” 出曜經無常品 (T.04. 0212.1. 0609b22); Pháp tập yếu tụng kinh “Hữu vi phẩm” 法集要頌經有為品 (T.04. 0213.1. 0777a02); *Buddhist Birth Stories* (Những câu chuyện bốn sanh Phật giáo), p. 34.

– Bọn quý cũng sợ cái nhà bằng sắt. Vậy phải dựng lên một cái.

Nhà vua chấp thuận. Ngài triệu tập tất cả thợ rèn trong quốc độ, ra lệnh dựng cho ngài một cái nhà bằng sắt và cho người giám sát công việc của họ. Ngay trong kinh thành, tại một địa điểm khả ái, họ xây lên một ngôi nhà có cột trụ và mọi bộ phận trong nhà không gì khác ngoài sắt. Trong chín tháng, ngôi nhà được hoàn tất, thật là một lâu đài vững chắc kiên cố, được đèn chiếu sáng suốt ngày đêm không bao giờ ngưng cả.

Khi vua biết rằng hoàng hậu sắp mãn nguyệt khai hoa, ngài truyền lệnh sắp đặt tiện nghi đầy đủ cho tòa nhà sắt rồi rước bà vào trong đó. Bà hạ sinh một hoàng nam có đầy đủ mọi quý tướng tốt lành và hai vị đặt tên con là Ayoghara (Thiết Thắt, ngôi nhà sắt).

Vua giao hài nhi cho các nữ hầu trông nom, lại sắp đặt một đội vệ sĩ hùng hậu giữ quanh lâu đài ấy, trong khi ngài cùng chánh hậu đi diễu quanh kinh thành hướng về phía hữu rồi ngự lên thượng lầu nguy nga lộng lẫy của hoàng cung. Đồng thời, con quý cái vì cần uống nước đã đi tìm thứ nước của Thiên vương Vessavaṇa (Tỳ-sa-môn) nên bị giết.

Trong ngôi nhà sắt kia, bậc Đại sĩ lớn lên cùng với trí khôn phát triển dần, ngài được dạy đủ mọi môn học thuật cũng tại nơi đó cả.

Vua hỏi các triều thần:

– Nay vương nhi đã mấy tuổi rồi?

Hội chúng đáp:

– Tâu Chúa thượng, vương tử vừa lên mười sáu. Thật là một trang anh hùng đầy dũng lực cường tráng, đủ để chế ngự cả ngàn con quỷ kia!

Vua liền quyết định giao vương quyền vào tay vương tử. Ngài ra lệnh cho kinh thành trang hoàng rực rỡ, truyền bảo rước vương tử ra khỏi ngôi nhà sắt đến triều kiến ngài. Quân thần tuân lệnh. Toàn thành Ba-la-nại được trang hoàng rực rỡ, kinh đô vĩ đại ấy trải khắp mười hai do-tuần, họ lại tô điểm cho vương tượng bằng tám khăn phủ lưng thật lộng lẫy, phục sức cho vương tử cực kỳ sang trọng rồi đặt ngài lên lưng vương tượng và tâu:

– Tâu Điện hạ, xin Điện hạ ngự du một vòng theo phía hữu quanh kinh thành đang nô nức mở hội này, đây chính là giang sơn sự nghiệp của Điện hạ, sau đó sẽ đến đánh lễ Hoàng thượng là đại vương quốc độ Kāsi, vì hôm nay chính là ngày Điện hạ đón nhận chiếc lông trắng.

Bậc Đại sĩ ngự lễ rước ngài diễu quanh kinh thành theo về phía bên hữu, ngài thấy các hoa viên tuyệt mỹ, đủ màu sắc xinh tươi với hồ nước, các thửa ruộng, vườn cây, nhà cửa phố xá, khắp nơi đều đẹp mắt. Ngài tự nhủ thầm: “Tất cả cảnh sắc thế này mà trong bao lâu nay vương phụ lại giam giữ ta rất cẩn mật, chẳng hề cho ta thấy kinh thành được trang hoàng rực rỡ như thế kia. Ta đã có lỗi gì vậy?” Ngài liền đem câu ấy hỏi các triều thần. Hội chúng đáp:

– Tâu Điện hạ, ngài chẳng có lỗi gì. Song có một con quỷ cái đã xé xác ăn hai vương huynh của ngài mất đi nên đức Thượng hoàng cho ngài ở trong ngôi nhà sắt và chính ngôi nhà sắt ấy đã cứu mạng ngài.

Những lời này lại làm ngài suy nghĩ: “Suốt mười tháng ta đã ở trong bụng mẹ, chắc chẳng có khác gì cái địa ngục hình Chảo Sắt (Thiết Oa) hay địa ngục Phân Dơ (Phản Nị) đâu; rồi khi ta ra khỏi bụng mẹ, cả mười sáu năm trời nay ta sống trong ngục thất kia, không bao giờ có cơ hội nhìn ra ngoài. Mặc dù ta đã thoát được đôi bàn tay của con quỷ kia, ta vẫn không sao thoát được tuổi già và thân chết. Vậy ta sẽ xin phép phụ vương đi theo đời sống tu hành và ta sẽ lên vùng Tuyết Sơn để thực hiện ước nguyện.”

Như vậy, sau khi dự lễ hội rước ngài ngự quanh kinh thành xong, ngài vào hoàng cung đánh lễ phụ vương và đứng chờ lệnh. Vua ngắm dung sắc tuyệt mỹ của ngài, lại nhìn đến quần thần với tâm lòng yêu thương mãnh liệt bùng lên trong đôi mắt. Quần thần hỏi:

– Tâu Chúa thượng, Chúa thượng muốn truyền cho chúng thần làm gì?

– Các hiền khanh hãy đưa vương nhi ngự lên một khối trân châu bảo ngọc, làm lễ Quán đánh cho vương nhi với nước từ ba vỏ ốc xà cừ xong rồi giương chiếc lọng trắng viền tua vàng lên che cho vương nhi!

Song bậc Đại sĩ đánh lễ phụ vương và thưa trình:

– Tâu Phụ vương, con không muốn liên hệ gì với vương triều nữa. Con ước ao sống đời tu tập và con tha thiết cầu mong Phụ vương cho phép con làm việc ấy.

– Nay Vương nhi, tại sao con lại muốn rời bỏ vương vị và sống theo đời tu khổ hạnh?

– Tâu Phụ vương, suốt mười tháng con nằm trong bụng mẹ chẳng khác nào địa ngục Phân Dơ; khi đã sinh ra đời, vì sợ con quỷ dữ mà con phải sống trong cảnh giam cầm, chẳng bao giờ có cơ hội nhìn ra ngoài. Con thấy giống như bị nhốt vào ngục Ussada. Nay đã thoát nạn quỷ cái ấy, song con chẳng bao giờ thoát được tuổi già và cái chết, vì không ai có thể chiến thắng thân chết cả. Con nhàm chán sự sinh ra đời rồi. Vậy trước khi già, bệnh, chết kéo đến với con, con quyết theo đời sống tu hành, tiến bước trong chánh hạnh. Con không muốn ngài vàng dành cho con. Tâu Phụ vương, xin Phụ vương ban ơn, chấp thuận cho con đi!

Rồi ngài thuyết pháp cho thân phụ như vậy:

363. Mầm sống một khi nhập tử cung,
Mới vừa khởi sự bước đầu xong,
Nó liền tiến mãi hoài liên tục,
Sinh mệnh dòng kia chẳng thể dừng.

364. Không một quyền năng, chẳng lực hùng,
Giúp người tránh lão tử sau cùng,
Mọi loài khổ lụy vì sinh lão,
Con quyết tìm thanh tịnh bản thân.
365. Đại vương chiến thắng bởi hùng binh,
Bốn đạo quân nhìn thật đáng kinh,
Song chẳng phá tan quân Diêm chúa,
Nên con nguyên Phạm hạnh phần mình.
366. Dù mã, tượng, xa với đạo quân,
Vây quanh, vài kẻ thoát nhanh chân,
Song không ai thoát tay thần chết,
Con quyết đời thanh tịnh để phần.
367. Với mã, tượng, xa, các đạo binh,
Anh hùng tiêu diệt thấy tan tành,
Song không thấy có người nào đủ,
Sức mạnh phá tan được tử hình,
Vì thế lòng con nay đã quyết,
Cuộc đời Phạm hạnh để cho mình.
368. Voi điên, da dầm ướt trên đường,
Phổ xá giẫm tan, giết hại dân,
Song chẳng thấy người đầy thế lực,
Giẫm tan tiêu diệt tử Ma vương,
Cho nên con quyết lòng tu tập,
Thanh tịnh đời riêng với bản thân.
369. Xạ thủ đại hùng, thiện xảo thay,
Bắn như tia chớp tự xa bay,
Song con không thấy người thừa sức,
Làm tổn thương được thần chết này,
Vì thế lòng con giờ quyết định,
Theo đời thanh tịnh để phần đây.
370. Rừng núi, hồ sông với thạch bàn,
Không lâu để sụp đổ điêu tàn,
Đúng thời vạn vật thành không cả,
Con quyết đời thanh tịnh bước đàng.
371. Giống như cây ở mé bờ sông,
Bán áo, người say đời rượu nồng,
Cuộc sống muôn loài đều khổ cả,
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.

372. Tứ đại rã tan, chúng lụi dần,
Trẻ già, nam nữ, cả nhân quần,
Ngã như trái rụng vì cây đổ,
Con quyết đời thanh tịnh bản thân.
373. Xuân của thế gian khác nữ thần,
Ngự trên tinh tú ấy cô Hằng,
Chẳng bao giờ tuổi xuân về nữa,
Đối với lão niên kiệt quệ dần,
Lạc thú ái ân nào có được,
Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.
374. Ác quỷ, thần tiên lúc nổi sân,
Phun luồng khí độc hại phạm nhân,
Song làn khí độc thần linh ấy,
Chẳng giúp vào xô ngã tử thân.
Vì vậy lòng con giờ đã quyết,
Cuộc đời thanh tịnh để riêng phần.
375. Khi ác thần, yêu quái, quý tinh,
Nổi sân được vượt dịu làm lành,
Do người cúng bái, song không thể,
Vì vậy giờ con đây quyết định,
Cuộc đời thanh tịnh để phần mình.
376. Những người gây tội ác, hung tàn,
Khi lộ bị hình phạt chúa ban,
Song với tử thân không thể phạt,
Nên con nguyện Phạm hạnh lên đàn,
377. Những người gây tội ác đau thương,
Tìm cách cản tay các đế vương,
Song với tử thân tay lưỡi hái,
Việc này xem quả thật vô phương.
Cho nên con quyết giờ đây chọn,
Thanh tịnh đời con tiến thẳng đường.
378. Quân vương, võ tướng, Bà-la-môn,
Những kẻ mang danh vị tối tôn,
Những đại phú gia, người thế lực,
Tử thân cũng chẳng rũ lòng thương.
Cho nên con quyết từ đây sống,
Phạm hạnh đời con đã chọn đường.
379. Cọp, beo, sư tử chụp con mồi,
Tất cả đều ăn sống, nuốt tươi,

- Cho dẫu con mỗi mong giã giũa,
 Tử thần đâu sợ hổ, sư nhai.
 Cho nên con trẻ từ đây quyết,
 Phạm hạnh riêng con sống cả đời.
- 380.** Kẻ xiếc trên sân khấu lộn sòng,
 Diễn trò lừa bịp mắt người trông,
 Muốn lừa thần chết, không mưu kế,
 Thánh hạnh đời con đã quyết lòng.
- 381.** Nọc độc rắn rồng lúc nổi sân,
 Tấn công giết lập tức người trần,
 Nọc kia thần chết không hề sợ,
 Thanh tịnh đời con quyết chọn phần.
- 382.** Nanh độc rắn dùng lúc nổi sân,
 Vị lương y có đủ tài năng,
 Làm tiêu tan hết xà công lực,
 Song chữa vết thương của tử thần,
 Không một anh hùng nào đủ sức,
 Nên con quyết Phạm hạnh riêng phần.
- 383.** Lương y chữa nọc rắn tài tình,
 Đã chết, giờ đây khuất bóng hình,
 Bó-giạ, Vệ-tài, Đa-mãn nữa,
 Nên con quyết Phạm hạnh cho mình.
- 384.** Vài kẻ tinh thông thuật chú thần,
 Tàng hình đi trước mặt tha nhân,
 Tuy nhiên không thể tàng hình mãi,
 Mà tử thần trông thấy vẫn gần.
 Vì vậy lòng con nay quyết định,
 Cuộc đời thanh tịnh để riêng phần.
- 385.** Bất cứ ai theo hạnh phúc chánh chân,
 Đều là người được hưởng bình an,
 Khéo hành chánh đạo nhiều công đức,
 Hạnh phúc thay là bậc chánh chân!
 Chẳng bao giờ có người chánh hạnh,
 Rơi vào trong đọa xứ đau buồn.
- 386.** Đứng chẳng nghiệp quả của riêng mình,
 Đều phải do tà, chánh phát sinh?
 Tà hạnh dẫn người vào địa ngục,
 Chánh chân đưa đến cõi thiên đình.

Khi bậc Đại sĩ đã thuyết pháp như vậy qua hai mươi bốn vắn kệ xong, ngài tiếp:

– Tâu Phụ vương, xin Phụ vương giữ quốc độ cho mình, phần con không màng đến nó chút nào. Ngay khi con đang tâu trình với Phụ vương thì bệnh tật, tuổi già và thần chết đều tiến đến gần con hơn. Xin Phụ vương ở lại vương vị cũ.

Sau đó, chẳng khác nào con voi điên cuồng bật tung xiềng xích bằng sắt, hoặc như chú sư tử trẻ sung sức phá vỡ chiếc lồng vàng, ngài đập tan mọi dục vọng phạm tục trong lòng và đánh lễ song thân rồi ra đi.

Tiếp theo đó, phụ vương của ngài phán:

– Ta cũng không thiết ngại vàng, quốc độ nữa!

Rồi vua cha từ giã thế sự, ra đi cùng ngài. Khi các ngài đi rồi, chánh hậu, các triều thần Bà-la-môn, gia chủ cùng những người khác trong kinh thành đều bỏ nhà cửa ra đi hết. Thế là một đoàn đại chúng trải dài cả mười hai do-tuần, cùng với đám đông này, ngài tiến về phía Tuyết Sơn.

Khi Thiên chủ Đê-thích biết rằng ngài đã xuất gia, liền sai thiên sứ đi xây dựng một vùng am thất trải dài cả mười hai do-tuần, bề rộng bảy do-tuần và truyền bảo vị ấy đem vào đó mọi thứ cần thiết cho cuộc đời tu tập khổ hạnh. Cách thức bậc Đại sĩ tiếp tục thu nhận những người này vào hội chúng xuất gia của ngài và thuyết giáo cho hội chúng, sau đó hội chúng được sinh lên Phạm thiên giới hay chứng đắc quả Tam quả (Bát lai) như thế nào, tất cả đều diễn ra giống như trước kia.

Khi pháp thoại này chấm dứt, bậc Đạo sư bảo:

– Như vậy này các Tỷ-kheo, trước kia Như Lai cũng đã làm đại sự xuất thế.

Sau đó, Ngài nhận diện tiền thân:

– Vào thời ấy, song thân của vương tử kia là phụ hoàng và mẫu hậu ngày nay, hội chúng của Như Lai là các thần dân và Ta chính là Hiền giả Ayoghara.